

**ĐẢNG BỘ XÃ LAM VĨ
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ LAM VĨ
(1947- 2005)**



ĐẢNG BỘ XÃ LAM VỊ
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ LAM VỊ
(1947-2002)



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LAM VĨ

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ LAM VĨ
(1947 - 2005)

XUẤT BẢN NĂM 2007

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LAM VỊ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ LAM VỊ
(1947 - 2005)

QUÉT BẢN NĂM 2007



BAN CHỈ ĐẠO

NGUYỄN VĂN HIỆN - *Trưởng ban*

MA ĐÌNH THƯỢNG

LÔI ĐÌNH NHÀN

BAN SỬU TÂM TƯ LIỆU

NGUYỄN VĂN HIỆN

LÊ NHÂM

LÝ THỊ SẮN

BAN BIÊN SOẠN

LÊ NHÂM - *Chủ biên*

LÝ THỊ SẮN

Ảnh tư liệu do Đảng uỷ xã cung cấp

ĐỌC BẢN THẢO

VŨ THANH KHÔI

LỜI GIỚI THIỆU

Đảng bộ Lam Vĩ có bề dày lịch sử đấu tranh cách mạng. Ra đời sau ngày cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, được tôi luyện và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hơn 60 năm qua Đảng bộ Lam Vĩ lớn mạnh không ngừng, vững vàng tay lái, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng ở địa phương.

Được sự nhất trí của Huyện uỷ Định Hoá, Đảng bộ xã Lam Vĩ đã ra nghị quyết về tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn lịch sử Đảng bộ xã thời kỳ (1947- 2005). Nhằm dựng lại một cách hệ thống quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ trong 60 năm qua. Nội dung cuốn sách tái hiện một cách sống động tinh thần đấu tranh anh dũng của đồng bào các dân tộc trong xã dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác vận động quần chúng, xây dựng Đảng, xây dựng củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đây là việc làm cần thiết góp phần giáo dục cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã,

đặc biệt là thế hệ trẻ thêm tự hào, phát huy sức mạnh truyền thống trong giai đoạn cách mạng mới.

Trong quá trình sưu tầm, khai thác tư liệu và biên soạn cuốn lịch sử, chúng tôi đã thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Định Hoá và sự tham gia đóng góp ý kiến quý báu của các đồng chí lão thành cách mạng, lãnh đạo xã qua các thời kỳ. Mặc dù Ban biên tập đã có nhiều cố gắng phản ánh đầy đủ, trung thực lịch sử, nhưng do hạn chế về khả năng, khó khăn trong sưu tầm tư liệu, do vậy cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa.

Nhân dịp Kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và kỷ niệm ngày thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ, chúng tôi trân trọng giới thiệu cuốn lịch sử Đảng bộ xã giai đoạn 1947-2005.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Bí thư

Nguyễn Văn Hiện

PHẦN MỞ ĐẦU

LAM VĨ - ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH

Lam Vĩ là một xã vùng sâu, vùng xa nằm ở cực Bắc của huyện Định Hóa, được hình thành từ hàng trăm năm trước. Sử cũ⁽¹⁾ còn chép lại: Năm Quang Thuận thứ 7 (1466) vua Lê Thánh Tông đổi tên huyện Định Hóa thuộc Phủ Phú Bình (Thừa Tuyên Thái Nguyên) thành Châu Định Hóa có 9 tổng 31 xã. Xã Lam Vĩ thuộc tổng Phượng Vĩ Thượng. Đến đời vua Nguyễn Gia Long mặc dù địa bàn huyện Định Hoá có nhiều biến động, lúc có tên là Định Châu, lúc lại mang tên là Phủ Tông Hóa nhưng tên xã Lam Vĩ vẫn không thay đổi. Đời vua Đồng Khánh (tức Cảnh Tông Thuận Hoàng Đế 1884-1887) xã Lam Vĩ có hai thôn là Viên Thôn và Duyên Thôn gồm 6 làng: Làng Nâu, Làng Há, Làng Viêng, Làng Cỏ, Làng Trai Đúc và Làng Nuôi⁽²⁾.

(1) Theo "làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX" của Viện Hán nôm. Sách lưu tại Sở Văn hóa TN.

(2) Theo Đồng Khánh dư địa chí do Viện Viễn đông bắc cổ xuất bản- bản dịch từ tiếng Pháp.

Cách mạng tháng Tám thành công, chế độ thực dân phong kiến bị lật đổ, chấm dứt hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa được thành lập, tên và đơn vị hành chính nhiều địa phương cũng được sắp xếp lại. Năm 1946 bỏ cấp tổng, các xã Lam Vĩ, Phụng Vĩ Thượng, Văn La, nhập lại thành một xã và đặt tên là xã Phụng Tú (bao gồm xã Lam Vĩ và xã Tân Thịnh ngày nay). Đến năm 1954 phát động giảm tô thôn Lam Vĩ và Phụng Vĩ Thượng được tách ra từ xã Phụng Tú để thành lập xã Tân Hòa. Phần còn lại nhập vào xã Tân Thịnh. Năm 1967, đổi tên xã Tân Hòa trở lại tên là xã Lam Vĩ⁽³⁾ và tồn tại cho đến ngày nay. Năm 1999, theo Quyết định 364/CP (ngày 6/11/1991) của Chính Phủ cắt thôn Cà Đơ và một phần khu vực Đồng Khiếu, Đồng Đình thuộc xã Tân Thịnh nhập vào Lam Vĩ. Địa giới hành chính được mở rộng thêm, hiện nay có 20 xóm bản.⁽⁴⁾

* *

*

(3) Vì ở Huyện Phú Bình cũng có xã Tân Hòa nên đổi Tân Hòa ở Định Hóa trở lại tên cũ là Lam Vĩ - theo lời kể của ông Phan Mục Vinh, Nguyễn Phúc Cát nguyên Bí thư chi bộ xã Lam Vĩ.

(4) Nà Tắc, Cà Đơ, Khau Viêng, Nà Làng, Nà Toán, Làng Há, Làng Quyền, Thâm Pục, Đồng Keng, Thâm kết, Cốc Ngạn, Đồng Kền, Nà Loòng, Làng Hồng, Làng Giản, Làng cỏ, Bản Tổng, Bản Cẩu, Nà Tiếm, Nà Đin.

Lam Vĩ có diện tích tự nhiên 42 km². Phía đông và phía nam giáp xã Tân Thịnh, phía tây giáp xã Linh Thông, Quy Kỳ, Kim Phượng, phía bắc giáp huyện Chợ Mới (Bắc Kạn). Địa hình đa dạng, phong phú mang đậm đặc trưng của vùng cao nhiệt đới, độ cao trung bình 800m so với mực nước biển. Bên cạnh dải núi đá vôi dựng đứng trải dài từ bắc xuống nam tạo thành đường ranh giới tự nhiên với xã Quy Kỳ, Kim Phượng, phần giáp với xã Linh Thông là đồi đất vừa cao vừa có độ dốc lớn. Độ cao thoải dần về phía đông và phía nam. Đất Lam Vĩ là vùng núi non hiểm trở, đất bằng và đồi thấp có thể khai phá trồng lúa và rau màu chỉ chiếm 10%, nằm sâu và rải rác trên khắp địa bàn. Trải qua thời gian dài, người dân Lam Vĩ với nhiều thế hệ đã kiên trì, cần mẫn khai khẩn dải đất bằng thành ruộng trồng lúa nước. Những đồi thấp thành đồi sắn, nướng chè tươi tốt. Tổng diện tích đất có thể canh tác được khoảng 451 ha, trong đó đất trồng lúa là 269,7ha.

Rừng và đất rừng chiếm 90% diện tích tự nhiên. Từ năm 1970 về trước, nơi đây là vùng rừng núi rậm rạp, ngút ngàn cây cỏ thụ, với nhiều chủng loại thảo mộc, và cây thuốc nam quý, là nơi sinh sống của các loài muông thú như Hổ, Gấu, Hươu, Nai, khỉ, Chim chóc... Đáng tiếc một thời gian dài do nhận thức của người dân và một phần do sức ép của cuộc sống, rừng bị tàn phá nghiêm trọng. Từ năm 1990 đến nay được Nhà nước đầu tư theo dự án

661 để nhân dân trồng rừng, nhiều vùng đất trống, đồi núi trọc được phủ xanh trở lại bằng các giống cây mới, thảm thực vật đang dần được khôi phục, độ che phủ của rừng ngày càng được nâng lên.

Hệ thống dòng chảy ở xã Lam Vĩ phân bố tương đối đều khắp, có 3 con suối lớn và nhiều khe rạch chằng chịt: suối lớn nhất có tên là suối Cái bắt nguồn từ Pác Cáp xã Linh Thông chảy từ tây bắc xuống đông nam. Suối thứ hai bắt nguồn từ Nà Tác chảy dọc từ Bắc xuống Nam nhập vào suối Cái ở Làng Há. Suối thứ ba bắt nguồn từ chân núi phía tây tiếp nhận nước từ các khe trên núi cao chảy xuống phía nam và cùng đổ vào dòng suối Cái ở địa phận xã Tân Dương. Lưu lượng nước lớn nên đã giữ được độ ẩm, là nguồn cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Đây là một trong những yếu tố cơ bản làm cho cây cối quanh năm xanh tốt, góp phần giữ môi trường sinh thái luôn trong lành. Tuy nhiên vào mùa mưa nước từ trên các triền núi cao đổ xuống gây ra lụt lội, thiệt hại cho sản xuất, hoa màu và ảnh hưởng đến việc đi lại của nhân dân.

Về giao thông, một thời gian dài giao thông Lam Vĩ không phát triển, vì làng, bản cách xa nhau lại thưa thớt, núi rừng hiểm trở. Đường từ bản này qua bản khác là đường mòn tắt qua đồi, qua suối, đường nhỏ chỉ đủ cho người đi bộ, các con đường mòn xuyên núi là những lối đi

của người đi khai thác lâm sản và săn bắn thú rừng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, có một số đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn xã như xưởng Quân giới đóng tại Văn La, xưởng Quân khí đóng tại Bản Tò thôn Làng Quyền... nhiều đường mòn được mở thêm để phục vụ dân sinh và phục vụ cho cuộc kháng chiến, kiến quốc. Từ phía tây các con đường vượt Đèo Bồn đến xã Kim Phượng vượt rừng đi tắt sang Quy Kỳ, Linh Thông lên Chợ Đồn (Bắc Kạn). Từ phía bắc đi tắt sang Chợ Mới (Bắc Kạn), phía nam sang Tân Thịnh, Tân Dương, Phượng Tiến, ra Chợ Chu hòa vào mạng lưới giao thông chằng chịt, nối liền mạch máu giao thông của căn cứ địa kháng chiến. Suốt một thời gian dài từ khi kết thúc cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, (năm 1954 miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội cho đến năm 1995), mặc dù được Đảng và Nhà nước quan tâm, hệ thống giao thông có được cải thiện, các đường liên thôn, liên xóm được mở mang thêm, nhưng việc đi lại vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Đến năm 2000, được Nhà nước đầu tư, nâng cấp, mở rộng đường và rải nhựa tuyến đường trục từ Chợ Chu tới cụm xã vùng sâu vùng xa (Tân Thịnh, Lam Vĩ, Linh Thông) ô tô đi lại thuận tiện đến trung tâm xã và một số xóm bản. Đây là điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân Lam Vĩ tiếp nhận các dự án đầu tư của Nhà nước, xây dựng xã

Lam Vĩ trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội ở cụm xã vùng cao phía bắc huyện, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho nhân dân, vươn lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Về dân cư, sự hình thành cộng đồng dân cư nhiều dân tộc diễn ra chậm chạp kéo dài nhiều thế kỷ là một nét rất riêng của xã Lam Vĩ. Ban đầu quy tụ ở đây chỉ có dân tộc Tày sống thành chòm xóm thưa thớt, tập trung ở hạ lưu những con suối. Người Tày đã khai phá đất hoang làm ruộng trồng lúa nước, phát nương trồng các loại cây màu, biết làm cối giã gạo bằng sức nước, xây đình, miếu thờ các ngọn núi cao (sơn thần). Những nếp nhà sàn tựa mình bên sườn đồi, quanh nhà, quanh bản là những đồi cọ, khóm tre, mai, hóp và cây ăn quả như cam, quýt, bưởi, mơ, mận là hình ảnh quê hương, là biểu tượng của người Tày gắn bó, hòa đồng với thiên nhiên, kết tinh văn hóa đặc trưng của người dân Lam Vĩ.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, bằng sự dịch chuyển tự nhiên, một số dân tộc khác như Nùng, Hoa, San Chí từ phía bắc chuyển xuống, số lượng ít nên họ nhập vào sinh sống trong các bản của người Tày. Năm 1963, 1965 có 48 hộ với 100 khẩu từ các huyện Kiến Xương, Vũ Thư, Hưng Hà (Thái Bình) theo tiếng gọi của Đảng lên Lam Vĩ xây dựng quê hương mới. Do đất rộng người

thừa, ruộng nhiều, cấp ủy chính quyền xã phân chia đồng bào Thái Bình về các đội sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp, cấp đất, vận động nhân dân sở tại giúp nguyên vật liệu và nhân công dựng nhà cửa ổn định đời sống. Đồng bào Thái Bình mang theo kinh nghiệm sản xuất và phong tục tập quán tốt đẹp từ miền xuôi đến làm phong phú thêm đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ở vùng đất này. Cuối năm 1978 đầu năm 1979 xung đột ở biên giới phía bắc nổ ra, một số đồng bào Nùng ở Cao Bằng di xuống lánh nạn, được chính quyền và nhân dân Lam Vĩ đùm bọc, giúp đỡ. Khi tình hình biên giới trở lại yên bình một số hộ đã ở lại và trở thành cư dân nơi đây. Cùng thời gian này 10 gia đình người Dao chuyển từ Cao Bằng, Lạng Sơn xuống khu vực Cà Đơ xã Tân Thịnh. Ban đầu họ phát rẫy trồng tía, sau đó được hỗ trợ bằng chính sách định canh, định cư họ rời bỏ tập quán du canh, du cư sống ổn định thành làng, bản, làm ruộng như các dân tộc khác trong hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1999 theo quyết định 364 của Chính phủ, làng Cà Đơ của xã Tân Thịnh chuyển về xã Lam Vĩ, dân tộc Dao đã hòa nhập vào đại gia đình các dân tộc ở xã. Theo điều tra dân số năm 2000 toàn xã có 938 hộ 4082 khẩu. Gồm 8 dân tộc anh em Tày, Nùng, Kinh, Hoa, Dao, San Chí, Thái, Mường cùng chung sống. Người Tày đông nhất chiếm 80% dân số toàn xã.

Quá trình lao động để tồn tại, phát triển và đấu tranh bảo vệ cuộc sống, nhân dân các dân tộc ở Lam Vĩ đã kề vai, sát cánh bên nhau trong sự cố kết làng xã. Từ đó bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc vừa có sắc thái riêng vừa có sự giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau, người dân Lam Vĩ hồn nhiên, chất phác, cần cù lao động, yêu quê hương làng xóm, đó là truyền thống quý báu được các thế hệ tôn trọng, kế thừa và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử.

Trải qua các thời kỳ lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, Người dân Lam Vĩ không chịu khuất phục trước kẻ thù mà cùng với nhân dân toàn huyện đứng lên đấu tranh chống lại âm mưu nô dịch, đồng hóa dân tộc của giặc phương Bắc. Thế kỷ XVI nội chiến xảy ra giữa các thế lực phong kiến Trịnh - Mạc- Nguyễn tranh giành quyền bính. Một đạo quân của nhà Mạc kéo vào Định Hóa, dựa vào thế đất hiểm yếu chống lại họ Trịnh. Nơi đây đã diễn ra nhiều cuộc giao tranh ác liệt, làm cho đời sống người dân vô cùng khổ cực. Căm ghét cuộc chiến tranh phi nghĩa của các tập đoàn phong kiến, nhân dân các dân tộc xã Lam Vĩ đã đoàn kết đứng lên đấu tranh chống lại các tập đoàn phong kiến và hướng về cuộc khởi nghĩa của Quang Trung (Nguyễn Huệ) góp phần đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh thống nhất đất nước.

Từ năm 1870 “ giặc cờ vàng”⁽¹⁾ do Lường Tam Kỳ làm thủ lĩnh tràn vào Định Hoá chiếm Chợ Chu làm sào huyệt. Từ đây chúng cho quân đi cướp bóc các vùng xung quanh. Một toán "giặc cờ vàng" kéo vào đông bắc xã Lam Vĩ chiếm đất, cướp ruộng của dân lập đồn trại cho quân cày cấy⁽²⁾, hàng ngày chúng vào các bản làng cướp bóc, gây bao tai hoạ cho người dân trong xã. Không chịu khuất phục trước sự bạo ngược của chúng, nhân dân xã Lam Vĩ dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở để tổ chức chống lại. Năm 1889 thực dân Pháp tấn công đánh chiếm Định Hóa. Toán quân cờ vàng ở Lam Vĩ được rút về Chợ Chu cùng Lường Tam Kỳ chống Pháp. Để bảo vệ quyền lợi ích kỷ của mình, Lường Tam Kỳ đã phát động nhân dân đứng lên chống Pháp, gây cho kẻ thù nhiều khó khăn khi đánh chiếm Định Hoá. Trước tình hình đó thực dân Pháp đã dùng tiền, bạc và quyền lực để mua chuộc Lường Tam Kỳ. Sau nhiều lần thương thuyết trao đổi ngày 14/8/1890 Lường Tam Kỳ đã ký với Pháp bản giao ước, theo đó Pháp phong cho Kỳ làm Phó lãnh binh Thái Nguyên kiêm phòng phủ xứ trực tiếp cai quản Định Hóa, hàng năm được Pháp cấp tiền bạc (40.200 đồng tiền Đông Dương) để nuôi quân sĩ. Đổi lại Lường Tam Kỳ không được

(1) Lịch sử Đảng bộ huyện (sdd).

(2) Khu vực đóng quân của "giặc cờ vàng" sau này được nhân dân trong vùng gọi là Nà Tắc (tiếng Tày gọi là ruộng của giặc là Nà Tắc).

chống lại Pháp và cùng quân Pháp đảm bảo an ninh vùng Định Hóa và một số nơi khác thuộc tỉnh Tuyên Quang. Cũng theo giao ước này Pháp đặt một "đại lý cai trị" bên cạnh chính quyền người bản xứ, thực chất là thu tóm mọi quyền hành. Đến đây nhân dân Định Hóa nói chung, nhân dân Lam Vĩ nói riêng, phải chịu thêm cảnh khốn cùng vì hai kẻ thù cấu kết với nhau thống trị. Không chịu cảnh bị đè nén, ép buộc nhân dân Định Hóa đã hướng về những người yêu nước đứng lên chống Pháp. Khi Hoàng Hoa Thám dấy binh khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang), mở rộng địa bàn hoạt động sang Định Hóa, nhân dân Lam Vĩ đã bí mật dẫn đường giúp nghĩa quân đánh giặc ở nhiều nơi, tiêu biểu là trận đánh ngày 13/9/1912, nghĩa quân được nhân dân Lam Vĩ giúp sức tiêu diệt nhiều tên giặc trên đoạn đường từ Chợ Chu qua Lam Vĩ, sang Chợ Mới. Chiếm được Định Hóa, nhằm củng cố thế lực ở các tổng, xã trong huyện, cũng như ở tổng Phượng Vĩ Thượng, thực dân Pháp sử dụng các chức sắc là người địa phương, nhằm biến họ thành tay sai đắc lực đàn áp, bóc lột nhân dân. Đứng đầu cấp tổng có chánh tổng, rồi đến phó tổng, cấp xã có lý trưởng, phó lý, trưởng bạ, phó bạ, tiên chỉ, thứ chỉ, trương tuần, hào mục, chức dịch. Để đảm bảo an ninh thực dân Pháp còn thiết lập ba trạm gác điểm canh ở Khe Thí, Đèo Cây và Đòng Khiếu án ngữ các con đường từ Chợ Mới sang, Chợ Chu vào, ngày đêm cho lính đồng

canh phòng, tuần tiễu, kiểm soát mọi hoạt động của người dân và theo dõi người lạ mặt đến các làng bản. Thông qua bộ máy thống trị, thực dân Pháp thi hành nhiều thủ đoạn thâm độc và tàn bạo. Để vơ vét được nhiều của cải, chúng đặt ra nhiều thứ thuế, trong các thứ thuế, thuế đinh (còn gọi là sưu) là thứ thuế áp dụng đối với nam giới từ 18 tuổi trở lên, mỗi xuất sưu chúng thu 2,8 đồng (ngang giá với một tạ thóc), Sau thuế đinh là thuế điền, thuế lâm sản... Các thứ thuế đó chúng thu mỗi năm một tăng, từ năm 1921 đến năm 1944 mức thuế đã tăng 5 lần. Chánh tổng, lý trưởng ở Lam Vĩ còn tự đặt ra lệ làng, lệ xã vơ vét, sách nhiễu người dân. Mỗi khi nhà dân có việc hiếu, việc hỷ, kỳ yên giải hạn phải mời các chức dịch đến ăn, song còn phải biếu xén cho chúng. Cùng với thuế khóa nặng nề là nạn phu phen tạp dịch. Thực dân Pháp bắt mỗi xuất đinh hàng năm đi phu 15 ngày, làm sai dịch cho chánh tổng 5 ngày. Để mở đường 38 Phố Ngũ Chợ Chu và đường Chợ Chu -Thành Cốc, hàng trăm lượt người dân ở xã Lam Vĩ bị ép thay nhau lên công trường làm đường, họ phải tự túc lương thực, dụng cụ và phải làm việc đến kiệt sức, ốm đau bệnh tật cũng không được tha.

Để dễ bề cai trị, thực dân pháp triệt để thi hành chính sách ngu dân. Do đó dưới chế độ thực dân phong kiến 99% số dân Lam Vĩ mù chữ, từ 1931- 1945 cả xã mới có

10 người được đi học tại trường tiểu học Chợ Chu là trường dành cho con em quan lại và những người giàu có, đến năm 1936 ở tổng Phụng Vĩ Thượng mới có 2 lớp hương sư, một lớp ở Làng Quyền do ông Ma Đình Thư dạy, một lớp ở Làng Há do ông Mông Đình Thông dạy, các lớp học này cũng chỉ tiếp nhận được hơn chục học sinh mà cũng là con em những nhà khá giả mới được theo học. Đồng thời với khuyến khích duy trì những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, chúng còn phổ biến lối ăn chơi xa đọa, cấm người dân bản xứ không được nấu rượu, để ép mọi người phải mua "rượu ty" của hãng Phong Ten, kể cả gia đình có việc tang việc hiếu đều phải mua rượu của chúng, làng nào không tiêu thụ hết số rượu chúng đưa về thì phải phạt và vẫn phải trả tiền. Chúng khuyến khích Luồng Tam Kỳ mở sòng bạc, tiệm hút thuốc phiện tại Chợ Chu, cứ đến phiên chợ nhiều người ở Lam Vĩ ra Chợ Chu đánh bạc, hút sách. Ở làng xã các cuộc vui như hội làng, cưới xin, đình đám đều là nơi tụ tập đánh bạc, hút thuốc phiện. Cờ bạc, thuốc phiện, rượu còn đã đẩy người dân vào vòng túng quẫn, nhiều người phải bán ruộng, bán vườn, gia đình khánh kiệt. Những việc làm của chúng nhằm hủy hoại cả thể xác lẫn tinh thần của người dân, để họ quên đi nỗi nhục mất nước, từ bỏ con đường đấu tranh cách mạng.

Không có nhà thương bệnh viện, cả huyện chỉ có một trạm xá nhỏ ở Chợ Chu, chữa bệnh cho quân đồn trú và bọn quan lại, người dân ốm đau chỉ trông chờ vào sự may rủi của số phận hoặc gọi thầy cúng, bái đuổi tà ma. Nhiều người chết vì những căn bệnh thông thường, chỉ vì thiếu hiểu biết và quá tin vào thầy mo, thầy cúng. Trong khi không mở mang trường học, bệnh viện thực dân Pháp lại tập trung nhiều tiền của xây dựng nhà tù để giam giữ những người yêu nước. Bằng nhiều thủ đoạn xảo quyệt và tàn ác, thực dân Pháp và phong kiến tay sai đã thiết lập một trật tự mới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đặt Lam Vĩ vào vòng kiểm soát gắt gao của chúng, ngăn chặn không cho những ảnh hưởng cách mạng, tiến bộ tràn vào khu vực này. Từ thực tế đó đã làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân với quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước ngày một sâu sắc. Có áp bức thì có đấu tranh, khi có Đảng lãnh đạo nhân dân Lam Vĩ đã một lòng theo Đảng đứng lên làm cách mạng góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh giành độc lập tự do của dân tộc.

*

* * *

Sau cao trào 1930-1931, thực dân Pháp khủng bố gắt gao phong trào cách mạng ở miền xuôi, nhiều đảng viên cộng sản và những người yêu nước bị địch truy đuổi lùng

bắt. Trong bối cảnh ấy, năm 1932 hai đảng viên cộng sản ở tỉnh Hà Nam vượt vòng vây giặc lên Định Hóa lánh nạn đó là đồng chí Vũ Hưng (tức Hai Cao) sinh sống ở Bộc Nhiêu, đồng chí Nguyễn Đình Chiêm (tức Phó Mùa) đầu tung tích ở Quán Vuông (Trung Hội). Năm 1935 hai đồng chí gặp nhau, với ý thức của người đảng viên cộng sản, mặc dù không bắt được liên lạc với Đảng, nhưng 2 đồng chí đã thống nhất với nhau là nắm tình hình quần chúng và xây dựng cơ sở cách mạng ở Trung Hội rồi phát triển ra toàn huyện. Sau một thời gian hoạt động, năm 1937 Tổ công tác cách mạng đầu tiên được thành lập ở xã Trung Hội gồm 7 người. Đội ngũ cán bộ trung kiên này đã tỏa đi các xã tích cực hoạt động, vận động quần chúng tham gia cách mạng. Ban đầu vận động nhân dân đấu tranh chống bọn Tây đoan vào làng thu thuế, chống bắt phu, bắt lính đi xây đồn bốt cho Pháp. Năm 1938, để phục vụ cho việc vơ vét tài nguyên và hành quân càn quét, thực dân Pháp bắt dân phu Định Hóa đi làm đường từ Chợ Chu đi Thành Cóc (Tuyên Quang) trong đó có đoàn dân phu xã Lam Vĩ. Phải làm việc trong điều kiện hết sức khắc nghiệt, lại bị bọn cai thầu đánh đập, bóc xén tiền công, dân phu xã Lam Vĩ đã cùng dân phu toàn công trường đã nổi dậy đấu tranh và tuyên bố nghỉ việc, kéo về dinh Tri phủ đưa yêu sách, trước sự phẫn nộ của dân phu, tên tri phủ phải chấp nhận tăng tiền công từ 0,12 đồng lên 0,25 đồng

và bồi thường cho những người bị đánh đập. Đây là cuộc đấu tranh do những cán bộ trung kiên trong Tổ công tác cách mạng lãnh đạo nên có tổ chức, có mục tiêu đấu tranh cụ thể. Thắng lợi của cuộc đấu tranh không những gây được niềm tin tưởng trong nhân dân mà còn có tiếng vang đối với các châu, huyện lân cận. Từ cuộc đấu tranh này cơ sở cách mạng Định Hóa bắt được liên lạc với cơ sở Đảng La Bằng (Đại Từ). Thông qua đó, phong trào cách mạng Định Hóa tiếp thu được phần nào sự lãnh đạo của Đảng đưa phong trào phát triển đúng hướng. Từ Trung Hội những quần chúng trung kiên trong Tổ công tác cách mạng tích cực tuyên truyền vận động sang các xã Bảo Cường, Trung Khảm, Đồng Thịnh và từ đây các hội quần chúng được bí mật thành lập và hoạt động sôi nổi.

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ và diễn biến ngày càng phức tạp. Nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng, ở Viễn Đông phát xít Nhật cho quân kéo vào Đông Dương, bọn phản động Pháp ở Đông Dương ký hiệp ước dâng nước ta cho Nhật. Đất nước ta bị hai tên đế quốc hung hãn dày xéo, nhân dân ta rên xiết dưới hai tầng áp bức. Ngày 27/9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra, phát triển liên kết với phong trào cách mạng ở Võ Nhai làm cho kẻ thù khiếp sợ. Lực lượng của ta từ những đội du kích nhỏ đã phát triển thành đội Cứu

quốc quân và hình thành căn cứ Bắc Sơn- Võ Nhai. Từ cuộc chiến đấu kiên cường, bất khuất của nghĩa quân Bắc Sơn- Võ Nhai, Đảng ta đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm quý về đấu tranh vũ trang và xây dựng căn cứ cách mạng. Đầu năm 1940, đồng chí Vũ Hưng (tức Hai Cao) đến làm việc với Chánh tổng Phụng Vĩ Thượng, xin mở lớp dạy học ở Lam Vĩ, để có điều kiện gần gũi, tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho quần chúng. Nhưng kế hoạch này chưa kịp thực hiện thì Tri phủ Định Hoá đã bổ nhiệm ông Mông Đình Thông về Lam Vĩ dạy học. Các ông Mông Đình Thông, Lôi Đình Long trước đó đã được đồng chí Vũ Hưng tuyên truyền giác ngộ cách mạng, nên đây cũng là điều kiện thuận để nhen nhóm ngọn lửa cách mạng ở Lam Vĩ.

Tháng 5/1941 Trung ương Đảng họp hội nghị quyết định chuyển hướng cách mạng sang giai đoạn mới, lấy mục tiêu độc lập dân tộc làm nhiệm vụ số một. Phương pháp để thực hiện mục tiêu này là đoàn kết toàn dân trong mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt minh), phát động chiến tranh du kích ra toàn quốc, khởi nghĩa từng phần giành chính quyền từng bộ phận tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 của Đảng đã trực tiếp thúc đẩy phong trào cách mạng ở các địa

phương. Cũng trong thời gian này đồng chí Vũ Hưng bị kẻ thù lòng bắt, được cơ sở cách mạng ở Định Hoá che chở đồng chí đã thoát khỏi vòng vây giặc, nhưng khi đến Đại Từ thì bị sa vào tay giặc. Người lãnh đạo phong trào bị bắt, cơ sở cách mạng ở các xã trong đó có Lam Vĩ không nhận được sự chỉ đạo của Tổ công tác cách mạng nên thiếu phương hướng hoạt động dẫn đến phong trào bị lắng xuống.

Từ cuối năm 1941 khi Cứu quốc quân mở rộng địa bàn hoạt động sang vùng Định Hoá, các đội vũ trang tuyên truyền của Cứu quốc quân phối hợp với cơ sở cách mạng ở địa phương bí mật xuống thôn, bản tuyên truyền phổ biến chủ trương cứu nước của Đảng, chương trình "đánh Tây đuổi Nhật" của Mặt trận Việt minh, nhiều bài ca cứu nước bằng cả tiếng Tày, tiếng Dao, tiếng Kinh được phổ biến rộng rãi đến các vùng đồng bào dân tộc, làm cho đường lối của Đảng nhanh chóng thâm nhập vào quần chúng nhân dân. Do đó, cuối năm 1942 phong trào cách mạng trong toàn huyện phát triển nhanh chóng và rộng khắp. Tuy vậy ở phía tây Bắc huyện Định Hoá, trong đó có Lam Vĩ ảnh hưởng của cách mạng đến còn chậm, có thể nói ánh sáng cách mạng đã được soi rọi vào xã Lam Vĩ từ những năm 1940 nhưng không phát triển được, việc gây dựng một tổ chức cách mạng làm nòng cốt để

lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương gặp nhiều khó khăn. Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là bọn thực dân Pháp phát hiện vùng đất này tuy hiểm trở, dân cư thưa thớt, nhưng không thể xem thường; Vì nơi đây có các con đường giao thông từ Định Hoá lên Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn lên biên giới Việt-Trung một cách dễ dàng. Từ sự phát hiện đó, Pháp đã tăng cường lực lượng canh gác, cài cắm mật thám chỉ điểm, khi có người lạ mặt đến Lam Vĩ, không những xã đoàn mà tổng đoàn và nhiều khi Châu đoàn cũng biết. Lính Pháp còn thường xuyên đi lùng sục khi chúng nghi ngờ có "Cộng sản" xâm nhập vào Lam Vĩ.

Từ năm 1942 trở đi, liên tục có nhiều đoàn cán bộ từ nhiều hướng bí mật vào Lam Vĩ tuyên truyền, vận động xây dựng cơ sở cách mạng, nhưng đều bị kẻ thù phát hiện phải rút khi chưa thực hiện được ý định.

Ngày 11/8/1942, có 4 người là La Thị Ninh, Hoàng Đình Chu, Phan Thị Họ và Chu Văn Phẫu từ Ngân Sơn đến xã Thanh Mai (Bạch Thông) rồi đi tắt đường mòn qua Đèo Cây bí mật tìm đến nhà bà Lưu Thị Uẩn vợ ông Nguyễn Đình Lô ở Bản Khau Viêng xã Lam Vĩ. Do có mối quan hệ chị em họ hàng với bà Uẩn, nên 4 người này được vợ chồng ông Lô tiếp đón. Biết được ông Lô là người tốt, có cảm tình với cách mạng nên ông Hoàng

Đình Chu đã tuyên truyền và nói họ là Cứu quốc quân có nhiệm vụ đi tìm địa điểm để xây dựng căn cứ ở khu vực này, đồng thời nhờ ông Lô dẫn đường, ông Lô đã đưa ông Chu đến Cam Lùng một khu rừng rậm ở lưng chừng núi Nản, địa hình hiểm trở nhưng có đường thông sang Linh Đàm (Linh Thông), Quy Kỳ từ đây qua phía tây liên lạc với nhiều nơi trong huyện. Hoàn thành công việc chọn địa điểm đội Cứu quốc quân chuẩn bị hôm sau sẽ trở về Ngân Sơn thì tối 12/8/1942 lực lượng lính đồng do châu đoàn Nghiêm và xã đoàn Kim ập đến bắt ông Lô cùng 4 người "lạ mặt" giải về Phủ đoàn ở Chợ Chu để xét hỏi. Khi khám nhà ông Lô xã đoàn Kim thu được một số tài liệu "bí mật" mà 4 người này gửi nhờ ông Lô cất giúp, xã đoàn Kim vốn có cảm tình với cách mạng nên dẫu không đem nộp tài liệu này cho quan phủ. Sau 2 ngày bị giam giữ không tìm được chứng cứ, ngoài lời khai là anh em họ hàng đến thăm nhau. Châu đoàn buộc phải trả tự do cho họ, 4 cán bộ Cứu quốc quân được bảo vệ trở về Ngân Sơn an toàn⁽¹⁾.

Tại một hướng khác một tổ Việt minh gồm 3 người giả đi buôn gỗ từ Chợ Mới sang theo đường mòn đến Bản Mù (Thịnh Mỹ, xã Tân Thịnh ngày nay) từ đây các đồng

(1) Theo lời kể của đồng chí Nguyễn Đình Lô, sau này ông Hứa Đức Kim được cách mạng khen thưởng.

chí đã bí mật tìm gặp một số lý trưởng, hương lý, kỳ hào có thái độ không hợp tác với Pháp đàn áp nhân dân để tuyên truyền chương trình của Việt minh. Công việc chưa thành đã bị tổng đoàn phát hiện vây ráp, lùng sục, được cơ sở dẫn đường các đồng chí đã vượt qua trạm gác Khe Thí trở về Chợ Mới an toàn.

Có thể nói, cán bộ cách mạng có thể bí mật qua, lại, nhưng không trụ lại được để tuyên truyền vận động quần chúng xây dựng cơ sở cách mạng tại Lam Vĩ. Do vậy chỉ có một cách duy nhất là phải phát triển từ cơ sở, do người Lam Vĩ thực hiện. Vào thời điểm đó ông Ma Đình Liên và ông Hạc Văn An dạy học ở các xã Linh Đàm (Linh Thông) và xã Quế Linh (Bảo Linh) phần nào chịu ảnh hưởng của phong trào cách mạng đang từng ngày diễn ra ở đó, hai ông được thầy giáo cũ là Ma Đình Tương và Nguyễn Văn Sạch tuyên truyền giác ngộ, đưa tài liệu về chương trình cứu nước của Việt Minh để nghiên cứu và giao nhiệm vụ về xã xây dựng cơ sở cách mạng. Ông Ma Đình Liên đã từng dẫn đầu một số giáo viên dạy ở các trường hương sư kéo lên dinh Tri Phủ, tố cáo viên đốc học tham lam quyt lương của giáo viên và đòi phải trả lương đúng hạn, Tri phủ Hà Sĩ Tinh phải nhượng bộ. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi càng tăng thêm niềm tin vào sự đoàn kết đấu tranh giành quyền sống. Với những hiểu biết

về cách mạng và kinh nghiệm đấu tranh các ông Ma Đình Liên và Hạc Văn An đã về xã gặp ông Mông Đình Thông, Lôi Đình Long đã được đồng chí Vũ Hưng giác ngộ đang dạy học tại xã, cùng trao đổi bàn bạc cách thức tuyên truyền vận động nhân dân tiến tới thành lập tổ Việt minh ở xã Lam Vĩ. Sau một thời gian tuyên truyền vận động, số quần chúng được giác ngộ ngày một đông. Ngày 19/9/1942, tại lớp hương sư ở Làng Há (nơi ông Thông dạy học) Tổ Việt minh xã Lam Vĩ được thành lập gồm các ông Ma Đình Liên, Hạc Văn An, Mông Đình Thông, Lôi Đình Long... do ông Ma Đình Liên làm tổ trưởng. Ngay sau khi thành lập, tổ đề ra kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, đồng thời nhấn mạnh cần vận động giác ngộ đội ngũ hương lý, kỳ hào có cảm tình với cách mạng để tập hợp quần chúng. Ông Ma Đình Liên và ông Hạc Văn An làm nhiệm vụ liên lạc với Tổ công tác cách mạng ở Trung Hội, nhận tài liệu hướng dẫn và sự chỉ đạo của trên về truyền đạt với tổ. Ông Mông Đình Thông phụ trách việc tuyên truyền tập hợp quần chúng ở các thôn bản xúc tiến thành lập các tổ chức quần chúng ở cơ sở. Tổ Việt minh xã Lam Vĩ ra đời đánh dấu bước phát triển mới, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng, làm tăng thêm lực lượng cho phong trào cách mạng trong toàn huyện, khai thông sự chỉ đạo của Việt minh đến vùng núi đông bắc của huyện.

Theo kế hoạch của tổ đề ra, các thành viên đã phân công nhau xuống các thôn bản vận động nhân dân thành lập hội tương tế, hội ái hữu, tổ chức này hoạt động công khai trên danh nghĩa giúp nhau làm việc thiện như tang, hiếu, cưới xin, làm nhà, cấy gặt...nên thu hút được nhiều người tham gia, trong đó có cả những nhà chức trách trong làng xã. Thông qua hội này Tổ công tác từng bước đưa nội dung cách mạng vào tuyên truyền giác ngộ quần chúng. Do xác định đúng đường hướng vận động nên đầu năm 1943, Tổ Việt minh xã Lam Vĩ có bước phát triển nhảy vọt, không những vận động được đông đảo quần chúng tham gia mà còn cảm hoá, giác ngộ được những người có chức sắc trong xã vào Tổ Việt minh như Ma Văn Tư, Mông Đình Sơn, Triệu Văn Chu (là lý trưởng) Nguyễn Đình Lai, Lâm Văn Thon (dõng, xã đoàn) Ma Văn Lân (Phó tổng)... Phong trào cách mạng xã Lam Vĩ phát triển, rộng khắp, những quần chúng trung kiên đã xuống các thôn, bản phổ biến giải thích chương trình, điều lệ của Mặt trận Việt minh là đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân đứng lên làm cách mạng giải phóng quê hương, đất nước khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp, giành quyền độc lập, xoá bỏ áp bức bóc lột. Các ông Triệu Đình Chu, Lôi Đình Long là chức sắc trong xã được giao nhiệm vụ một mặt nắm tình hình hoạt động của bọn mật thám chỉ điểm,

phân hoá cô lập bọn tay sai đắc lực, mặt khác bí mật, khôn khéo vận động những hương lý, kỳ hào không tuân theo sự điều hành của giặc vào Tổ Việt minh.

Để mở rộng căn cứ, một bộ phận Cứu quốc quân rút đi làm nhiệm vụ "Bắc tiến", phong trào cách mạng Định Hoá phát triển tràn lan, thiếu tổ chức chặt chẽ, các hội Cứu quốc hoạt động hầu như công khai tạo sơ hở để mật thám chỉ điểm chui vào tổ chức của ta và báo cho giặc biết những cán bộ chủ chốt của phong trào cách mạng địa phương. Tháng 9/1943, thực dân Pháp mở cuộc càn quét, vây ráp vào các xã trong toàn huyện. Ở Lam Vĩ một toán lính Pháp kéo vào tập trung cả Chánh tổng, Lý trưởng và đông lòng sục một ngày, một đêm, khám xét khắp nơi, lùng bắt Cộng sản nhưng không phát hiện được gì, cuộc càn quét vào Lam Vĩ thất bại, phong trào cách mạng ở xã được giữ vững. Tổ Việt minh cũng như phong trào cách mạng trong huyện phần nào rút ra bài học kinh nghiệm về ý thức cảnh giác, giữ gìn bí mật trong quá trình đấu tranh cách mạng.

Đầu năm 1944, bằng đường dây bí mật thông qua ông Nguyễn Văn Sạch, các ông Ma Đình Liên, Hạc Văn An đã gặp ông Hoàng Thượng và ông Lộc Văn Tư cán bộ cứu quốc quân họp bàn thành lập đội tự vệ, các đoàn thể Cứu quốc ở Lam Vĩ. Do có thuận lợi là vận động được một số hương lý, kỳ hào tham gia trong tổ Việt minh, nên

việc chuyển các hội tương tế, hội ái hữu thành các hội Cứu quốc các giới một cách nhanh chóng. Đội tự vệ xã được thành lập gồm 18 người chia làm 3 tiểu đội do ông Lâm Văn Thắc phụ trách. Các hội thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc hoạt động sôi nổi. Phong trào cách mạng ở Lam Vĩ từng bước hoà chung vào phong trào cách mạng của huyện.

Tháng 10/1944, Tổ Việt minh xã Lam vĩ vận động nhân dân chống lại chiến dịch thu: thóc, lúa, thầu dầu, vùng lạc nộp cho phát xít Nhật phục vụ cho cuộc chiến tranh phi nghĩa. Cuộc đấu tranh thắng lợi trên quy mô toàn huyện, đây là cuộc tập dượt của quần chúng cách mạng chuẩn bị cho cuộc nổi dậy giành chính quyền khi thời cơ đến.

Cuối năm 1944 đầu năm 1945, tình hình thế giới và trong nước đã xuất hiện thời cơ thuận lợi cho nhân dân ta đứng lên giành chính quyền. Chấp hành chỉ thị của Tổng bộ Việt minh, các đội tự vệ võ trang ở Bãi Lèn, Bãi Hội (Bảo Cường) tích cực luyện tập, rèn đúc vũ khí chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc nổi dậy. Ở Lam Vĩ dưới sự lãnh đạo của tổ Việt minh đã vận động nhân dân dự trữ thóc, gạo, quyên góp các loại vũ khí tự tạo, một số lính đồng chán ghét cảnh làm tay sai cho giặc cũng đã ngả về phía cách mạng nộp vũ khí tham gia đội tự vệ. Thêm người, thêm vũ khí, đội tự vệ

do ông Thắc chỉ huy đã sẵn sàng làm hậu thuẫn cùng nhân dân toàn huyện nổi dậy cướp chính quyền.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương, quân Pháp bạc nhược không giám chống lại. Ngày 10/3/1945, Nhật chiếm Thái Nguyên, liền sau đó điện cho viên chỉ huy lính khố xanh người Pháp về Thái Nguyên tổng giam. Cùng ngày huyện Sơn Dương (Tuyên Quang) dưới sự chỉ huy của Cứu quốc quân nổi dậy khởi nghĩa thắng lợi. Tình hình chuyển biến mau lẹ, bộ máy quân sự chính trị của Pháp ở Định Hoá hoang mang đến cực độ. Tri phủ Hà Sĩ Tinh lúng túng điều thêm lính đồng ở 3 tổng Định Biên Hạ, Phượng Vĩ Thượng, Phượng Vĩ Hạ về Chợ Chu bảo vệ phủ đường chờ Nhật đến tiếp tục làm tay sai cho Nhật. Tại các tổng, xã một số chức dịch lo sợ vứt bỏ bằng triện chạy chôn vào rừng. Trước sự hoảng loạn của hệ thống chính quyền tay sai, các đồng chí lãnh đạo Việt minh huyện nhận định: thời cơ cho nhân dân Định Hoá nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền đã đến. Ngay sau đó lại nhận được chỉ thị của Trung ương "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". một kế hoạch tử mĩ đã được đề ra, lực lượng vũ trang được giao nhiệm vụ cắt đường dây điện thoại không cho chúng liên lạc về Thái Nguyên, bao vây Châu lý tấn công đồn khố xanh, đồng thời huy động lực lượng quần chúng ở các xã kéo về

Chợ Chu biểu tình thị uy, gây sức ép, buộc Hà Sĩ Tinh phải đầu hàng, giao chính quyền cho cách mạng. Kế hoạch đang triển khai khẩn trương thì được tin trung đội Cứu quốc quân do đồng chí Tạ Xuân Thu và Chu Phóng chỉ huy đang trên đường tiến sang Định Hoá. Để phối hợp hành động, lãnh đạo địa phương cử người đi đón, hai bên gặp nhau trên đỉnh đèo Muông. Một ban chỉ huy thống nhất được thành lập, kế hoạch khởi nghĩa được bổ xung, xác định lực lượng quân sự là Cứu quốc quân và du kích các xã, lực lượng chính trị huy động quần chúng cách mạng ở các xã.

Trong lúc khí thế cách mạng đang hùng hực dâng cao ở các xã trên toàn huyện, bộ máy thống trị của thực dân hoang mang rệu rã, các chức dịch của xã Lam Vĩ hoang mang đến cực độ, lúc này Tổ Việt minh cử ông Triệu Đình Chu là cán bộ trong tổ Việt minh, nhưng vẫn giữ chức lý trưởng yêu cầu Hội đồng kỳ mục, không được chống lại cách mạng, đồng thời chỉ đạo đội tự vệ hoạt động giữ gìn trật tự an ninh thôn xóm.

Đêm 25 rạng ngày 26/3/1945, Trung đội Cứu quốc quân phối hợp với du kích xã Kim Sơn nổ súng tấn công đồn Chợ Chu, lính đông, lính khố xanh chống cự yếu ớt, rồi rút súng tháo chạy tán loạn, một số lính đông là người Lam Vĩ bỏ đồn chạy về xã. Chỉ sau vài giờ chiến

đầu quân ta đã làm chủ phủ đường. Tri phủ Hà Sĩ Tinh bỏ trốn bị quân cách mạng bao vây, cùng đường phải ra đầu hàng. Quân cách mạng cùng quần chúng kéo lên phá nhà lao, giải phóng 200 tù nhân, thu hồi vũ khí quân trang, quân dụng.

Theo sự chỉ đạo của Việt minh huyện ngày 28/3/1945 quần chúng cách mạng ở xã Lam Vĩ do ông Triệu Đình Chu dẫn đầu kéo về Đình Quan Đế (Chợ Chu) cùng nhân dân các xã trong toàn huyện dự cuộc mít tinh lịch sử. Tại đây Mặt trận Việt minh tuyên bố xoá bỏ hoàn toàn bộ máy chính quyền tay sai của thực dân Pháp từ huyện đến xã. Hà Sĩ Tinh xin đầu hàng quân cách mạng vô điều kiện. Chức dịch ở các tổng, xã lân cận lần lượt đem bằng, triện, sổ sách lên đình Quan Đế nộp cho đại diện Việt minh. Từ đây nhân dân các dân tộc ở Định Hoá trong đó có nhân dân xã Lam Vĩ đã thoát khỏi cuộc đời nô lệ lầm than, đứng lên làm chủ quê hương, làm chủ cuộc sống của mình.

Ngày 29/3/1945, một đoàn cán bộ Việt minh huyện do ông Hà Văn Cam dẫn đầu đến xã Lam Vĩ phối hợp với Tổ Việt minh tập trung các hương lý, kỳ hào tịch thu bằng, triện sổ sách và tuyên bố chấm dứt mọi quyền hành của hệ thống chính quyền cũ. Một không khí phấn khởi

tràn ngập khắp các xóm, bản. Các đoàn thể Thanh niên Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc hoạt động sôi nổi.

Sau khi giành được chính quyền 26/3/1945 cán bộ và nhân dân Định Hoá trong đó có xã Lam Vĩ đang lúng túng trong việc quản lý, điều hành theo trật tự xã hội mới, thì thượng tuần tháng 4/1945 đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Lê Giản từ Chợ Rã xuống Định Hoá. Sau khi nghe các đồng chí lãnh đạo Định Hoá và Cứu quốc quân báo cáo tình hình, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo; phải khẩn trương thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu, Mặt trận Việt minh châu và các đoàn thể cứu quốc, xây dựng lực lượng vũ trang và đội tự vệ chiến đấu ở các tổng, xã, chuẩn bị chống Nhật tấn công lên Đình Hoá. Được sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Giản công việc được tiến hành khẩn trương, chỉ trong thời gian ngắn đại biểu Việt minh ở các tổng, xã được triệu tập về đình Quan Đé (Chợ Chu) họp hội nghị bầu ra Ban Việt minh chính thức châu Định Hoá. Tiếp đến ngày 18/4/1945, Hội nghị thành lập chính quyền cách mạng cấp huyện được tổ chức tại Bản Lác, xã An Lạc (nay là xã Kim Phụng). Đoàn đại biểu xã Lam Vĩ gồm 5 người: Ma Đình Liên, Mông Đình Thông, Nguyễn Đình Lai, Ma Văn Lân, Mông Đình Sơn tham gia hội nghị lịch sử này, cùng

đại biểu các xã trong huyện bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu Định Hoá do đồng chí Ma Đình Tương làm Chủ tịch.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Việt minh và điều hành của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu, đầu tháng 5/1945 Ban Việt minh xã Lam Vĩ chính thức được thành lập do ông Ma Văn Lân làm Chủ nhiệm. Nhiệm vụ của Ban Việt minh và nhân dân xã Lam Vĩ lúc này là thực hiện các chủ trương của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu, tích cực củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đi đôi với huấn luyện lực lượng tự vệ vũ trang tại chỗ, chuẩn bị chống Nhật tấn công lên chiến khu, bảo vệ thành quả cách mạng.

Ban Việt minh xã đã lãnh đạo nhân dân khẩn trương tiến hành những công việc cấp bách, thành lập 3 tiểu đội tự vệ trong đó có một tiểu đội cơ động, được trang bị thêm súng kíp, dao găm, mã tấu... xã cử 3 đồng chí là Hạc Văn An, Lâm Văn Thắc và Triệu Đình Chu đi dự lớp huấn luyện quân sự, chính trị tại Trường quân chính kháng Nhật ở làng Quặng (Định Biên). Sau khi huấn luyện trở về, các đồng chí vừa là chỉ huy quân sự, vừa là giáo viên huấn luyện cho du kích, tự vệ xã. Đội ngũ cán bộ này khi về xã đã tổ chức một lớp huấn luyện cho 40 tự vệ các thôn, xóm. Lớp được mở tại thôn Nà Toán do ông

Ma Văn Khả chỉ huy, chủ yếu huấn luyện nâng cao về chiến thuật du kích và sử dụng vũ khí, sẵn sàng cùng với dân quân trong toàn huyện đối phó với cuộc tấn công của giặc Nhật. Song song với nhiệm vụ huấn luyện, bố trí lực lượng bảo vệ quê hương, các đồng chí lãnh đạo xã còn vận động nhân dân cất dậu thóc gạo vào rừng thực hiện "vườn không nhà trống" để chuẩn bị kháng Nhật, đồng thời phân công lực lượng tự vệ cùng với nhân dân trong huyện phá cầu, đường ngăn bước tiến quân Nhật, các con đường vào xã đã bố trí tự vệ canh gác. Hệ thống báo động bằng mõ, tù và từ xóm này sang xóm khác và sang các xã lân cận được thiết lập, thống nhất quy ước hiệu lệnh khi có giặc đột nhập vào địa bàn.

Trong khi mọi công việc đang tiến hành khẩn trương thì xã Lam Vĩ được Ban Việt minh huyện giao nhiệm vụ vận động nhân dân đóng góp thóc, gạo, lợn, gà và cử người dẫn đường đưa đơn vị đơn vị Quang Trung⁽¹⁾ hành quân từ Lam Vĩ lên Mai Lạp sang Bắc Cạn.

Sau khi chiếm thị xã Thái Nguyên, tạm thời ổn định bộ máy tay sai ở tỉnh lỵ, thì trung tuần tháng 5/1945, Nhật đã huy động 2000 lính tinh nhuệ có pháo binh yểm trợ từ ba hướng đánh vào vùng căn cứ núi Hồng, với âm mưu

(1) Theo lời kể của ông Hứa Đức Dương, Nguyễn Đình Lô là tự vệ xã thời kỳ 1945.

(2) Pác Mù thời điểm đó thuộc xã Lam Vĩ (hiện nay thuộc xã Tân Thịnh).

tiêu diệt lực lượng của ta. Ngày 26/5/1945, cánh quân từ Chợ Mới vào Tân Dương, dọc đường bị du kích xã Lam Vĩ phối hợp với Quân giải phóng chặn đánh ở Pác Mù⁽²⁾, cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch quân Nhật vượt qua trận địa của ta tiến ra chiếm Chợ Chu. Hai cánh quân khác từ Thái Nguyên lên, Đại Từ sang cũng bị quân dân ta kiên cường chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại, buộc chúng phải co cụm ở Chợ Chu. Từ đây chúng tổ chức nhiều cuộc càn quét vào các xã lân cận, nhưng quân Nhật vừa ra khỏi vị trí lập tức tiếng mõ, tù và nổi lên báo hiệu cho mọi người sẵn sàng chiến đấu làm cho các cuộc hành quân của chúng luôn rơi vào thế bị động. Bị thất bại về quân sự, chúng giở thủ đoạn chính trị nham hiểm, sảo trá tìm cách lôi kéo bọn tay chân thân Pháp trở lại làm tay sai cho chúng. Biết được nhân dân miền núi thiếu muối, chúng tung tin lừa bịp làng, xã nào theo chúng sẽ được phát muối. Ở Lam Vĩ một vài Chánh tổng, Lý trưởng, Trưởng tuần làm việc cho Pháp đã được cách mạng khoan hồng, nhưng do háo danh, tham của họ đã bí mật tuyên truyền lôi kéo một số người dân nhẹ dạ mang lễ vật ra biểu "quan Nhật" mong được phát muối và được trở lại làm tay sai cho Nhật, Ban Việt minh xã luôn cảnh giác, theo dõi chặt chẽ những hành động của chúng. Lực lượng giải phóng cùng tự vệ xã đã bắt gọn bọn cầm đầu, xử tội thích đáng để làm gương cho kẻ khác muốn làm tay sai cho Nhật.

Nhân dân Lam Vĩ cùng với nhân dân toàn huyện vừa trực tiếp chiến đấu đập tan cuộc tấn công quy mô lớn của giặc Nhật, bảo vệ vững chắc khu giải phóng, vừa tích cực đóng góp lương thực, thực phẩm ủng hộ cho Tân Trào hàng tấn thóc, hàng chục con trâu, nhiều lợn, gà và cử hàng trăm lượt dân công cùng với đoàn dân công của châu Định Hoá vận chuyển lương thực, thực phẩm vượt Đèo De sang Tân Trào kịp thời phục vụ Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào, góp phần thiết thực vào thắng lợi chung của cả dân tộc. Hơn hai tháng chiếm đóng, hành quân càn quét ở Định Hoá đi đến đâu quân Nhật cũng bị chặn đánh, lực lượng bị tiêu hao, tiêu diệt, các tuyến đường tiếp tế, chi viện từ Thái Nguyên lên bị quân dân Định Hoá cắt đứt. Quân Nhật lâm vào tình cảnh khốn đốn, bị cô lập có nguy cơ bị tiêu diệt. Ngày 8/8/1945 toàn bộ quân Nhật bỏ vị trí rút chạy về Thái Nguyên cam chịu thất bại, kết thúc bi thảm cuộc tấn công vào căn cứ cách mạng ở Định Hoá.

Những ngày của Tháng Tám sôi sục khí thế cách mạng, nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước diễn ra dồn dập, báo hiệu sự chuyển mình của nhân dân Việt Nam đang đến gần. Ngày 11/8/1945, được tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, quân Nhật ở Việt Nam hoang mang đến cực độ, hệ thống chính quyền tay sai từ

Trung ương đến cơ sở tê liệt, tan rã từng mảng. Thời cơ cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước đã đến. Tại Tân Trào từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945 Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng đã họp quyết định lãnh đạo toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa. Ngày 16/8/1945 Quốc dân Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng đồng thời thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc do cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Lệnh tổng khởi nghĩa được truyền đi khắp cả nước. Lúc này lực lượng vũ trang cơ động huyện Định Hoá do đồng chí Lộc Văn Tư chỉ huy đang truy kích quân Nhật ở Phú Lương thì nhận được lệnh nhanh chóng tiến về Thái Nguyên phối hợp với lực lượng Quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy giải phóng thị xã Thái Nguyên và tiến về Hà Nội góp phần cùng nhân dân cả nước làm cuộc tổng khởi nghĩa thắng lợi. Ngày 2/9/1945, tại vườn hoa Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Sau cách mạng Tháng Tám thành công dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt minh và Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu, Ban Việt minh xã Lam Vĩ đã lãnh đạo nhân dân ổn định đời sống, khôi phục và phát triển kinh tế, vận động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, trồng thêm hoa màu như ngô, khoai, sắn, khắc phục nạn

đổi trước mắt. Song song với việc khôi phục và phát triển kinh tế các đoàn thể Việt minh còn tổ chức cho nhân dân học tập Sắc lệnh bầu cử của Chính phủ nước Việt Nam mới, nội dung sắc lệnh được phổ biến tới toàn thể nhân dân các dân tộc trong xã. Với niềm phấn khởi tự hào là công dân của một nước độc lập tự do, ngày 23/12/1945⁽¹⁾ nhân dân Lam Vĩ cùng nhân dân toàn huyện hăng hái đi bỏ phiếu bầu những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

(1) Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946- 1960 (NXB Chính trị Quốc gia Sdd. Tr. 37- 38)

CHƯƠNG I

LAM VĨ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC 1946 - 1954

A/ Xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân.

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đầu tiên, bầu ra cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đánh dấu bước nhảy vọt của thể chế dân chủ ở nước ta. là thắng lợi của cuộc đấu tranh chính trị nhằm khẳng định quyền độc lập tự do của một đất nước hơn 80 năm bị áp bức, lầm than. Cùng nhân dân cả nước nhân dân hai xã Lam Vĩ và Phụng Vĩ Thượng cũng như nhân dân các xã trong toàn huyện Định Hoá đã phải trải qua những khó khăn lúng túng ban đầu trong sự nghiệp làm chủ vận mệnh của mình. Với một địa bàn rộng, núi cao rừng sâu đi lại khó khăn, các bản làng cách xa nhau, đội ngũ cán bộ làm việc trong Ban Việt minh và chính quyền lâm thời xã trình độ quản lý điều hành còn thấp, làm cho quá trình thành lập chính quyền ở hai xã này tiến hành chậm hơn so với các xã trong huyện. Sau ngày khởi nghĩa giành chính

quyền 26/3/1945 Ban Việt minh xã do ông Ma Văn Lân (Phượng Vĩ Thượng) và ông Triệu Đình Chu (xã Lam Vĩ) điều hành đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc ở cả hai xã vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện tốt mọi chủ trương đường lối của cách mạng giao phó. Đầu năm 1946 thực hiện chủ trương của trên các xã Lam Vĩ, Phượng Vĩ Thượng và Văn La sáp nhập lại thành một xã đặt trụ sở tại Lèo Va xóm Tân Minh (nay thuộc xã Tân Thịnh) và đặt tên xã là xã Phượng Tú⁽¹⁾. Sau khi sáp nhập xã Phượng Tú tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã và thành lập Ủy ban hành chính trên địa bàn xã mới. Để hỗ trợ cho huyện về công tác tuyên truyền, quân giải phóng đã cử một tổ tuyên truyền lưu động về xã Phượng Tú phối hợp với Việt minh xã xuống từng xóm bản dạy hát cho thanh thiếu, đốt lửa trại diễn văn nghệ⁽²⁾ và tổ chức nhân dân học tập mục đích, ý nghĩa của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã, làm cho nhân dân hiểu được quyền lợi và trách nhiệm của mình dưới chính thể của nước Việt Nam dân chủ công hoà, người dân được làm chủ trên tất cả các lĩnh vực, không phân biệt trai, gái, giàu, nghèo là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên được quyền bầu cử để lựa chọn người có đủ uy tín, năng lực vào hội đồng nhân dân.

(1) Xã Lam Vĩ và xã Tân Thịnh ngày nay.

(2) Đội tuyên truyền do ông Nông Đình Lập phụ trách có bà La Thị Viên, Mỹ Dung đến các xã tuyên truyền.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Việt minh và Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện, ngày 7/4/1946 nhân dân các dân tộc xã Phụng Tú nô nức đi bỏ phiếu để bầu ra Hội đồng nhân dân xã. Những nơi hẻo lánh đi lại khó khăn ban bầu cử đã mang hòm phiếu lưu động đến tận nơi để nhân dân được thực hiện quyền làm chủ của mình. Kết quả 90% cử tri đi bầu lựa chọn được 15 đại biểu vào Hội đồng nhân dân, trong đó nữ có 3 đại biểu, cán bộ Việt minh có 12 đại biểu. Thắng lợi của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã khẳng định ý thức chính trị của các tầng lớp nhân dân được nâng lên, thể hiện được ý thức xây dựng, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân của mọi tầng lớp nhân dân trong xã. Đầu tháng 5 năm 1946, Hội đồng nhân dân họp phiên đầu tiên quyết định một số nhiệm vụ cần kíp, thực hiện chỉ thị của chính quyền huyện và các chủ trương kháng chiến kiến quốc của Trung ương. Hội đồng nhân dân đã bầu ra Ủy ban hành chính xã gồm 5 người do ông Ma Văn Tư làm Chủ tịch, Hạc Văn An Phó Chủ tịch, Ma Văn Bảo ủy viên thư ký và 2 ủy viên là ông Lương Văn Chúc và bà Ma Thị Chệt. Cuộc họp còn đề ra một số quyết định quan trọng: đặt tên xã Phụng Tú là tên chính thức của xã mới và chia xã Phụng Tú thành 6 thôn đó là Văn La, Lam Vĩ, Phụng Vĩ Thượng, Tân Minh, Làng Duyên, Thịnh Mĩ. Song song với việc củng cố chính quyền, các đoàn thể cứu quốc, Ban Việt minh xã cũng

được kiện toàn do ông Triệu Đình Chu làm Chủ nhiệm. Tổ Việt Minh ở các thôn bản hoạt động sôi nổi tập trung sức lực vào việc vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào diệt "giặc đói" "giặc dốt" và "giặc ngoại xâm".

Về diệt giặc đói, tiếp theo phong trào tăng gia sản xuất, khai hoang phục hoá người người đều hăng hái phấn khởi trồng thêm nhiều lúa, ngô, khoai, sắn. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch lập "hũ gạo cứu đói", "quỹ độc lập" để đưa đất nước vượt qua khó khăn và giúp những người đói, nạn nhân của chính sách vơ vét, bóc lột đến cùng kiệt của thực dân Pháp, phát xít Nhật và bọn địa chủ phong kiến tay sai. Mặc dù người dân Phượng Tú còn rất nghèo, nhiều người dân phải hái măng, đào củ kiếm ăn từng bữa, người khá giả không nhiều; nhưng khi được các tổ chức đoàn thể vận động thì nhà nào cũng hưởng ứng, mỗi khi nấu cơm bớt ra một nắm gạo bỏ vào "hũ gạo cứu đói" cuối tháng từng nhà tự nguyện đem nộp cho Ban vận động xã để nộp lên huyện. Kết quả sau hơn 4 tháng vận động xã đã ủng hộ Chính phủ hơn 2 tấn gạo, góp vào "quỹ độc lập" 9 con trâu, hàng tấn lợn gà, vịt. Số lượng ủng hộ tuy chưa nhiều nhưng đã thể hiện tấm lòng của người dân đói với Chính phủ trong những ngày đầu còn gặp nhiều khó khăn. Ngoài những đóng góp chung nhân dân Phượng Tú còn đóng góp hàng tấn thóc để nuôi dưỡng cán bộ và dân quân du kích

luyện tập quân sự, số thóc tập trung vào một kho lớn đặt tại trụ sở xã do ông Triệu Văn Công quản lý.

Về cuộc vận động "xoá nạn mù chữ" Ủy ban hành chính xã đã cử ông Hứa Đức Biên làm Trưởng Ban bình dân học vụ, động viên toàn dân đi học. Dưới thời đế quốc phong kiến người dân nhất là tầng lớp phụ nữ không được đi học, 99% dân số phải chịu cảnh mù chữ. Việc thanh toán nạn mù chữ được coi là nhiệm vụ bức thiết, được cán bộ và nhân dân đồng tình ủng hộ. Các lớp bình dân học vụ được mở ra khắp các xóm, bản. Xã đã tập trung một số thầy giáo và một số người biết chữ làm giáo viên dạy học, với khẩu hiệu: "đi học là yêu nước", người già, phụ nữ, thanh niên trẻ em đều đến lớp học. Tới đến ánh đuốc của người đi học trải dài trên đường làng. Tại các lớp học dưới ánh đèn dầu, mọi người đều hăng say học tập. Để khuyến khích người đi học, Ban bình dân học vụ xã đã dựng một cổng ngăn đường hỏi chữ tại khu Hát Mây thuộc xóm Tân Minh (nay thuộc xã Tân Thịnh) trên đường từ Lam Vĩ ra Chợ Chu, ai đọc được chữ mới được qua cổng chính, người chưa biết chữ phải chui qua "cổng mù". Chính quyền xã chỉ đạo ban bình dân học vụ tổ chức những đêm biểu diễn văn nghệ, thanh niên, phụ nữ hát những bài hát, diễn tiểu phẩm với nội dung phê bình những người ngại học, khen ngợi biểu dương người chăm

học, đây là hình thức động viên thúc đẩy phong trào xoá nạn mù chữ phát triển mạnh mẽ ở các xóm bản. Cả xã đã tổ chức được 20 lớp. Qua 6 tháng học tập hàng trăm người đã đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ. Thắng lợi của phong trào xoá nạn mù chữ mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, nhờ biết chữ người dân đã tiếp thu các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính Phủ, một cách dễ dàng hơn hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với Tổ quốc, càng tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong lúc đất nước gặp muôn vàn khó khăn, thực dân Pháp ngày càng tăng cường các hoạt động quân sự. Ngày 19/10/1946, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã chủ trì Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng. Sau khi phân tích điều kiện chủ quan, khách quan và chiều hướng của tình hình, Hội nghị đã nhận định: "không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp"⁽¹⁾. Từ nhận định đó Bác Hồ, Trung ương Đảng đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tích cực chuẩn bị kháng chiến. Vùng núi rừng Việt bắc được củng cố làm căn cứ địa vững chắc cho cuộc kháng chiến lâu dài. Việt Nam cần hoà bình để xây dựng đất nước, song thực dân Pháp phản bội Hiệp định sơ bộ 6/3 và tạm ước 14/9. Pháp

(1) Lịch sử Đảng bộ huyện Định Hoà (sdd).

đã đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn và gây hấn ở nhiều nơi, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội. Trước tình hình đó đêm 19/12/1946, Hồ Chủ Tịch đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đáp lời kêu gọi của Người toàn Đảng, toàn quân, toàn dân từ Bắc chí Nam nhất tề đứng lên đánh Pháp cứu nước. Quân dân Thủ đô chiến đấu dũng cảm kìm chân địch, bảo vệ từng góc phố, từng tấc đất của quê hương. Trong khi lực lượng giữa ta và địch chưa cân sức Bác Hồ, Trung ương Đảng quyết định rời Thủ đô Hà Nội lên Việt Bắc kháng chiến lâu dài. Vinh dự cho Định Hoá được chọn làm An toàn khu Thủ đô kháng chiến của cả nước.

Đầu năm 1947, các cơ quan Trung ương Đảng, Chính Phủ, quân đội lần lượt chuyển lên Định Hoá. Và ngày 20/5/1947, Bác Hồ đã đến Khau Tý (xã Diềm Mặc) để lãnh đạo cuộc kháng chiến. Xã Lam Vĩ với lợi thế có núi rừng hiểm trở lại là nơi tiếp giáp với các huyện Phú Lương, Chợ Mới, có nhiều đường mòn thông ra quốc lộ 3 lên Bắc Cạn, Cao Bằng nên được Huyện uỷ, Ban chỉ đạo ATK Trung ương giao nhiệm vụ xây dựng nơi đây thành hậu phương, nơi tập kết bộ đội chủ lực, cất dấu vũ khí đạn dược. Đầu năm 1947, Trung đoàn 72 (Trung đoàn chủ lực của Liên khu I) đã đến đóng quân tại xã sẵn sàng cơ động trên các hướng khi có chiến sự xảy ra. Nhận rõ trách nhiệm của

mình, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã bố trí lại lực lượng; thành lập đội bảo vệ do các đồng chí Hoàng Nam Tiến làm Trưởng ban, Ma Văn Pằm làm Phó ban và Hoàng Phúc Nho làm Thư ký. Lực lượng dân quân du kích được tổ chức thành 3 Trung đội cơ động, mỗi Trung đội 30 người, trong đó có một trung đội nữ do bà Nguyễn Thị Sôi (tức Xoan) chỉ huy. Các trung đội cơ động được trang bị thêm vũ khí, được cơ quan quân sự huyện trực tiếp xuống huấn luyện phương pháp đánh du kích, cách lập làng chiến đấu, cách sử dụng vũ khí, ném lựu đạn. Lực lượng cơ động này làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ các mục tiêu tại chỗ và sẵn sàng nhận nhiệm vụ do huyện điều động. Tại 6 thôn thành lập 6 tiểu đội dân quân có nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự trị an, phát hiện người lạ mặt đến địa bàn. Ở Phụng Tú từ cụ già đến các cháu thiếu niên đều được phổ biến khẩu hiệu "3 không": không nói chuyện làm lộ bí mật, không nghe những điều không liên quan đến mình, không chỉ đường và cảnh giác với người lạ mặt. Với nhiệm vụ được giao nhân dân xã Phụng Tú khẩn trương chuẩn bị mọi mặt giúp đỡ, che chở cho các cơ quan quân đội đóng trên địa bàn, củng cố lực lượng tại chỗ vững mạnh cùng với nhân dân trong huyện sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương làng xóm.

B/ Chi bộ xã Phụng Tú ra đời, lãnh đạo nhân dân xây dựng lực lượng tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ Thủ đô kháng chiến.

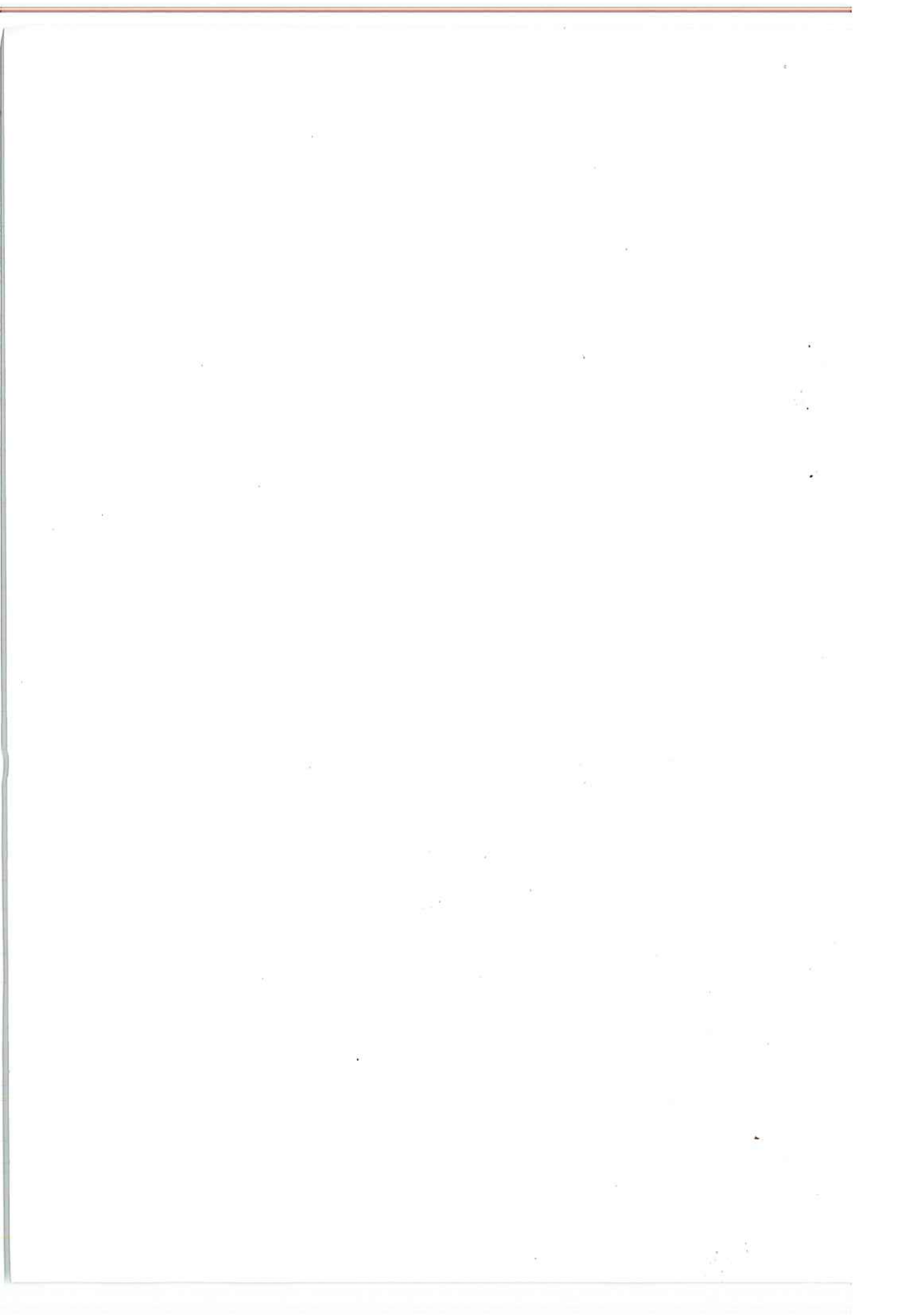
Sau khi thành lập Đảng bộ huyện, công tác phát triển Đảng đặc biệt được chú trọng, tính đến cuối năm 1946, nhiều xã đã thành lập được chi bộ. Đối với xã Phụng Tú, những quần chúng cốt cán hoạt động trong hệ thống chính quyền và các đoàn thể cứu quốc đã được bồi dưỡng trong thực tế đấu tranh cách mạng sôi nổi và quyết liệt ở địa phương, nhiều người đã trở thành hạt nhân tiêu biểu của phong trào, tiếp thu được đường lối cứu nước của Đảng và nhận thức sâu sắc về vai trò lãnh đạo của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ và thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất. Sau một thời gian theo dõi giúp đỡ ngày 22/02/1947, đồng chí Vũ Hưng Bí thư Huyện uỷ đã triệu tập 6 quần chúng ưu tú nhất của xã Phụng Tú tập trung tại "Trạm đo nước" ở Chợ Chu (tức trạm khí tượng ngày nay)⁽¹⁾ bồi dưỡng thêm những điều cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin và những nguyên tắc trong điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam. Đồng chí Vũ

(1) Vì lúc này Đảng ta chuyển vào hoạt động bí mật do tình hình quốc tế và trong nước tháng 11/1945 trên danh nghĩa Đảng ta đã tuyên bố giải tán.

(2) Đ/c Lôi Đình Long được kết nạp đảng năm 1946 tại cơ quan Việt minh huyện.



*Đồng chí Triệu Đình Chu
Bí thư chi bộ đầu tiên*



Hung và Lôi Đình Long⁽²⁾ đã lần lượt giới thiệu và kết nạp 6 quân chúng của xã Lam Vĩ vào hàng ngũ của Đảng. Dưới lá cờ vinh quang của Đảng 6 đồng chí đã thể hy sinh phấn đấu cho lý tưởng độc lập tự do của Tổ quốc; nguyện đem hết tinh thần và nghị lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của người đảng viên Cộng sản, một lòng trung thành với sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của Đảng. Sau lễ kết nạp, đồng chí Vũ Hung công bố nghị quyết của Huyện uỷ thành lập Chi bộ dự bị xã Phụng Tú gồm 6 đảng viên là các đồng chí Triệu Đình Chu, Ma Văn Bảo (tức đồng chí Phan Mục Vinh) Ma Văn Tơ, Ma Đình Ý, La Văn Ý (tên thường gọi là La Văn Yêu) và Phan Văn Cần. Đồng chí Triệu Đình Chu được chỉ định làm Bí thư chi bộ. Sau 3 tháng thực hiện nhiệm vụ 6 đảng viên được công nhận là đảng viên chính thức và chi bộ cũng được chuyển thành chi bộ chính thức. Chi bộ Phụng Tú ra đời là đòi hỏi tất yếu khách quan về yêu cầu tăng cường lực lượng lãnh đạo của Đảng ở cơ sở xã trong thời điểm huyện Định Hoá được Trung ương Đảng, Chính phủ, Hồ Chủ tịch giao trọng trách vinh quang, xây dựng tất cả các xã của huyện trở thành căn cứ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đồng thời khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cả vật chất và tinh thần chống giặc tấn công lên ATK Định Hoá. Chi bộ được thành lập là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc xã Phụng

Tú. Ngay sau khi thành lập chi bộ bắt tay vào lãnh đạo nhân dân chuẩn bị mọi mặt xây dựng và bảo vệ Thủ đô kháng chiến.

Sau khi ổn định tình hình ở các thành phố lớn và vùng đồng bằng, thực dân Pháp tập trung lực lượng theo kế hoạch đã sắp đặt từ trước là tấn công lên Chiến khu Việt Bắc với mưu đồ “bắt sống Chính phủ Hồ Chí Minh” tiêu diệt lực lượng kháng chiến, khoá chặt biên giới Việt-Trung, ngăn chặn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc. nhanh chóng kết thúc chiến tranh, đặt ách thống trị lên đất nước ta một lần nữa.

Thực hiện kế hoạch trên tháng 10/1947, thực dân Pháp huy động 12000 quân tinh nhuệ với phương tiện vũ khí hiện đại (máy bay, tàu chiến, xe cơ giới, đại bác...) tấn công lên Việt Bắc. Mở đầu cuộc tấn công, ngày 7 và 8/10/1947 quân Pháp cho máy bay bắn phá và thả 1200 quân dù xuống 3 điểm quan trọng là Thị xã Bắc Cạn, Thị trấn Chợ Mới và huyện lỵ Chợ Đồn. Quân Pháp chiếm Chợ Mới, cách địa bàn xã Lam Vĩ khoảng 10km.

Trước tình hình trên tại Khau Tý, Diềm Mặc ngày 8/10/1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi bộ đội, dân quân du kích, dân quân tự vệ ra sức chiến đấu, phá tan cuộc tấn công mùa khô của địch và ra lệnh cho quân dân cả nước tích cực phối hợp với Việt Bắc để phá kế hoạch

thu đông của giặc Pháp. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, quân lệnh của Bộ Tổng tư lệnh và lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch, Ban ATK cùng với Huyện uỷ Định Hoá đã chỉ đạo các xã trong huyện khẩn trương đưa các hoạt động vào tình trạng chiến tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ xã Phượng Tú nhân dân đã nhanh chóng bắt tay vào xây dựng thế trận sẵn sàng chiến đấu chống giặc. Các trung đội du kích tích cực luyện tập quân sự, thống nhất kế hoạch hợp đồng tác chiến với bộ đội chủ lực, các trạm gác giáp Chợ Mới như Khe Thí, Đèo Cây luôn có một tiểu đội chốt giữ. Để ngăn chặn sức cơ động bằng cơ giới và sự phá hoại của địch. Xã đã huy động lực lượng thanh niên và dân quân ngả cây to lấp đường từ Đèo Cây về các bản. Vận động nhân dân làm lán cất dậu thóc lúa, sơ tán súc vật (lợn, gà, trâu, bò) vào rừng sâu. Trên các cánh đồng rộng, các bãi bằng hàng ngàn mũi chông nhọn dài 2 mét đâm thẳng lên trời để chống quân nhảy dù. Các đơn vị chủ lực được Bộ tổng tham mưu kịp thời điều động về các vị trí chiến đấu: Trung đoàn 72 đóng ở xã Phượng Tú được lệnh hành quân lên hướng Bắc Cạn, Tiểu đoàn 160 tập kết ở Chợ Chu, Tiểu đoàn 103 ở Quảng Nạp, Phú Minh, hai Trung đoàn 174, 165 (tức Trung đoàn Thủ đô) làm nhiệm vụ sẵn sàng cơ động.

Đêm 24 và sáng 25 tháng 11 năm 1947, từ Chợ Mới một bộ phận quân Pháp gần 500 tên xuôi theo đường số 3 đến cây số 31 ngược đường 38 đánh lên Phố ngữ, Quán Vương, chiếm đóng Chợ Chu. Từ Chợ Mới quân Pháp câu “Moóc chi ê” (pháo cối) vào Tân Dương, Phụng Tiên, nhiều quả đạn đã rơi vào khu vực Khau Goại, xã Phụng Tú. Sau đó chúng cho một cánh quân từ Chợ Mới đánh vào Đông bắc huyện, dự kiến sẽ hợp quân tại Chợ Chu. Cánh quân này đến Khe Chuộc- đèo Cút (Làng Muồng) thì rơi vào ổ phục kích của du kích xã Tân Dương, bất chấp sự chệnh lệnh về lực lượng, với tinh thần mưu trí dũng cảm, các chiến sĩ du kích đã chặn đánh địch, diệt và làm bị thương nhiều tên giặc, khiến chúng không vượt qua được trận địa của ta ở Tân Dương để hội quân ở Chợ Chu, buộc phải dạt vào Phụng Tú (Tân Thịnh ngày nay) càn quét vào các bản xung quanh. Quân địch lúng lúng vào các bản trên địa bàn xã Phụng Tú, Bí thư Chi bộ Triệu Đình Chu hoang mang ra lệnh đốt kho thóc, đốt trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chính xã và tự động bỏ vị trí chiến đấu. Nhưng lực lượng bảo vệ do ông Hứa Đức Dương, Ma Văn Bảo (tức Phan Mục Vinh), Ma Văn Tư (Chủ tịch) chỉ huy đã cùng với lực lượng dân quân du kích dũng cảm chặn đánh địch và chuyển hơn 1 tấn thóc về khu rừng ở Tân Minh an toàn. Đêm 25/11/1947, chúng co cụm lại ở Bản Pán, sáng hôm sau trên đường rút chạy quân Pháp

càn vào các bản dọc đường đốt nhà, cướp lợn, gà và lòng bắt cán bộ, đến bản Ngoà chúng bắt hai phụ nữ đưa đi theo, đến trưa ngày 26/11/1947, chúng lùng sục vào Bản Nhuôi (Làng Duyên Tân Thịnh ngày nay), tại đây ông Triệu Đình Công uỷ viên uỷ ban phụ trách tài chính xã bị giặc bắn chết, sau đó chúng rút chạy theo đường Khe Thí lên Bắc Cạn. Sáng 27/11, Chi bộ, chính quyền xã Phụng Tú làm lễ truy điệu trọng thể và mai táng ông Triệu Đình Công. Sau đó Chi bộ triệu tập cuộc họp bất thường kiểm điểm trách nhiệm của đồng chí Bí thư và đề nghị cách chức Bí thư chi bộ đối với đồng chí Triệu Đình Chu và bầu đồng chí Ma Văn Bảo làm Bí thư chi bộ. Đây là cuộc sinh hoạt chính trị kịp thời và nghiêm túc thể hiện bản lĩnh vững vàng qua trận thử thách đầu tiên của chi bộ Phụng Tú.

Những ngày tiếp theo chiến sự diễn ra ác liệt ở các xã phía Nam huyện, cấp uỷ chính quyền xã Phụng Tú tiếp tục vận động lực lượng dân quân, du kích phối hợp với các xã sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống, đồng thời vận động nhân dân đóng góp thêm thóc lúa, thực phẩm: lợn, gà, vịt... ủng hộ bộ đội chiến đấu, huy động hơn 20 dân công đi vận chuyển vũ khí đạn dược, lương thực phối hợp với các đơn vị chiến đấu ở Phúc Chu, Bảo Cường, Định Biên...

Sau hơn một tháng quân Pháp liều lĩnh mở cuộc tấn công tổng lực lên Việt Bắc, hòng tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Quân dân Định Hoá cùng với quân dân Việt Bắc chiến đấu kiên cường, dũng cảm bẻ gãy hai gọng kìm của thực dân Pháp, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các cơ quan Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thực dân Pháp không những không tiêu diệt được quân chủ lực của ta, mà còn bị đánh khắp nơi, đặc biệt các trận đánh diễn ra ở Bình Thành, Phú Đình hàng trăm tên giặc phải bỏ xác tại trận, cuối cùng chúng phải rút chạy một cách bi thảm. Thắng lợi của quân dân Định Hoá, trong đó có sự đóng góp của cán bộ, nhân dân các dân tộc xã Phượng Tú, cùng với nhân dân cả nước đánh bại chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của giặc Pháp, làm thay đổi cục diện chiến tranh trên chiến trường cả nước, buộc giặc Pháp phải đánh lâu dài với ta, trong thế cô lập và bị động.

Từ năm 1948 trở đi cả vùng rừng núi rộng lớn của Định Hoá đã hoàn toàn nằm trong vùng tự do. Qua thử thách trong cuộc chiến đấu với quân đội viễn chinh Pháp Thu đông năm 1947, chứng tỏ nơi đây là vùng đất đáng tin cậy, có tổ chức Đảng, chính quyền vững vàng, nhân dân hết lòng ủng hộ kháng chiến, nên Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch tiếp tục giao cho Định Hoá xây dựng cơ sở nơi đứng chân lâu dài của các cơ quan đầu não kháng chiến, xây dựng lực lượng kháng chiến vững mạnh trên tất

cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội. Nhận nhiệm vụ quan trọng này là một vinh dự lớn, cũng là trách nhiệm hết sức nặng nề đối với Đảng bộ và nhân dân Định Hoá. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, sự giúp đỡ về mọi mặt của ban chỉ đạo ATK Trung ương. Huyện uỷ đã triển khai kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ cần kíp, trước hết chuyển trọng tâm vào củng cố xây dựng cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể cấp xã.

Chi bộ xã Phượng Tú xác định một trong những nhiệm vụ hàng đầu là tập trung phát triển lực lượng đảng viên, củng cố chi bộ vững mạnh, xây dựng chính quyền và các đoàn thể hoạt động có hiệu quả. Được sự chỉ đạo của Huyện uỷ chi bộ đã ra nghị quyết kết nạp những quần chúng có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ thôn bản trong chiến dịch Thu Đông năm 1947, đồng thời kiện toàn Uỷ ban hành chính và Uỷ Ban kháng chiến thành Uỷ ban kháng chiến hành chính xã, thống nhất điều hành về một mối, củng cố lại các tổ chức đoàn thể ở các thôn bản trên cơ sở đó củng cố lực lượng dân quân du kích, lực lượng bảo vệ (công an), vận động nhân dân phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Thực hiện nghị quyết của chi bộ, từ cuối năm 1947 triển khai cuộc vận động "thi đua phát triển Đảng" do Tỉnh uỷ Thái Nguyên phát động, chi bộ đã phân công đảng viên xuống các thôn, bản tuyên truyền giúp đỡ quần chúng chỉ trong

thời gian ngắn Chi bộ đã kết nạp được thêm 4 đảng viên. Trong hội nghị tổng kết công tác Đảng do Huyện uỷ Định Hoá triệu tập, chi bộ xã Phượng Tú được tuyên dương đã có thành tích tốt trong công tác xây dựng Đảng. Bước sang năm 1948, chi bộ tổ chức kết nạp hai đợt, đợt 1 vào tháng 1/1948, kết nạp 6 đảng viên, đợt 2 tháng 4/1948, kết nạp được 5 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của chi bộ lên 23 đồng chí. Sau hai đợt kết nạp đảng viên mới ở một số thôn tập trung đông dân trong xã đã có đảng viên.

Về tổ chức, tháng 4/1948 đồng chí Ma Văn Bảo được Huyện uỷ điều đi nhận công tác mới, đồng chí Nguyễn Phúc Tông được Chi bộ bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Hạc Văn An Phó bí thư, đồng chí Lý phúc Quyền chi uỷ viên.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ xã hoạt động có hiệu quả, chi bộ đã bàn thống nhất, nhận số ruộng của gia đình ông Hạc Văn Bình không sử dụng hết ở khu Nà Tậu, Làng Cỏ để tặng gia tự túc phục vụ các hoạt động của Chi bộ, đồng thời đặt trụ sở thường trực bí mật tại đây.

Về chính quyền, được sắp xếp lại Uỷ ban kháng chiến hành chính xã gồm 7 thành viên do ông Ma Văn Tơ làm Chủ tịch, Lý Phúc Quyền Phó Chủ tịch, Ma Đình Hồng làm uỷ viên thư ký và 4 uỷ viên là Hạc Văn An, Nguyễn Phúc Tông, Hoàng Nam Tiến và Ma Thị Chệt.

Tháng 9/1949, Đại hội chi bộ lần thứ hai đã kiểm điểm những ưu, khuyết điểm, rút kinh nghiệm lãnh đạo tổ chức nhân dân cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng "vừa kháng chiến vừa kiến quốc", Đại hội đã khẳng định trong thời gian qua đảng viên ở mọi cương vị đều gương mẫu, hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng giao. Đại hội đã thông qua kế hoạch triển khai cuộc vận động của Tỉnh uỷ về "chấn chỉnh cấp xã" với nội dung cụ thể, xây dựng chi bộ gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, mà trước hết là lãnh đạo làm tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã, củng cố chính quyền từ xã đến thôn xóm, đẩy mạnh phong trào xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh. Đại hội bầu ra ban chấp hành khoá mới do đồng chí Hạc Văn An làm Bí thư, đồng chí Lý Phúc Quyền làm Phó bí thư, đồng chí Nguyễn Phúc Tông uỷ viên.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện đã cử cán bộ xuống các thôn, xóm họp dân phổ biến chủ trương của Chính phủ về bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Trong các buổi sinh hoạt, nhân dân đã giới thiệu những người đại diện cho quyền lợi của mình ra ứng cử vào Hội đồng nhân dân. Ngày 24/4/1949, 92% cử tri đã hăng hái thực hiện quyền làm chủ của mình là đi bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Kết quả 17 đại biểu đã

trúng cử, có đủ các lứa tuổi, thành phần, trong đó có 3 đại biểu là phụ nữ, 8 đại biểu là đảng viên. Cuối tháng 5/1949, Hội đồng nhân xã họp phiên đầu tiên, bầu ra Ủy ban kháng chiến hành chính xã gồm 8 thành viên, đồng chí Ma Văn Tư được tái cử chức Chủ tịch, đồng chí Hạc Văn An Phó Chủ tịch và 6 uỷ viên: là Ma Đình Hồng Uỷ viên thư ký, Lý Văn Ong văn thư, Hạc Văn Vát, Lương Văn Thọ, Nguyễn Phúc Tông, Hoàng Văn Đôn. Thắng lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính xã khẳng định tinh thần yêu nước, yêu quê hương, đoàn kết một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ý thức xây dựng và bảo vệ chính quyền của các tầng lớp nhân dân trong xã ngày càng được củng cố và nâng lên.

Xác định cách mạng phải dựa vào sức mạnh đoàn kết của toàn dân, nên trong khi kiện toàn bộ máy chính quyền, chi bộ cũng chăm lo củng cố hoạt động của các đoàn thể nhằm thu hút đông đảo quần chúng tham gia các Hội: Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân, Phụ lão. Cuối năm 1949 số lượng hội viên trong các đoàn thể đã tăng lên gấp đôi so với thời kỳ cuối năm 1948. Chi bộ đã chỉ đạo bầu lại Ban lãnh đạo Việt minh - Liên việt do ông Hứa Đức Liên làm Trưởng ban, Nguyễn Phúc Điều Phó ban, Nguyễn Thị Lục uỷ viên thường trực và Lương Thị Hè

làm uỷ viên. Các đoàn thể hoạt động sôi nổi, vận động nhân dân xây dựng cuộc sống mới dân chủ, tự do, tích cực tăng gia sản xuất, ủng hộ kháng chiến.

Hệ thống chính trị được củng cố dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, việc khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, bám đất, bám làng, sẵn sàng chiến đấu, tham gia kháng chiến kiến quốc được đẩy mạnh.

Về quân sự, chi bộ đã chỉ đạo tổ chức sắp xếp lại cho phù hợp với tình hình mới từ 3 trung đội cơ động năm 1947 xuống còn 2 trung đội. Trung đội nam có 60 người được huyện trang bị thêm ba khẩu súng trường và một số lựu đạn, chia làm 4 tiểu đội. Đây là đơn vị nòng cốt làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu trên địa bàn toàn xã, theo phương châm của Đảng "bộ đội địa phương và dân quân du kích làm chủ địa phương". chiến sĩ của trung đội này cấp trên có thể điều về đơn vị bộ đội địa phương, hoặc bổ xung vào bộ đội chủ lực, hàng năm huyện cử người xuống xã huấn luyện về chiến thuật đánh du kích, xây dựng làng chiến đấu, kỹ thuật sử dụng súng trường, ném lựu đạn... là đơn vị cơ động tại chỗ, sẵn sàng chiến đấu cao. Trung đội nữ dân quân có 30 người làm nhiệm vụ tiếp tế hậu cần, giao thông liên lạc, cứu thương, hướng dẫn người già, trẻ em sơ tán về nơi quy định khi có chiến sự lan đến địa phương.

Lực lượng tại chỗ được tổ chức mỗi thôn một tiểu đội, làm nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa tuần tra canh gác bảo vệ tài sản của nhân dân, bảo vệ, giữ bí mật cho các đơn vị đóng quân trên địa bàn, theo dõi người lạ mặt, ngăn chặn bọn việt gian chỉ điểm trà trộn vào nội bộ nhân dân. Khẩu hiệu "ba không" được quán triệt đến mọi tầng lớp nhân dân. Từ năm 1951 trở đi giặc Pháp tăng cường cho máy bay hoạt động ném bom, bắn phá vào nơi chúng nghi ngờ có cơ quan, đơn vị bộ đội đóng quân; ném bom vào làng mạc, đồng ruộng để phá hoại sản xuất của nhân dân. Để tránh thiệt hại khi địch bắn phá, Chi bộ, chính quyền đã hướng dẫn nhân dân nêu cao cảnh giác giữ gìn bí mật, các gia đình và các nơi công cộng đều đào hầm hố phòng tránh.

Từ khi có Sắc lệnh 121/SL về nghĩa vụ quân sự của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, phong trào tòng quân dấy lên sôi nổi. Tính đến năm 1954, 29 thanh niên đã lên đường nhập ngũ tham gia chiến đấu trên khắp các mặt trận.

Công tác phòng gian bảo mật được cấp uỷ chính quyền đặc biệt chú trọng, để làm tốt công tác này xã đã tiến hành kiện toàn tổ chức lực lượng công an từ xã đến các thôn, bản, phân công ông Nguyễn Phúc Tuần làm Trưởng công an xã, Nguyễn Văn Tiêu Phó công an, Lý

Văn Chanh làm văn thư văn phòng; mỗi thôn, bản thành lập một tổ bảo mật để theo dõi, kịp thời phát hiện những kẻ xấu lọt vào địa bàn. Lực lượng công an dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã và công an huyện. Công an Phượng Tú được nhân dân ủng hộ đã hoạt động tích cực, phát hiện kịp thời, báo cáo công an huyện và phối hợp với các lực lượng truy bắt những phần tử xấu ở xã là đảng viên của Đảng "Hoà Bình" do và Hà Đức Thượng (người xã Thanh Mai huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn) cầm đầu hoạt động ở Bản Noóng xã An Lạc (nay xã Quy Kỳ).

Tháng 8/1952, Hoàng Văn Thông (người ở Phú Cường, huyện Đại Từ) trong Đảng "hoà bình" nhưng cầm đầu một tổ chức phản động có tên là Đảng "Tối mật, Việt Nam đồng chí hội, quân án sát Việt Nam" đã tìm đến nhập bọn với số quân nhân đảo ngũ của xã trốn vào rừng, nhờ có tiếp tế của người anh em đang làm đội trưởng du kích xã⁽¹⁾. Bọn chúng tự xưng là "Ban chỉ huy đại đội 52" thường gặp gỡ nhau trên rừng bàn bạc hoạt động chống phá cách mạng. Thông cùng đồng bọn có ý định thành lập một Đảng riêng lấy tên là "Đảng tối mật" "Việt nam đồng chí hội". Chúng dựng lán trong rừng Khuổi Toòng rồi đến các bản gặp gỡ, rủ rê bà con cùng dân tộc Cao Lan vào "Đảng" và ép họ phải nộp tiền, nhiều người do bị ép

nên phải gia nhập "Đảng". Ngày 28/2/1953, ông Triệu Tiến Khoa đã đến Ủy ban Kháng chiến hành chính xã, tố cáo âm mưu tấn công trụ sở ủy ban, giết người cướp máy chữ, giấy tờ... Biết được âm mưu của chúng cấp ủy, chính quyền xã, một mặt cử ông Ma Đình Hồng lên huyện báo cáo, xin ý kiến, mặt khác huy động lực lượng công an và dân quân bảo vệ cán bộ xã và giao cho ông Lý Văn Ong cất dấu máy chữ, bố trí lực lượng dân quân canh gác, cử công an theo dõi những kẻ bị tố cáo, khi thấy chúng chuẩn bị bỏ trốn Ủy ban kháng chiến hành chính đã cho bắt ngay 5 tên bị tố giác⁽¹⁾. Được sự chỉ đạo của Công an Tỉnh đêm mùng 1 rạng ngày mùng 2/3/1953 lực lượng công an Huyện cùng bộ đội tiểu đoàn 187, có lực lượng dân quân và công an xã Lam Vĩ dẫn đường đã Phối hợp bao vây khu vực Khuổi Toòng, áp sát các lán bí mật và nhà ở, bắt một số tên cầm đầu "Đảng Tội mật", một số tên bỏ chạy. Ngày 3/3/1953, Lực lượng công an và chính quyền xã họp dân công bố việc bắt những tên phản động và phát động nhân dân tố cáo nơi ẩn náu của bọn chạy trốn, đồng thời cũng tuyên bố mở lượng khoan hồng nếu chúng ra đầu thú. Cùng đường bọn chúng đã ra đầu thú tại trụ sở ủy ban kháng chiến hành chính xã. Thắng lợi trong cuộc trấn áp bọn phản cách mạng chúng tỏ sự trưởng thành rõ rệt của

(1) Lịch sử công an tỉnh Thái Nguyên 1930-1954 sdd.

lực lượng chuyên chính bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ cuộc sống yên lành của nhân dân.

Về khôi phục phát triển kinh tế: Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chi bộ đã vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh, theo chủ trương "tự túc, tự cấp, tự sản, tự tiêu" của Đảng với Khẩu hiệu "tắc đất, tắc vàng, không để ruộng hoang, cấy hết diện tích". Những năm 1949- 1950 dưới sự chỉ đạo của Nông hội, nông dân đã khai khẩn ruộng hoang, phát nương trồng lúa, trồng sắn, các loại cây màu. Thời gian này thời tiết thuận lợi, lúa được mùa, sản lượng lương thực tăng, đời sống của đồng bào ngày một ổn định. Tuy vậy do tập tục từ xưa người dân chỉ cấy một vụ và chỉ trông vào "nước trời" để cấy lúa. Xong vụ lúa thì vào rừng đào củ, hái măng và phát rẫy tràn lan nên sản lượng lương thực tăng, giảm thất thường. Khắc phục tình trạng trên cấp uỷ, chính quyền xã đã chỉ đạo vận động thành lập các tổ đổi công, huy động hàng trăm ngày công làm thuỷ lợi đắp phai Nà Nghiệu, Tát Nội, Nà Làng và Thâm Phục, đào hàng nghìn mét nương máng dẫn nước vào đồng ruộng để cấy thêm vụ chiêm, đồng thời tiến hành cuộc vận động chống "cây chay", thực hiện liên hoàn cả "ba khâu" cấy sâu bừa kỹ, làm cỏ, bỏ phân và gặt nhanh cất kỹ. Năng suất lúa từ

35kg/sào đã tăng lên 50kg/sào /vụ, đời sống nhân dân được ổn định.

Năm 1951, đơn vị Cục quân khí đến đóng quân tại Bản Tò, Làng Quyển, chi bộ, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã vận động nhân dân đóng góp hàng nghìn cây tre, nứa, lá, hàng vạn tàu lá cọ để bộ đội làm lán trại, kho tàng, hội trường. Nhằm thắt chặt tình đoàn kết quân dân đơn vị đã cử cán bộ giúp địa phương tính toán phương án thu thuế nông nghiệp theo diện tích và từng hạng đất. Nhờ đó, chỉ trong thời gian ngắn các biểu thuế đã hoàn thành, triển khai xuống từng thôn, bản, từng gia đình, đảm bảo công bằng hợp lý. Năm đầu thực hiện chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và Chính phủ xã Lam Vĩ nộp 45 tấn, đến năm 1952 và những năm tiếp theo mức đóng tăng lên 55 tấn /năm. Phong trào đóng nhanh, thóc tốt lan rộng, mỗi vụ gặt xong phơi khô, quạt sạch, nhân dân lại nô nức gánh thóc lên kho nộp cho Chính Phủ, có năm gánh ra nộp tại kho ở Chợ Chu, có năm nhân dân gánh thóc xuyên rừng sang kho Chợ Mới (Bắc Kạn), năm nào nhân dân cũng đóng đủ và nhanh gọn. Ngoài nộp thuế, phong trào "bán thóc khao quân" "đỡ đầu địa phương quân" cũng khá sôi nổi. Năm 1950 xã đã ủng hộ chính phủ 1 tấn, bán 2 tấn thóc góp vào quỹ để Bác Hồ khao quân, bán 5 tấn thóc để nuôi bộ đội địa phương. Cuộc kháng chiến gần đến ngày

thắng lợi nhân dân càng hăng hái đóng góp cho kháng chiến. Năm 1953 đầu năm 1954, toàn xã đã nộp 70 tấn thóc thuê cho nhà nước. Dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền nhân dân các dân tộc xã Phụng Tú chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, ủng hộ kháng chiến, góp phần cùng nhân dân cả nước đánh thắng giặc Pháp xâm lược.

Về chăn nuôi, trâu, lợn và gia cầm cũng được đẩy mạnh, phát huy lợi thế đồi bãi rộng, tiện lợi trong việc chăn thả, mỗi gia đình đều nuôi từ 2-3 con trâu, 2- 5 con lợn và hàng chục gà, vịt, ngan ngỗng. Tính đến cuối năm 1953 toàn xã đã có 600 con trâu, trên 1000 con lợn và nhiều gà, vịt ngan ngỗng. Chăn nuôi phát triển chẳng những đảm bảo sức kéo cho sản xuất, mà còn cung cấp một lượng thực phẩm lớn cho đời sống nhân dân, các đơn vị cơ quan đóng quân trên địa bàn xã và trao đổi với người dân trong vùng.

Về văn hoá, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, nhân dân Phụng Tú phấn khởi xây dựng cuộc sống mới tiên bộ, thay thế dần những phong tục, tập quán lạc hậu của chế độ cũ để lại. nếp sống mới đang từng bước hình thành; tiêu biểu nhất là thực hiện quy ước của Hội đồng nhân xã, xoá bỏ tệ biếu xén, ăn uống linh đình trong ngày lễ tết, cưới hỏi, ma chay, kỳ yên, giải hạn. Uỷ ban Kháng chiến hành

chính xã đã kiểm tra thường xuyên, ai còn tiếp tục duy trì những phong tục cũ bị nghiêm khắc phê bình và vận động mọi người không đến dự. Việc triệt để thi hành quy ước của Hội đồng nhân dân về nếp sống mới chứng tỏ người dân rất tin tưởng vào sự lãnh đạo của chi bộ. Phong trào văn hoá văn nghệ được đơn vị Cục quân khí giúp đỡ, cử người xuống các thôn bản dạy hát, dạy múa cho thanh thiếu niên. Từ Năm 1953 trở đi xã còn tổ chức giao lưu văn nghệ với các xã lân cận như An Lạc, Quy Kỳ, Linh Đàm (Linh Thông ngày nay) nhiều đêm nhân dân, bộ đội quây quần quanh lửa trại, hát những bài ca cách mạng, bài ca kháng chiến, những làn điệu dân ca địa phương, tạo nên không khí vui tươi phấn khởi. Vào ngày Tết Nguyên đán các bản, làng tổ chức hội Lồng Tồng, nhân dân, bộ đội đến tham gia các trò chơi dân gian như tung còn, đấu vật, hát lượn, hát ví... Văn hoá cách mạng được nhân dân phấn khởi đón nhận và thực hiện.

Phong trào vệ sinh yêu nước với khẩu hiệu thiết thực "Ba sạch bốn diệt" (ăn sạch, uống sạch; ở sạch, diệt ruồi, muỗi, chuột, chấy, rận, rệp), không nhốt trâu, bò dưới gầm sàn, làm các công trình vệ sinh xa nhà. Hàng tháng y tá, bộ đội xuống thôn bản phát thuốc chống sốt rét, chữa bệnh cho nhân dân, vận động nhân dân uống thuốc khi ốm đau, không cũng bái nhảm nhí. Tuy vậy ở vùng quê hẻo

lánh của huyện, đồng bào dân tộc còn giữ nhiều phong tục tập quán cũ được truyền từ đời này sang đời khác, để chuyển biến cách nghĩ, cách làm của người dân xây dựng nếp sống văn hoá, vệ sinh là cả một quá trình lâu dài, kiên trì, liên tục, kiên quyết, đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực của chi bộ, chính quyền và các đoàn thể của xã.

Về giáo dục, do tập trung vào giải quyết những vấn đề cần kíp trước mắt về đời sống nhân dân, nên phong trào xoá nạn mù chữ ở các thôn bản bị chững lại. Tuy nhiên ở một số thôn một số lớp ban đêm cho cán bộ xã, thôn và đoàn viên thanh niên, hội viên nông dân vẫn được duy trì do được các đơn vị bộ đội cử người đến dạy. Giáo dục phổ thông được hình thành từ năm 1952 tại hai khu vực: Đình Nà Toán có hai lớp (lớp 1 và lớp 2) gồm 30 học sinh do thầy giáo Ma Đức Minh dạy, tại Làng Quyền có 2 lớp do thầy giáo Nguyễn Hữu Cát dạy. Đây là những lớp học do thầy giáo tự nguyện mở và cha mẹ học sinh tự đóng góp để nuôi thầy giáo, mặc dù mới ở thời kỳ sơ khai nhưng đã đặt nền móng cho sự nghiệp giáo dục phổ thông ở xã. Đến đầu năm 1953 các lớp được phát triển lên, hai khu vực có lớp học được nâng lên thành 2 trường tiểu học có từ lớp 1 đến lớp 4. Một số thầy giáo được huyện cử đi bồi dưỡng nghiệp vụ đã trở về xã dạy. Dưới chế độ mới, trẻ em ở ATK Định Hoá nói chung xã Lam Vĩ nói riêng

đã được hưởng một nền giáo dục tiên bộ, trẻ em không phân biệt giàu nghèo, trai, gái đến tuổi đều được đến trường học. Đây là một quyết tâm lớn của chi bộ, chính quyền xã.

Từ những năm 1950 - 1952 ta thắng lớn ở các chiến dịch Biên Giới, Hoà Bình, Tây Bắc mở ra thế và lực mới cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta, một vùng đất rộng lớn ở biên giới Việt - Trung được giải phóng, đây là điều kiện thuận lợi để nhân dân ta tiếp nhận sự giúp đỡ của các nước bạn như Trung Quốc, Liên Xô và các nước bạn bè trên thế giới. Tình hình quân sự chuyển nhanh từ "cầm cự" sang "Tổng phản công". Để đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới, trước đây ta phá đường, phá cầu tiêu thổ kháng chiến để ngăn bước quân thù, nay khôi phục lại để chuyển quân, vũ khí, lương thực, thực phẩm ra các chiến trường. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ Định Hoá, Chi bộ xã Phượng Tú đã huy động hàng ngàn lượt người đi dân công xây dựng lán trại cho bộ đội ở Nà Lang (Phượng Tiến), sửa lại đoạn đường Quán Vuông- Phố Ngũ - Phố Ngũ Dốc Điệp (Đại Từ). Nhiều người tham gia đoàn dân công tải đạn qua Đèo Khê và chuyển thóc sang Chợ Mới, đồng thời tham gia đoàn dân công sửa chữa đường phục vụ tại ATK. Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến, công tác chuẩn bị mọi mặt càng khẩn trương,

nhất là vào đầu năm 1954, cả nước dồn sức người, sức của cho mặt trận Điện Biên Phủ, cùng với nhân dân toàn huyện, nhân dân xã Phụng Tú dưới sự chỉ đạo của chi bộ đã vận động nhân dân đóng góp thêm hàng tấn thóc, ủng hộ 8 con trâu, hàng tấn lợn, gà gửi ra mặt trận cho bộ đội ăn no đánh thắng. Đầu năm 1954 chi bộ đã cử đồng chí Hoàng Nam Tiến phụ trách 50 thanh niên tham gia đại đội dân công hỏa tuyến của huyện Định Hoá, phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, đại đội này đã lập công xuất sắc, được Chính phủ tặng Huân chương Chiến thắng hạng Ba.

Song song với việc tích cực khẩn trương, chuẩn bị mọi mặt cho chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954. Cuộc phát động quần chúng thực hiện giảm tô được triển khai trên toàn quốc. Định Hoá phát động quần chúng thực hiện giảm tô trong điều kiện cuộc kháng chiến cả nước đang đi gần đến thắng lợi, nông dân phấn khởi hưởng ứng cuộc phát động quần chúng thực hiện giảm tô của Đảng. Tại xã đội phát động giảm tô phối hợp với địa phương tổ chức cho nhân dân học tập chủ trương của Đảng về xoá bỏ chế độ người bóc lột người, để nhân dân thực sự làm chủ xã hội, làm chủ cuộc sống của mình. Quá trình thực hiện chính sách giảm tô, qua thực tế chi bộ kháng định xã Phụng Tú không có địa chủ, cường hào. Ngay từ những năm 1951, khi thực hiện chính sách thuế nông nghiệp,

một số gia đình nhiều ruộng, ít lao động đã giao bớt ruộng cho nông dân cày cấy không thu tô, hoặc cho Nông hội mượn ruộng để giao cho một số nông dân không có ruộng cày. Do đó việc thực hiện chính sách giảm tô ở xã diễn ra thuận lợi, đúng đường lối của Đảng, nông dân phấn khởi tin tưởng, tiếp tục xây dựng tổ đổi công, đoàn kết giúp nhau hăng hái tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, đóng góp nhiều sức người, sức của cho cuộc kháng chiến.

Tổng kết cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ xã Phụng Tú có 29 thanh niên lên đường giết giặc lập công trên khắp các chiến trường, nhiều người đã trở thành cán bộ chỉ huy quân đội cách mạng, 6 người con thân yêu đã hy sinh thân mình vì nền độc lập của đất nước, gần 2500 lượt người đi dân công vận chuyển lương thực, vũ khí, đạn dược cung cấp cho bộ đội đánh giặc, đồng thời xây dựng kho tàng, sửa chữa đường xá ngay trên mảnh đất Định Hoá anh hùng

Về công tác xây dựng Đảng, hưởng ứng cuộc vận động "Tất cả cho chi bộ, làm cho chi bộ trưởng thành" do Huyện uỷ Định Hoá phát động, Chi bộ đã tổ chức đợt sinh hoạt chính trị mà nội dung chủ yếu là rèn luyện Đảng tính, đưa sinh hoạt chi bộ vào nền nếp, trong sinh hoạt nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình, từng đảng viên kiểm điểm

về đạo đức cách mạng, tác phong và vai trò lãnh đạo của người đảng viên đối với quần chúng. Thông qua đó gắn việc củng cố chi bộ với thực hiện nhiệm vụ chính trị lấy đó làm thước đo đánh giá ý thức rèn luyện phẩm chất đảng viên, năng lực lãnh đạo của chi uỷ. Qua thực tiễn hoạt động đội ngũ cán bộ đảng viên ở xã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt.

Đối với công tác phát triển Đảng, sau thời gian ngừng phát triển đảng viên mới để củng cố theo nghị quyết của Trung ương (từ 1950 - 1951). Năm 1953, chi bộ tiếp tục kết nạp 2 đợt được 6 đảng viên nâng tổng số đảng viên lên 27 đồng chí. Trong thời gian từ 1948 - 1953, do yêu cầu bổ sung cán bộ cho huyện, tỉnh và quân đội 6 đảng viên của chi bộ lần lượt lên đường làm nhiệm vụ, thoát ly công tác địa phương. Số cán bộ có năng lực chuyển đi làm cho chi bộ thiếu cán bộ nghiêm trọng, nhưng với sự quyết tâm cao chi bộ đã vượt qua khó khăn tiếp tục vươn lên giữ vững vai trò lãnh đạo xây dựng, củng cố chính quyền, động viên nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, đóng góp sức người sức của cho kháng chiến.

Trước khi tiến hành cuộc vận động giảm tô, 22 xã trong huyện được sáp nhập thành 9 đại xã, qua một thời gian hoạt động nhận thấy đơn vị xã quá rộng, không phù

hợp với điều kiện sinh hoạt của nhân dân, công tác lãnh đạo điều hành của chính quyền gặp nhiều khó khăn, do vậy đầu năm 1954 thực hiện chỉ đạo của cấp trên xã Phụng Tú được tách ra thành 2 xã là Tân Hoà (Lam Vĩ ngày nay) và Tân Thịnh. Để giúp cho việc kiện toàn bộ máy điều hành của hai xã, Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện đã cử cán bộ xuống cùng chi bộ và đội giảm tô, phân chia địa giới, dự kiến cán bộ. Ngày 30/2/1954 một hội nghị bao gồm các đồng chí đảng viên, cán bộ chính quyền, các đoàn thể và các trưởng thôn bản thuộc xã Phụng Tú được tổ chức tại hội trường lớn của Cục Quân khí ở Bản Tò thôn Làng Quyền. Tại hội nghị này Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện công bố quyết định tách xã và chỉ đạo bầu ra chính quyền của từng xã: Xã Tân Hoà gồm 7 thành viên do đồng chí Dương Hữu Tô làm chủ tịch, Lương Đình Tân phó chủ tịch, Lý Văn Ong Uỷ viên thư ký cùng 4 uỷ viên là Đàm Văn Thạch, Trần Thị Cát, Hoàng Văn Duyên, Bé Đình Phương. Theo chỉ đạo chung sau khi tách xã giải thể cấp thôn, xã Tân Hoà có 11 xóm là Đồng Kền, Làng Hồng, Cốc Ngạn, Làng Quyền, Nà Toán, Nà Làng, Khau Viêng, Bản Tòng, Nà Tiêm, Bản Cái. Mỗi xóm bầu ra một trưởng xóm, một phó xóm, trưởng xóm kiêm tổ trưởng tổ đổi công, phó xóm phụ trách dân quân và nông hội. Theo đó các đoàn thể cũng được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực

hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Các hội Cứu quốc: Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Hội Phụ lão hoạt động tích cực sôi nổi, động viên thanh niên hăng hái lên đường tòng quân giết giặc, đi dân công phục vụ các chiến dịch. Ở hậu phương làm nòng cốt trong xây dựng tổ đỏi công, hăng hái tăng gia sản xuất, làm ra nhiều của cải vật chất đóng góp cho kháng chiến.

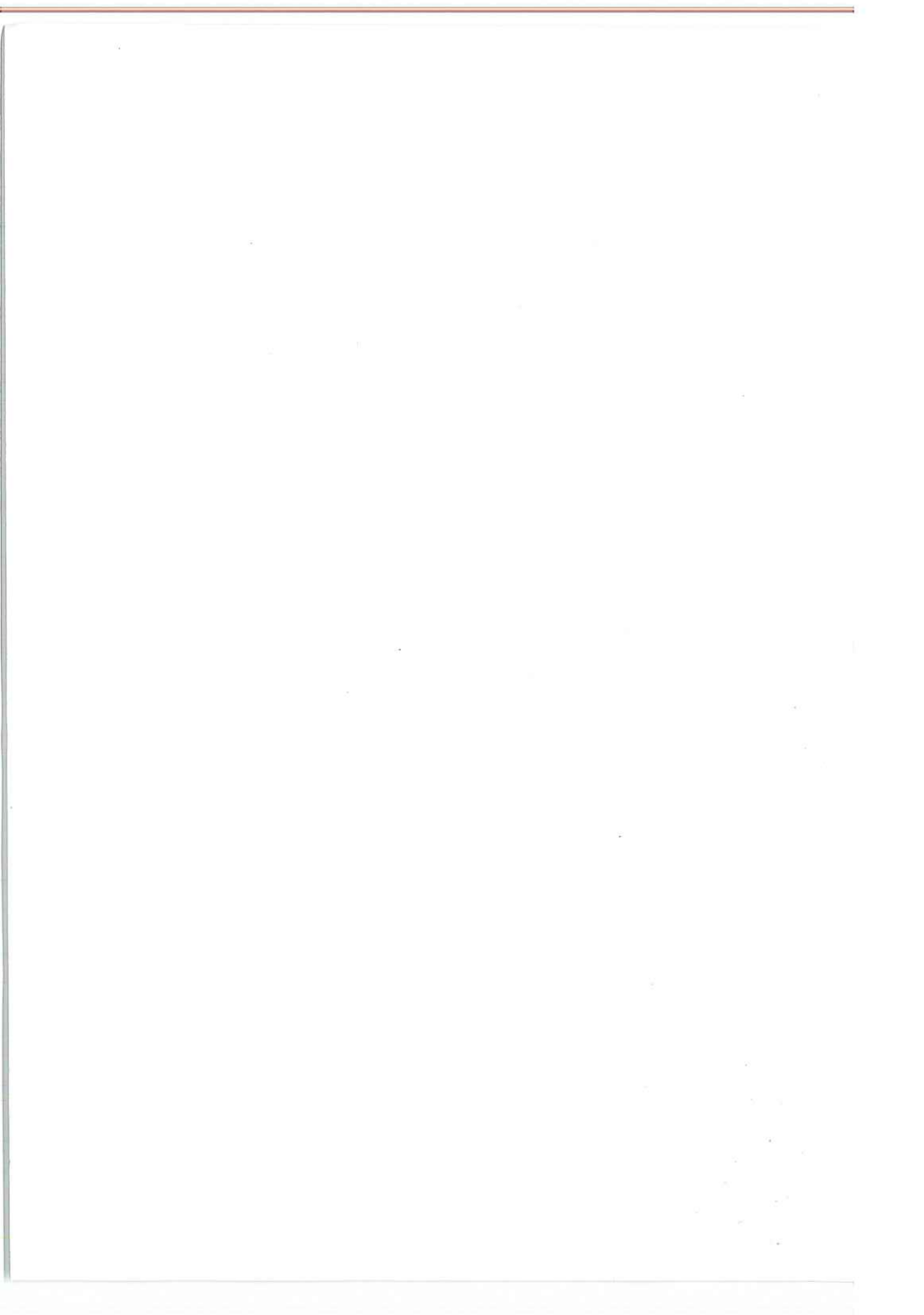
Cũng như tình trạng chung của huyện Định Hoá sau giảm tô hoạt động của chi bộ, chính quyền xã Tân Hoà có phần bị giảm sút, nguyên nhân là một số cốt cán được đưa vào giữ vai trò chủ chốt trong chính quyền như Phó Chủ tịch, các Trưởng bản trình độ và năng lực quá yếu, chỉ hoạt động được một thời gian ngắn rồi tự bỏ việc. Một số đảng viên "thuộc tầng lớp trên" còn băn khoăn lo lắng không giám mạnh dạn hoạt động sợ mắc sai lầm, hơn nữa một số cán bộ là người địa phương có năng lực huyện điều đi nhận công tác mới nên thời gian này chi bộ Tân Hoà rơi vào tình trạng hẫng hụt, thiếu cán bộ, đồng chí Dương Hữu Tô phải đảm nhận cả công tác Đảng và chính quyền trong nhiều năm, dần dần mới củng cố trở lại.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện Định Hoá, Chi bộ Tân Hoà thông qua thực tế lãnh đạo, điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ở địa phương

đã từng bước trưởng thành và lớn mạnh không ngừng, xây dựng được hệ thống chính trị hoạt động khá vững vàng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới ở địa phương. Bên cạnh những thành tích, chi bộ còn có những khuyết điểm tồn tại như trong công tác lãnh đạo còn chủ quan, sơ hở trong việc quản lý cán bộ, quản lý đảng viên, để tình trạng đáng tiếc xảy ra, một vài cán bộ từng giữ những cương vị quan trọng trong lực lượng vũ trang của xã như thư ký xã đội, tiểu đội trưởng du kích bị kích động lừa gạt đã tham gia tổ chức phản động "Đảng tối mật" chống lại chính quyền cách mạng. Tình trạng này chỉ là cá biệt nhưng ít nhiều cũng ảnh hưởng đến uy tín và khả năng lãnh đạo của chi bộ trong quần chúng nhân dân. Đối với chi bộ từ khi thành lập (tháng 2/1947) đến tháng 2/1954 đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, từng bước trưởng thành cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân toàn xã thực hiện tốt đường lối kháng chiến, kiến quốc của Đảng. Đến tháng 2/1954 Chi bộ xã Phượng Tú tách thành 2 chi bộ: Chi bộ Tân Hoà có 18 Đảng viên, Chi bộ Tân Thịnh có 9 đảng viên. Chi bộ Phượng Tú tự hào về những thành quả đạt được trên chặng đường lịch sử vẻ vang của mình.



Hội nghị hội thảo lịch sử Đảng bộ xã Lam Vỹ (1947 - 2005)



CHƯƠNG II

CHI BỘ LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG THAM GIA CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC 1955- 1975

A/ Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội 1955- 1965.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954), Hiệp định Giơ Ne Vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được ký kết ngày 21/7/1954. Cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi vẻ vang. Cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn đất nước ta phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Trong chín năm kháng chiến một số cơ quan quân đội đóng trên địa bàn xã, mật độ dân số đông, cuộc sống sôi động, nhộn nhịp, tình cảm quân, dân gắn bó mật thiết. Hoà bình lập lại các cơ quan đơn vị rút về Hà Nội, không tránh khỏi nhớ nhung, lưu luyến, đồng thời thiếu đi sự

giúp đỡ trực tiếp của các cơ quan đơn vị, đó là một trong những khó khăn của chi bộ. Hơn nữa những năm cuối của cuộc kháng chiến, nhân dân Tân Hoà đã cùng với nhân dân toàn huyện dốc toàn bộ thực lực cho kháng chiến, nên đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn. Trước tình hình đó, nhiệm vụ cấp bách hàng đầu là khôi phục và phát triển kinh tế. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này chi bộ, chính quyền xã Tân Hoà đã nhận định rõ những khó khăn và thuận lợi:

Về khó khăn, tổ chức Đảng, Chính quyền, đoàn thể vừa mới sắp xếp lại theo chủ trương tách xã, chưa thật ổn định, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp trong đó 600 mẫu ruộng chủ yếu là ruộng một vụ, đất đai cằn cỗi, làng bản thưa thớt, yếu tố tự túc, tự cấp chi phối khá sâu sắc trong đời sống sinh hoạt và cách thức làm ăn của nhân dân.

Về thuận lợi, là vùng đất hẻo lánh ở cực Bắc của huyện, trong suốt cuộc kháng chiến Tân Hoà không nằm trong khu vực xảy ra chiến sự ác liệt, không bị tàn phá. Nhân dân được hưởng nhiều quyền lợi do Đảng mang lại, một lòng theo Đảng xây dựng cuộc sống dân chủ tự do, kinh tế, xã hội, an ninh trật tự phát triển theo sự chỉ đạo của chi bộ. Từ nhận định trên chi bộ đề ra nhiệm vụ cho 3 năm (1955- 1957) khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội; trước hết là củng cố tổ đổi công đã có từ trước, phát động

toàn dân tích cực tăng gia sản xuất, động viên nhân dân cấy hết diện tích. Những năm 1954-1956 thời tiết diễn biến phức tạp, nắng hạn kéo dài. Để đảm bảo nước tưới chi bộ, Chính quyền xã đã huy động toàn dân làm thủy lợi: đắp đập, đắp phai, sửa và làm thêm mương máng để đưa nước về đồng ruộng. Kết quả toàn xã đã đắp được một số phai, đập lớn nhỏ, tu sửa và làm mới hơn 1000 mét mương đưa nước về đồng, cấy kịp thời vụ và chăm sóc lúa lúc sinh trưởng. Năm 1956 diện tích cấy được hai vụ tăng thêm 20 mẫu. Các biện pháp kỹ thuật gieo cấy, chăm sóc vẫn được duy trì, những cánh đồng thiếu nước nguồn bị hạn nặng, xã đã huy động hàng trăm thanh niên, phụ nữ gánh nước tưới cho lúa. Đồng thời với hạn hán là dịch sâu cuốn lá phá hoại. Một chiến dịch bắt sâu hại lúa được phát động với khẩu hiệu: "cứu lúa là cứu mình" hàng ngàn học sinh, thanh niên, nông dân được huy động ra đồng bắt sâu bằng tay, dùng nứa đan thành bàn lược để chải sâu, kết quả hàng tạ sâu bị tiêu diệt. Nhờ đó đã cứu được hàng trăm mẫu lúa năng suất, sản lượng có giảm đôi chút nhưng không ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân. Ngoài trồng lúa, cấp uỷ, chính quyền xã đã vận động nhân dân tận dụng soi, bãi trồng thêm ngô, khoai, sản tăng thêm nguồn thu nhập, thu hẹp diện thiếu đói trong lúc giáp hạt, ổn định đời sống nhân dân.

Đi đôi với phát triển cây lương thực, việc chăn nuôi trâu, lợn, gia cầm được khuyến khích. Tận dụng lợi thế đất rộng nhiều đồi bãi chăn thả tiện lợi, bình quân mỗi gia đình nuôi từ 2 đến 3 con trâu, nhiều gia đình có nhân công nuôi từ 9 đến 10 con. Đàn gia cầm được các gia đình chú trọng phát triển, đây là nguồn thực phẩm dự trữ của người dân trong vùng, khi việc đi lại mua bán còn gặp nhiều khó khăn.

Song song với việc phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân vẫn được cấp uỷ quan tâm. Hệ thống Trường phổ thông ở xã vẫn được duy trì từ trong kháng chiến, khi hoà bình lập lại các lớp cấp I rải rác ở các xóm bản được rút về khu vực Nà Toán thành một trường tập trung có từ lớp 1 đến lớp 4 số học sinh có từ 190 đến 200 em. Cơ sở vật chất nhà trường do nhân dân đóng góp xây dựng, tuy còn phen nửa, mái lá, bàn tre, ghế tròn nhưng rộng rãi, thoáng mát. Cách thức tổ chức giảng dạy đã đi vào nề nếp, Ban giám hiệu do thầy giáo Ma Đình Đạt làm hiệu trưởng và 6 thầy, cô giáo ngày đêm miệt mài với nghề truyền thụ kiến thức cho học sinh. Năm 1957 Trường cấp II huyện Định Hoá được mở rộng và chuyển về Chợ Chu, một số học sinh xã Lam Vĩ học hết lớp 4 đã chuyển ra Chợ Chu theo học cấp II.

Về công tác xây dựng Đảng, trong những năm 1955 - 1957 một số cán bộ xã được điều động lên công tác ở

huyện nên đồng chí Dương Hữu Tô Chủ tịch uỷ ban hành chính xã kiêm Quyền Bí thư chi bộ. Để kiện toàn đội ngũ cán bộ xã, năm 1956 được Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo Chi bộ đã bầu bổ sung đồng chí Hoàng Văn Bường giữ chức Bí thư chi bộ, nên nếp sinh hoạt chi bộ được giữ vững. Tính tiên phong gương mẫu của đảng viên được phát huy trong mọi mặt đời sống xã hội, vai trò lãnh đạo của chi bộ được nâng lên. Trên cơ sở đó hệ thống chính quyền từng bước được kiện toàn ngày một vững chắc, đáp ứng được yêu cầu điều hành mọi nhiệm vụ trên giao. Tuy nhiên công tác phát triển đảng tiến triển chậm, suốt từ năm 1955-1959 chỉ kết nạp được 6 đảng viên mới, số lượng đảng viên chủ yếu là cán bộ làm việc trong chính quyền, đoàn thể xã, ở các xóm bản có rất ít. Nguyên nhân có tình trạng này là do chi bộ quá chú trọng vào củng cố tổ chức nên quá trình bồi dưỡng, tạo nguồn bổ sung lực lượng đảng cho chi bộ ít được chăm lo. Tính đến cuối năm 1959 chi bộ có 25 đảng viên.

Sau 3 năm khôi phục, phát triển kinh tế văn hoá, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, xã đã vượt qua những khó khăn ban đầu, đời sống nhân dân dần được cải thiện. Tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể đi vào hoạt động có nề nếp, là tiền đề để xã bước vào thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa 1958-1960.

Triển khai Nghị quyết 14 của Ban chấp hành Trung ương về đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể nông dân, thợ thủ công.....với khâu then chốt là xây dựng hợp tác xã Huyện uỷ Định Hoá đã tiến hành xây dựng điểm hai hợp tác xã nông nghiệp Nà Lang (xã Phụng Tiên), Bản Là (Bình Thành) để rút kinh nghiệm. Sau một vụ thực hiện mặc dù còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết, huyện đã mở hội nghị rút kinh nghiệm và quyết định nhân rộng phong trào xây dựng hợp tác xã ra toàn huyện. Được sự chỉ đạo của Huyện uỷ đầu năm 1959, chi bộ xã Tân Hoà tổ chức học tập chủ trương, phổ biến cách làm ăn mới của của hợp tác xã nông nghiệp và thông qua kế hoạch cụ thể xây dựng hợp tác xã trong toàn xã. Đây là nhiệm vụ hết sức khó khăn, phức tạp và mới mẻ nên cấp uỷ, chính quyền đã bàn bạc thống nhất tổ chức thực hiện một cách thận trọng, tuyên truyền vận động đến từng gia đình nông dân thông qua các cuộc họp xóm bản, đồng thời quyết định chọn Làng Cỏ, Làng Giản xây dựng hợp tác xã điểm. Chi bộ yêu cầu đảng viên phải gương mẫu vận động gia đình và đề ra chỉ tiêu 100% gia đình đảng viên vào hợp tác xã.

Thực hiện chủ trương của chi bộ, các xóm, bản đã tổ chức học tập đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể trong các hợp tác xã. Trong khi học tập, nông dân xã Tân Hoà đều nhất trí

với chủ trương của Đảng, song cũng còn những băn khoăn, lo lắng về cách làm ăn mới. Vì người nông dân từ bao đời nay đã quen với tập quán làm ăn riêng lẻ, tự túc, tự cấp nay đem hết ruộng đất, trâu bò, dụng cụ sản xuất góp vào làm của chung là việc làm xưa nay chưa hề có. Đây là cuộc đấu tranh day dứt trong tư tưởng trong từng gia đình, từng con người cụ thể. Tuy nhiên trong cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ của dân tộc, người dân Tân Hòa đã được "đôi đời", không bị áp bức bóc lột, đè nén như thời đế quốc phong kiến. Được Đảng mang lại quyền sống tự do, bình đẳng, do đó niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng đã ăn sâu vào tâm chí người dân nơi đây, dù khó khăn đến mấy cũng quyết tâm nghe theo lời Đảng xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Hai xóm Làng Cỏ và Làng Giản có 34 hộ, 40 mẫu ruộng, 45 con trâu. Dân cư sống tương đối tập trung, phân đoàn thanh niên hoạt động khá mạnh. Sau khi tổ chức học tập việc xây dựng hợp tác xã điếm, phân đoàn thanh niên cử đoàn viên đến từng gia đình tuyên truyền vận động nông dân tự nguyện làm đơn xin vào hợp tác xã. Những gia đình do trình độ học vấn thấp chưa biết viết đơn, đoàn thanh niên cử người viết giúp. Kết quả 100% gia đình đã tự nguyện vào hợp tác xã. Tháng 5/1959 Chi bộ chỉ đạo Đại hội xã viên quyết định lấy tên là hợp tác xã Làng Cỏ và bầu ông Hạc Văn Vát làm Chủ nhiệm cùng 2 uỷ viên.

Như vậy hợp tác xã điểm đã được thành lập, đi vào hoạt động, ban đầu cách tổ chức, quản lý của cán bộ còn nhiều bỡ ngỡ, nên vụ đầu hợp tác xã chưa tập trung ruộng và nông cụ sản xuất mà gửi ở từng hộ xã viên, hợp tác xã chỉ điều hành phân công, công việc cho từng nhóm, quản lý giờ giấc theo kèng, còn sản phẩm làm ra vẫn do xã viên quản lý, từng hộ vẫn tự đóng thuế cho Nhà nước và nộp 20 kg theo đầu mẫu vào quỹ hợp tác xã và chưa tính công điểm. Cuối năm 1959 chi bộ đã chỉ đạo rút kinh nghiệm từ hợp tác xã Làng Cỏ và chỉ ra những ưu, nhược điểm khi tổ chức thực hiện: Về ưu điểm, khí thế nông dân phấn khởi, làm ăn đông vui, có tổ chức, có giờ giấc, nhưng cũng bộc lộ những khuyết điểm về khả năng, trình độ quản lý điều hành của Ban quản trị còn rất lúng túng. Thực tế hợp tác xã Làng Cỏ mới thực hiện được một phần của công việc xây dựng hợp tác xã, những yếu tố cơ bản về công hữu ruộng đất và nông cụ sản xuất chủ yếu chưa làm được. Tuy vậy theo sự chỉ đạo phong trào chung của toàn huyện, chi bộ quyết định đưa 100% các xóm bản còn lại vào con đường làm ăn tập thể theo phương hướng liên kết nhiều xóm có điều kiện gần nhau thành một hợp tác xã, chủ trương này được nông dân toàn xã hưởng ứng. Đầu năm 1960 theo sự chỉ đạo của tỉnh, Hội đồng nhân dân xã hợp quyết định nhất trí với ý kiến đề nghị của Ủy ban hành chính xã tiếp tục xây dựng thêm 4 hợp tác xã trên toàn xã.

Thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, đầu năm 1960, 4 hợp tác xã mới được thành lập đó là: Hợp tác xã Hiệp Lực gồm 2 đội sản xuất: Khau Viêng, Nà Làng; Hợp tác xã Văn La gồm 3 đội sản xuất Bản Cái, Nà Tiếm, Bản Tồng; Hợp tác xã Tam hợp gồm 3 đội sản xuất: Làng Hông, Cốc Ngận, Đồng Kền, Hợp tác xã Đồng Tâm gồm 4 đội sản xuất: Nà Toán, Làng Há, Làng Quyên, Đồng Keng. Như vậy tính đến cuối năm 1960 xã xây dựng được 5 hợp tác xã, 100% xóm bản với 195/200 hộ vào hợp tác xã chiếm 97%, diện tích ruộng 602 mẫu, trâu 700 con, 200 cày, bừa được đưa vào hợp tác xã làm của chung. Vụ mùa năm 1960 các hợp tác xã đã thực hiện bình công chấm điểm. Các hợp tác xã thực hiện đúng phương hướng tổ chức của hợp tác xã là hàng ngày theo tiếng keng xã viên đi làm theo sự phân công của đội trưởng sản xuất, sản phẩm làm ra tất cả nộp vào kho hợp tác xã, cuối vụ thu hoạch, sau khi nộp thuế cho Nhà nước, để lại một số quỹ của hợp tác xã như quỹ tái sản xuất, quỹ trả thù lao cho Ban quản trị còn lại cân đối ăn chia theo công điểm của từng xã viên. Kết quả vụ đầu tiên làm ăn tập thể, thu hoạch của xã viên không chênh lệch nhiều so với thời làm ăn cá thể. Nhưng ban đầu công tác điều hành của cán bộ còn nhiều lúng túng, nhất là công tác điều hành nhân lực, kiểm tra, đôn đốc và tính phương án ăn chia. Về tập thể, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, nhiều hợp tác xã kho để

thóc chưa có, phải để nhờ dưới gầm sàn nhà dân, công việc bảo quản thiếu chặt chẽ, phát sinh những thiếu hụt nhỏ do rơi vãi lãng phí.

Song song với việc xây dựng hợp tác xã công tác giáo dục được chi bộ coi trọng. Trường cấp I ở khu vực Nà Toán tiếp tục được mở rộng, tiếp nhận 260 học sinh từ lớp 1 đến lớp 4. Để tạo điều kiện cho các cháu nhỏ đi lại học hành thuận tiện xã quyết định mở thêm lớp 1, lớp 2 ở những khu vực xa trường như: Văn La, Tam Hợp, Khau viêng. Năm học 1960-1961 tổng số học sinh lên đến 300 em. Với truyền thống của một xã hiếu học từ những năm 1956 đến năm 1961 đã có nhiều con em của xã ra học tại trường cấp 2 của huyện ở Chợ Chu.

Phong trào bổ túc văn hoá một thời bị gián đoạn, nay do nhu cầu học tập để nâng cao năng lực của cán bộ, xã đã vận động đội ngũ giáo viên giảng dạy ở trường sở tại, bố trí thời gian giảng dạy cho lớp cán bộ từ chủ nhiệm hợp tác xã đến cán bộ chủ chốt của xã, mặt khác các hợp tác xã cũng mở lớp học buổi trưa, buổi tối cho xã viên. Sau 6 tháng mở lớp bổ túc văn hoá số xã viên đọc thông, viết thạo, ghi được công điểm tăng lên, cán bộ chủ chốt xã đều học xong chương trình lớp 4. Cuối năm 1959 huyện tổ chức tổng kết công tác bổ túc văn hoá, Tân Hoà là một trong những xã được công nhận thanh toán xong nạn mù

chữ được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm giúp đỡ của phòng y tế huyện, trạm y tế ở xã được thành lập, nhân dân đóng góp tre, mai, nứa, lá xây dựng một phòng khám và 1 phòng hộ sinh, huyện cấp dụng cụ y tế và thuốc chữa bệnh. Trạm y tế do ông Ma Đình Tích y sĩ làm trạm Trưởng, một y tá hộ sinh làm nhiệm vụ khám, chữa những bệnh thông thường đồng thời giúp xã chỉ đạo phong trào vệ sinh yêu nước, duy trì nền nếp "ba sạch, bốn diệt", vận động nhân dân phát quang cây cỏ quanh nhà, khơi cống rãnh, làm chuồng trâu, chuồng lợn, gà xa nhà. Định kỳ trạm y tế huyện cử cán bộ về phối hợp với cán bộ trạm y tế xã khám bệnh, phát thuốc chống sốt rét, xuống từng gia đình phun thuốc DDT diệt muỗi, chấy rận. Cùng với việc vận động nhân dân phòng bệnh, chữa bệnh bằng thuốc khi ốm đau, không gọi thầy mo, thầy cúng. Xã Tân Hoà triệu tập 3 thầy mo, thầy cúng lên huyện học tập chủ trương chống mê tín dị đoan khi trở về xã họ đã bỏ nghề và làm người dân bình thường lao động trong các hợp tác xã.

Sau 5 năm khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá xã hội (1955- 1960), chi bộ đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách đạt được thành tích bước

đầu rất căn bản, đó là hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể, đưa 98 % nông dân vào hợp tác xã, tạo điều kiện để Tân Hòa bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) phát triển kinh tế văn hoá, xã hội theo đường lối xã hội chủ nghĩa. Kết quả trên thể hiện vai trò lãnh đạo của chi bộ đã vận dụng nghị quyết của Huyện uỷ vào điều kiện cụ thể ở địa phương.

Triển khai kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961- 1965 theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ chi bộ đã xác định tập trung lãnh đạo đưa quy mô hợp tác xã lên toàn xã, từ hợp tác xã cấp thấp lên cấp cao. Trên cơ sở đẩy mạnh khâu sản xuất lương thực, thực phẩm đảm bảo nhu cầu đời sống nhân dân, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời đẩy mạnh sự nghiệp văn hoá xã hội, củng cố an ninh quốc phòng. Theo phương hướng đó cuối năm 1961 Hội đồng nhân dân xã quyết định hợp nhất 5 hợp tác xã liên xóm thành một hợp tác xã lớn, hợp tác xã toàn xã gồm 427 lao động chính, 109 lao động phụ với tổng diện tích của 5 hợp tác xã gộp lại là 602 mẫu 3 sào. 5 hợp tác xã trước đây tổ chức thành 5 đội sản xuất, xây dựng chuồng trại, thành lập thêm một trại chăn nuôi lợn tập trung. Hợp tác xã cấp cao toàn xã do đồng chí Mông Đình Báu Bí thư chi bộ trực tiếp làm Chủ nhiệm.

Sau một năm (2 vụ lúa) hoạt động của hợp tác xã toàn xã không hiệu quả, năng suất, sản lượng giảm sút. Nguyên nhân của tình trạng trên trước hết là do Ban quản trị không điều hành được một tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn quá rộng, dân cư không tập trung, ruộng đất phân tán với nhiều công việc khác nhau, dẫn đến công tác quản lý lao động, quản lý tài sản hợp tác xã gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó quý III năm 1963, triển khai "cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất một cách toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc" theo Nghị quyết 70 của Bộ chính trị, chi uỷ, chi bộ đã cử các đồng chí Nguyễn Phúc Cát, Mông Đình Sơn, Hoàng Văn Bường đi học lớp cải tiến quản lý hợp tác xã do huyện mở tại xã Bộc Nhiêu. Khi trở về địa phương các đồng chí đã phối hợp với cán bộ Ban vận động của huyện xuống các xóm bản tổ chức cho đảng viên, cán bộ chủ chốt và xã viên học tập mục đích, ý nghĩa, nội dung của cuộc vận động. Thông qua đó, xin ý kiến của xã viên và cán bộ về hướng giải quyết những vướng mắc, hạn chế của phong trào hợp tác hoá ở xã. Trên cơ sở tiếp thu và vận dụng nghị quyết 70 của Bộ chính trị, chi bộ quyết định giải thể hợp tác xã toàn xã chia thành 4 hợp tác xã liên xóm đó là: hợp tác xã Làng Cỏ gồm 2 đội Làng Cỏ và Văn La có 69 hộ 451 khẩu, hợp tác xã Tam Hợp có 34 hộ 254 khẩu, hợp tác xã Đồng Tâm

có 40 hộ 342 khẩu, hợp tác xã Hiệp Lực có 59 hộ 433 khẩu⁽¹⁾. Sau khi sắp xếp lại tổ chức, Chi bộ đã chỉ đạo các hợp tác xã mở Đại hội xã viên, bầu Ban quản trị mới, thông qua phương án tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình cụ thể của từng hợp tác xã. Các hợp tác xã đã tập trung thảo luận lấy ý kiến dân chủ của xã viên về định mức cổ phần và phương án ăn chia. Đây là hai vấn đề được xã viên quan tâm nhiều nhất vì thời gian qua thực hiện còn chung chung, cào bằng làm cho thu nhập của xã viên chưa hợp lý. Những gia đình có nhiều ruộng, nhiều trâu góp vào hợp tác xã cũng được hưởng thành quả như những gia đình có đóng góp ít. Trường hợp người có nhiều đóng góp về tư liệu sản xuất vào hợp tác xã nhưng ít lao động chính thu nhập giảm sút so với thời kỳ chưa vào hợp tác xã gây ra tình trạng thiếu phấn khởi trong sản xuất, ngậm ngậm so bì, mất đoàn kết trong nội bộ. Những vướng mắc trên đã được xã viên đề xuất hướng giải quyết hợp tình hợp lý. Sau khi tập hợp ý kiến của xã viên cấp ủy đã chỉ đạo Ủy ban hành chính xã quyết định các hợp tác xã thống nhất thực hiện theo phương án mới. Về định mức cổ phần tính bằng cách định giá số lượng trâu của hợp tác xã chia cho số lượng xã viên quy thành tiền trung bình của một con trâu coi đó là một cổ phần, gia đình nào nhiều

(1) Bút tích cập nhật của đồng chí Lý Văn Chanh nguyên Ủy viên UBHC trường công an xã.

trâu nhiều cỏ phần, người không có trâu thì nộp bằng tiền (45 đồng một cỏ phần). Về phương án ăn chia ngoài phần cơ bản là tổng công điểm của mỗi gia đình còn được cộng thêm 1 tạ thóc hoa lợi cho một mẫu ruộng góp vào hợp tác xã và 10kg thóc lợi tức cho 1 cỏ phần. Tính như vậy những xã viên có nhiều trâu, nhiều ruộng góp vào hợp tác xã được hưởng phần chênh lệch hoa lợi nhiều hơn. Giải quyết được công bằng hai vấn đề trên đã giải phóng được tư tưởng của xã viên tạo ra khí thế lao động mới trên tất cả các hợp tác xã.

Hưởng ứng phong trào thi đua "Gió Đại phong, sóng Duyên Hải, cờ Ba Nhất" đang dâng lên khắp miền Bắc. Các hợp tác xã đã lấy 4 tiêu chuẩn: đoàn kết tốt, tích lũy nhiều cho hợp tác xã, tăng thu nhập cho xã viên và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước làm định hướng phấn đấu. Với khẩu hiệu "phát cao cờ hồng, quyết thắng đông xuân, tiến quân toàn diện", để nâng cao năng suất lúa cấp uỷ, chính quyền đã chú ý chỉ chỉ đạo công tác thủy lợi. Các hợp tác xã huy động hàng trăm công lao động để đắp hồ chứa nước, sửa chữa mương máng, đắp phai. Hợp tác xã Văn La đắp hồ Nà Trào, Thâm Lặc, mương Khuổi Mi, Khuổi Mãng; Hợp tác xã Tam Hợp đắp hồ Thâm Sa, hồ Thâm Chập, mương Pù Máy, ao Nà Chằm; Hợp tác xã Đồng Tâm đắp hồ Cốc Chú, hồ Nà Ngầu, hồ Thâm Mu, ao Thâm Pùng, mương Nà Viều; hợp tác xã Hiệp Lực đắp hồ

Nà Pèng. Nhờ công tác thủy lợi được chú trọng 70% diện tích đã chủ động được nước tưới, diện tích cấy được hai vụ tăng thêm 200 mẫu. Các hợp tác xã còn tận dụng các hồ đập thả cá, mỗi năm thu hoạch trên 3 tấn cá phân phối cho xã viên. Nhờ áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào đồng ruộng như đảm bảo nước tưới, cấy đúng thời vụ, đúng mật độ, tăng phân bón các loại, theo dõi chặt chẽ và phát hiện sâu bệnh kịp thời, phun thuốc phòng trừ, nên năng suất lúa đã tăng từ 58 kg/sào lên 62 kg/sào. Từ năm 1963-1965, lúa được mùa, sản lượng thóc đạt 370 tấn/năm, tăng 12% so với năm 1961. Vấn đề lương thực dần dần được giải quyết. Mức đóng nghĩa vụ đối với Nhà nước của các hợp tác xã năm nào cũng hoàn thành kế hoạch sớm hơn dự định. Cả xã nộp thuế 75 tấn/năm. Sau khi gặt xong, phơi khô quạt sạch, xã viên nô nức trong ngày hội giao lương, tập nộp gánh thóc nộp vào kho Nhà nước đặt tại khu Tân Minh (Tân Thịnh).

Chăn nuôi phát triển khá, đàn trâu hợp tác xã giao cho từng gia đình chăm sóc, bảo vệ. Hợp tác xã trả công nuôi mỗi con trâu 5 điểm/ ngày, trâu sinh sản được thưởng. Được hưởng thêm điểm về quản lý dự trữ phân trâu, nên nhà nào cũng làm chuồng trâu chắc chắn, chăm dứt tình trạng trâu bò thả rông trong rừng, mọi gia đình đều huy động lao động phụ nuôi trâu béo, khoẻ, trâu sinh sản chăm sóc tốt, tỷ lệ đàn nghé sống cao. Tính đến năm

1965 tổng đàn trâu có 815 con tăng trung bình mỗi năm từ 15- 20 con. Đàn trâu phát triển chẳng những đảm bảo sức kéo phục vụ khâu làm đất nhanh gọn, kịp thời vụ còn bán cho thương nghiệp huyện và cung cấp trâu giống cho các tỉnh miền xuôi

Để phát triển đàn lợn, các hợp tác giao chỉ tiêu cho mỗi gia đình nuôi từ 1-2 con lợn hàng năm bán nghĩa vụ cho nhà nước 15 đến 20 kg lợn hơi/lao động chính mỗi năm. Nhà nước giao kế hoạch 6 tấn, toàn xã đã bán nghĩa vụ cho Nhà nước là 8,5 tấn, còn dư 1 đến 2 tấn bán đổi lưu đổi lấy vải, dầu hoả, phân bón phân phối lại cho xã viên. Đàn gia cầm chủ yếu là gà, vịt tăng nhanh bình quân mỗi gia đình nuôi từ 20 đến 30 con. Thời gian này kinh tế hàng hoá do Nhà nước nắm giữ, việc tự do mua bán, trao đổi hạn chế thì gà, vịt là nguồn dự trữ thực phẩm của nhân dân.

Thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) Đảng và Nhà nước ta chủ trương chuyển một bộ phận dân cư vùng đồng bằng lên xây dựng và phát triển kinh tế miền núi. Từ năm 1962 đến 1965 cùng với nhân dân các xã trong toàn huyện Định Hoá xã Tân Hoà đã tiếp nhận 3 đợt đồng bào Thái Bình về xã, với tổng số 48 hộ (năm 1962; 15 hộ, năm 1964 là 13 hộ, năm 1965 là 20 hộ), cấp uỷ, chính quyền xã đã nhanh chóng đưa bà con xen ghép

vào các hợp tác xã, cấp đất, vận động nhân dân sở tại giúp tre, mai, nứa, lá, công làm nhà cửa, để bà con ổn định nơi ăn, ở và tiếp tục lao động sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp. Đây là cố gắng lớn của cấp uỷ chính quyền đã tạo công ăn việc làm ngay để các hộ ở Thái Bình lên ổn định đời sống và hoà nhập với nhân dân trên quê hương mới. Quá trình cùng chung sống và làm việc những tập quán tốt đẹp, kinh nghiệm sản xuất tiến bộ của đồng bào miền xuôi có ảnh hưởng tốt đến cách thức làm ăn của nhân dân địa phương. Sự hoà hợp về văn hoá tinh thần của miền xuôi và miền ngược làm tăng thêm sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc anh em và làm phong phú thêm bản sắc văn hoá ở một vùng quê vốn có truyền thống cách mạng.

Tháng 8/1963, thực hiện mục tiêu xây dựng "Ba ngọn cờ hồng" do Trung ương phát động (Hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng). Hợp tác xã mua bán xã được thành lập theo Quyết định số 812 ngày 8/8/1963 của Ty thương nghiệp Thái Nguyên do đồng chí Lý Văn Ong làm chủ nhiệm với 3 nhân viên bán hàng. Hợp tác xã mua bán hoạt động theo phương thức nhận những mặt hàng thiết yếu như dầu hoả, muối, mắm, vải... tại Mậu dịch quốc doanh huyện mang về phân phối cho nhân dân ngay tại xã tạo điều kiện cho xã viên có

thêm thời gian tập trung vào sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Phát huy kết quả đạt được đầu năm 1965, hai hợp tác xã Đồng Tâm và Hiệp Lực sáp nhập thành Hợp tác xã Lam Phượng. Đây là một hợp tác xã quy mô lớn với 101 hộ, 301 mẫu ruộng. Như vậy đến năm 1965 xã Tân Hoà có 3 hợp tác xã nông nghiệp. Quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ củng cố, phát triển hợp tác xã trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất chi bộ Tân Hoà đã gắn kết chặt chẽ giữa củng cố hợp tác xã và phát triển kinh tế, coi đó là nhiệm vụ then chốt của phát triển toàn diện nên đã đạt được những kết quả căn bản. 100% nông dân đã vào hợp tác xã làm ăn tập thể. Phong trào hợp tác hoá tuy còn gặp những khó khăn lúng túng nhưng vẫn giữ được thế ổn định, xã viên tích cực sản xuất không có tình trạng chán nản xin ra hợp tác xã. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các hợp tác xã ở Tân Hoà còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như các hợp tác xã trong huyện chi bộ đã nóng vội ngay từ ngày đầu tiên đã xây dựng hợp tác xã liên xóm, rồi xây dựng hợp tác xã bậc cao với quy mô toàn xã trong điều kiện chưa cho phép, vì nền kinh tế nông nghiệp ở Tân Hoà là nền kinh tế tự túc, tự cấp, nhỏ bé, manh mún, ruộng đất phân tán chuyển vào làm ăn tập thể theo cách làm ăn hoàn toàn mới, trong khi trình độ lao động từ bao đời nay vẫn là lao

động giản đơn, công cụ lao động cũ kỹ lạc hậu, mặc dù đội ngũ cán bộ rất nhiệt tình, trách nhiệm, hết lòng vì hợp tác xã nhưng trình độ thấp chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Về quản lý kinh tế chỉ quản lý bằng kinh nghiệm, chưa có kiến thức cơ bản, chưa nắm vững những nguyên tắc điều hành sản xuất theo phương thức làm ăn mới nên mọi hoạt động đều thực hiện theo sự chỉ đạo của cấp trên một cách máy móc, dập khuôn mà không tính đến điều kiện cụ thể ở địa phương, dẫn đến xây dựng kế hoạch sản xuất, định mức lao động chưa sát, chưa công bằng hợp lý. Công tác quản lý lao động, quản lý tài sản của hợp tác xã và đặc biệt là quản lý tài vụ còn nhiều bất ổn, cả 3 hợp tác xã đều quyết toán chậm và một số khoản xã viên thắc mắc không giải trình được. Trong suốt quá trình xây dựng hợp tác xã, xã Tân Hoà không có điều kiện mở mang ngành nghề, chỉ độc canh cây lúa, nên mặc dù năng suất sản lượng có tăng, nhưng bình quân diện tích canh tác giảm do tăng dân số đột biến⁽¹⁾ nên bình quân lương thực đầu người cũng giảm theo. Đối với xã viên thiếu chủ động, chưa tận dụng hết thời gian lao động. Hiện tượng "dong công phóng điểm" xảy ra thường xuyên dẫn đến mức điểm nhiều mà công thực tế thấp, nhiều vụ chỉ đạt 0,8 đến 1kg thóc/1công lao động. Những hạn chế trên

(1) Năm 1964 dân số Tân Hoà tăng thêm 100 khẩu từ Thái Bình lên, sinh đẻ tự nhiên tại xã cũng tăng lên

không chỉ xuất hiện ở xã Tân Hoà mà là tình trạng chung của các xã trong huyện Định Hoá. Sau đợt củng cố cuối năm 1964 đầu năm 1965, phong trào hợp tác hoá đã đi vào thế ổn định nhưng chưa thật vững chắc.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế nhưng sự nghiệp giáo dục không ngừng phát triển theo đà phát triển chung của toàn huyện. Các hợp tác xã đã giành hàng ngàn công lao động xây dựng trường, lớp tại khu trung tâm và các phân hiệu lẻ. Năm học 1961- 1962, mỗi hợp tác xã có một lớp vỡ lòng, khối học sinh cấp I có 370 em gồm: 3 lớp 1, 4 lớp 2, 4 lớp 3 và 1 lớp 4. Năm học 1962- 1963, theo sự chỉ đạo của Phòng giáo dục, Tân Hoà xây dựng trường cấp II tại Bản Tò do thầy Nguyễn Thế Tân làm Hiệu trưởng cùng 2 giáo viên. Năm đầu chỉ có 1 lớp 5 với 36 học sinh là học sinh ở Tân Hoà và Tân Thịnh, 1 lớp 6 có 17 học sinh (chuyên từ trường cấp II của huyện ở Chợ Chu về) Tính đến năm học này cả cấp I và cấp II số học sinh lên tới 400 em. Đội ngũ giáo viên được tăng cường, trường cấp I có 12 giáo viên do thầy Lương Văn Huệ làm Hiệu trưởng. Trình độ giáo viên không đồng đều chỉ có 40% được đào tạo tại Trường Sư phạm Trung ương, Trường Sư phạm Việt Bắc số còn lại học hết lớp 5, lớp 6 được cử đi bồi dưỡng cấp tốc 6 tháng, nên khả năng truyền thụ còn hạn chế. Giáo viên vỡ lòng hầu hết chưa

qua nghiệp vụ su phạm từ đó dẫn đến chất lượng học tập chưa cao. Năm học 1962-1963 cùng với các trường trong huyện tỷ lệ tốt nghiệp lớp 4 cũng rất thấp.

Phong trào bổ túc văn hoá thời gian này bị lắng xuống, người tham gia học tập ít dần, chỉ duy trì được một lớp của cán bộ, thời gian học cũng thất thường, số học viên chủ yếu là cấp I, còn cấp II không có người học. Nguyên nhân là do nhận thức chưa đầy đủ về yêu cầu học tập để nâng cao trình độ tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, quản lý kinh tế. Tình trạng này làm cho phong trào bổ túc văn hoá ở Tân Hoà không phát triển được.

Đời sống văn hoá tiếp tục được nâng cao, phong trào thể dục thể thao bắt đầu được khơi dậy từ trường học sau đó là các đội sản xuất. Chiều chiều sau giờ làm việc của hợp tác xã, thanh niên đến sân trường cấp I, cấp II hoặc tận dụng những đám ruộng bằng phẳng tập đá bóng. Các hợp tác xã đã tổ chức thi đấu trong những ngày lễ, tết. Năm 1964-1965 đội tuyển bóng đá xã Tân Hoà đã tham gia thi đấu ở huyện tuy chưa đoạt được giải nhưng đã thể hiện được phong trào luyện tập thể dục thể thao ở xã có bước phát triển đáng kể.

Ở mỗi hợp tác xã đều xây dựng đội văn nghệ quần chúng, bằng những tiết mục tự biên "cây nhà lá vườn",

những làn điệu dân ca đồng bằng bắc bộ của đồng bào Thái Bình, những làn điệu hát then, hát lượn của dân tộc Tày, Nùng cùng những bài ca cách mạng hoà quyện vào nhau trong những đêm diễn đầy hào hứng, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia, tạo được khí thế vui tươi lành mạnh trong lao động sản xuất và xây dựng cuộc sống mới. Đội văn nghệ xã Tân Hoà đã nhiều lần tham gia các đợt hội diễn văn nghệ của huyện.

Phong trào xây dựng đời sống mới trong việc cưới, việc tang, giữ gìn vệ sinh chung "sạch làng tốt ruộng" được cấp uỷ và các đoàn thể thường xuyên quan tâm duy trì. Nếp sống văn hoá mới đã dần hình thành, ý thức con người mới xã hội chủ nghĩa được xác lập trong các tầng lớp nhân dân.

Về quân sự, tiếp tục quán triệt Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ huy quân sự huyện, chi bộ đã lãnh đạo tổ chức sắp xếp lại lực lượng dân quân thành một trung đội chủ lực do đồng chí Ma Văn Chư làm Trung đội trưởng, Phan Thanh Độ Chính trị viên, Trần Văn Đoạt Trung đội phó: gồm 3 tiểu đội ở 3 hợp tác xã; tiểu đội ở hợp tác xã Tam Hợp do đồng chí Triệu Văn Hậu làm Tiểu đội trưởng, tiểu đội ở Hợp tác xã Văn La do đồng chí Trần Văn Đào làm Tiểu đội trưởng, Tiểu đội ở hợp tác xã Lam Phượng do đồng chí Ma Đức

Luân làm Tiểu đội trưởng. Các tiểu đội dân quân làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo vệ tài sản hợp tác xã, bảo vệ trật tự an ninh nơi xóm, bản. Thời gian được xã điều động đi làm nhiệm vụ chung thì được hợp tác xã trả công điểm. Đầu năm 1964 theo nhận định của trên đế quốc Mỹ có thể đánh phá miền Bắc bằng không quân nên nội dung huấn luyện của dân quân được bổ xung cách bắn máy bay bay thấp bằng súng bộ binh nhằm nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu khi máy bay Mỹ xâm phạm vùng trời quê hương. Đúng như nhận định của Đảng ta ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ đã trắng trợn dựng lên sự kiện "Vịnh Bắc bộ" và cho máy bay ném bom Quảng Ninh, Hải Phòng. Trong khí thế sục sôi chống Mỹ, cùng với thanh niên toàn huyện, cuối năm 1964, 8 thanh niên xã Lam Vĩ đã tình nguyện lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, công tác xây dựng Đảng ở Tân Hoà có tiến bộ đáng kể, từ năm 1962-1965 chi bộ đã tổ chức các kỳ Đại hội nghiêm túc kiểm điểm công tác lãnh đạo chỉ đạo, đề ra phương hướng hoạt động cho các nhiệm kỳ tiếp theo tập trung lãnh đạo nhân dân phát triển sản xuất làm ra nhiều của cải, vật chất tạo tiền đề cho xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, chuẩn bị đương đầu với những thử thách mới khi giặc Mỹ mở

rộng, leo thang chiến tranh ra miền Bắc. Để làm tốt những nội dung trên, Chi bộ cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên cho phù hợp tình hình nhiệm vụ chính trị của địa phương, từng bước đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Công tác phát triển Đảng được Chi bộ chú ý bồi dưỡng những quần chúng gương mẫu đi đầu trong các phong trào như xây dựng hợp tác xã và các hoạt động kinh tế, xã hội để kết nạp vào Đảng. Từ năm 1960- 1965 chi bộ đã kết nạp được 19 đảng viên mới. Tuy vậy trong công tác xây dựng Đảng còn có những hạn chế, sinh hoạt của các tổ đảng chưa đều, nội dung sinh hoạt còn sơ sài. Phối kết hợp giữa chi uỷ và Uỷ ban hành chính đôi lúc chưa chặt chẽ, đồng bộ. Do đó trong giai đoạn này chi bộ xã Tân Hoà chỉ đạt mức trung bình trong phong trào xây dựng chi bộ 4 tốt.

Đầu năm 1965 tổng số đảng viên của chi bộ là 52 đồng chí. Nhận thấy đủ điều kiện để nâng quy mô từ chi bộ lên Đảng bộ, từ thực tế trên, chi bộ Tân Hoà đã báo cáo, xin ý kiến của Ban Thường vụ Huyện uỷ. Được Huyện uỷ ra quyết định và trực tiếp chỉ đạo, ngày 13/3/1965 Đại hội Đảng bộ xã Tân Hoà lần thứ nhất được tổ chức trọng thể. Đại hội thống nhất nhận định từ ngày

thành lập đến nay chi bộ luôn giữ vai trò lãnh đạo, không lùi bước trước khó khăn, lãnh đạo nhân dân trên con trường đấu tranh cách mạng và đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình. Đại hội tiến hành bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 9 đồng chí do đồng chí Mông Đình Báu làm Bí thư, Ma Viết Đài Phó bí thư.

Trên cơ sở tổ chức Đảng thường xuyên được củng cố, hệ thống chính quyền được kiện toàn, nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân khoá 1963-1965 được bầu ra 25 đại biểu thì đảng viên chiếm 70%, trong đó phụ nữ chiếm tỷ lệ khá cao (24%) chứng tỏ vai trò của người phụ nữ được nâng lên. Ngày 15/5/ 1963 Hội Đồng nhân dân đã họp và bầu ra Ủy ban hành chính xã gồm 7 đồng chí do đồng chí Hoàng Văn Bường làm Chủ tịch, Dương Hữu Tô Phó chủ tịch, Mông Đình Sơn thường trực cùng 4 uỷ viên là Lý Văn Chanh, Hoàng Thị Tông, Ma Công Sinh, Triệu Văn Lô.

Quá trình xây dựng hợp tác xã nông nghiệp tuy còn nhiều khó khăn phức tạp nhưng đã tạo được bộ mặt nông thôn mới về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã bước đầu hình thành và đang phát huy tác dụng. Chi bộ được nâng lên thành Đảng bộ đánh dấu bước trưởng thành của tổ chức cơ sở Đảng ở xã Tân Hoà.

B/ Đảng bộ lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu, dồn sức người, sức của chi viện cho chiến trường đánh Mỹ 1965-1975.

Đầu năm 1965 khi hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn hợp nhất thành Tỉnh Bắc Thái theo Nghị quyết số 103 ngày 21/3/1965 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cũng là lúc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất leo thang đến địa bàn tỉnh. Những quả bom đầu tiên của không quân Mỹ ném xuống thị xã Bắc Cạn (ngày 5/9/1965) và Thành phố Thái Nguyên (ngày 17/10/1965) làm thiệt hại nhiều nhà cửa gieo bao đau thương tang tóc và xáo trộn cuộc sống bình thường của nhân dân. Không chỉ ném bom bắn phá thị xã, Thành phố, máy bay Mỹ còn nhiều lần bay lượn gầm rít trên bầu trời Định Hoá gây hoang mang trong nhân dân. Trước tình hình đó, quán triệt đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Đảng theo tinh thần Nghị quyết 11 của Ban chấp hành Trung ương. Dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, Đảng bộ xã Tân Hoà đã triển khai đồng thời hai nhiệm vụ trọng tâm, nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, động viên nhân dân đẩy mạnh sản xuất, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho chiến trường .

Công tác phòng không nhân dân được quán triệt đến từng xóm, bản, từng gia đình, các hợp tác xã huy động lực

lượng thanh niên và chi công điểm cho xã viên tổ chức đào hầm hố phòng tránh máy bay ở những nơi công cộng, quanh trụ sở hợp tác xã, ngoài cánh đồng và mỗi gia đình đào 1-2 hầm trong nhà, quanh nhà. Các hợp tác xã thành lập trạm gác "phòng không" dùng kẻng báo động cho xã viên sản xuất biết cách phòng tránh khi có máy bay địch đến bắn phá vào địa bàn và các vùng xung quanh. Theo nghị quyết của Đảng uỷ các trường phổ thông phải sơ tán vào các khu rừng. Trường cấp I sơ tán vào chân đồi Khau Ken, Trường cấp II sơ tán vào các khu rừng thuộc thôn Làng Quyền, các hợp tác xã huy động nhân lực dựng lớp tạm phục vụ giảng dạy và học tập của nhà trường. Giáo viên, học sinh và nhân dân được hướng dẫn cách phòng tránh khi có máy bay hoạt động, băng bó cho nhau khi gặp nạn. Trạm xá xã đảm bảo túi thuốc lưu động, sẵn sàng có người thường trực cấp cứu khi cần thiết.

Về quân sự, Ban Chỉ huy xã đội xây dựng phương án tác chiến mới, tổ chức lại lực lượng dân quân cho phù hợp với tình hình. Các hợp tác xã củng cố lại trung đội dân quân, mỗi trung đội đều có tiểu đội cứu thương, hậu cần, hướng dẫn nhân dân sơ tán và một tiểu đội ứng cứu, truy bắt giặc lái khi chúng nhảy dù xuống địa bàn. Lực lượng này lúc bình thường thì làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ tài sản hợp tác xã, bảo vệ nhân dân, khi xảy ra tác

chiến thì thực hiện theo phương án đã định. Trung đội dân quân cơ động được thành lập với 35 cán bộ chiến sĩ biên chế thành 3 Tiểu đội trong đó có một tiểu đội trực chiến đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của xã đội, do đồng chí Triệu Văn Hà làm trung đội trưởng, đồng chí Nguyễn Phúc Cát làm chính trị viên, trận địa trực chiến được bố trí trên đồi cao ở Tam Hợp, vũ khí trang bị có một trung liên, 3 súng trường. Huyện đội đã cử cán bộ về xã trực tiếp huấn luyện kỹ thuật bắn máy bay bay thấp bằng súng bộ binh.

Sau hai tháng tích cực chuẩn bị thể trận mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Tân Hoà đã nhanh chóng thích ứng với nếp sống quân sự hoá và tiếp tục hoạt động với nhịp độ khẩn trương.

Song song với nhiệm vụ chiến đấu Đảng bộ xác định phát triển sản xuất xây dựng hậu phương vững mạnh, bảo đảm đầy đủ, kịp thời sức người, sức của cho tiền tuyến là nhiệm vụ thường xuyên. Vận dụng Nghị quyết V, Trung ương khoá III về "phát triển nông nghiệp miền núi". Sau khi đi thăm quan học tập hợp tác xã Thành Công (Đại Từ) các hợp tác xã tích cực mở rộng ngành nghề, tổ chức lại sản xuất. cả ba hợp tác xã đều huy động xã viên khai hoang soi, bãi trồng đậu, lạc, phát đồi trồng chè từng bước tổ chức khu chăn nuôi lợn tập trung đồng thời động viên gia đình xã viên nuôi lợn, gia cầm bán nghĩa vụ cho nhà nước, tăng thêm nguồn thu nhập.

Đầu năm 1967, theo chỉ đạo của Ủy ban hành chính tỉnh, Hội đồng nhân dân xã họp quyết định đề nghị đổi tên xã Tân Hoà trở về tên cũ là xã Lam Vĩ, đồng thời thông qua phương hướng tổ chức lại sản xuất theo mô hình hợp tác xã bậc cao của Ủy ban hành chính xã. Thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, các hợp tác xã đã tổ chức Đại hội xã viên thảo luận phương án sản xuất mới phù hợp với điều kiện của từng vùng, chấn chỉnh lại công tác quản lý tài vụ, quản lý điều hành các khâu sản xuất và bước đầu thành lập các trại chuyên chăn nuôi, thủy lợi. Sau Đại hội xã viên công tác quản lý hợp tác xã theo chế độ "ba khoán, ba quản" chặt chẽ hơn, các đội sản xuất phân công lao động hợp lý, xã viên tích cực sản xuất hơn trước vì lợi ích của họ được quan tâm thể hiện ở phân phối sản phẩm có chuyển biến, công bằng hơn. Từ trong lao động sản xuất đã xuất hiện những nhân tố mới như Phong trào thu gom phân chuồng, làm phân xanh do đoàn thanh niên phát động chẳng những được tầng lớp trẻ hưởng ứng mà được toàn dân tham gia, các hợp tác xã đều áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa như sử lý hạt giống bằng "ba sôi hai lạnh" dùng cào cỏ cải tiến, cào cỏ sục bùn, bón phân đúng kỹ thuật, đúng thời điểm sinh trưởng của cây lúa, các biện pháp kỹ thuật được áp dụng thường xuyên nên năng suất lúa tăng từ 70kg/sào lên 80kg/sào. Hợp tác xã Lam Phượng đạt năng suất cao nhất

85 kg /sào. Nếu như năm 1967 sản lượng lúa toàn xã đạt 420 tấn thì đến năm 1969 đã đạt 490 tấn.

Kết quả trên thể hiện khả năng chỉ đạo của cấp uỷ các cấp, điều hành của uỷ ban hành chính và công tác quản lý của các Ban quản trị hợp tác xã có tiến bộ. Tuy nhiên đây mới là kết quả bước đầu, các ngành chăn nuôi, trồng chè, trồng màu phát triển chưa tương xứng nhưng cũng đã phá vỡ được thế độc canh cây lúa, tăng thêm ngành nghề tận dụng được lao động dư thừa, kích thích được lòng hăng say lao động của xã viên và thu nhập của người lao động tăng lên rõ rệt. Đây là bước tiến mới tạo điều kiện để xã vượt qua mọi khó khăn thử thách, vươn lên trong những năm sau này.

Ngày 23/5/1971, 27 thành viên Hội đồng nhân dân họp bầu ra Uỷ ban hành chính xã gồm 7 thành viên do đồng chí Trần Văn Đào làm Chủ tịch, Ma Đức Luân làm Phó Chủ tịch. Cùng với việc củng cố chính quyền, Hội đồng nhân dân đã thông qua phương hướng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng, bằng việc cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ (9/1970) là tích cực sắp xếp lại sản xuất theo hướng chuyên môn hoá các khâu, các ngành, tiếp tục kiến thiết ruộng đồng, xây dựng bờ vùng, bờ thửa, kết hợp với mở rộng hệ thống giao thông đến các cánh đồng, các xóm bản tăng cường cơ

sở vật chất kỹ thuật cho các hợp tác xã, nhằm hoàn thiện thêm một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các hợp tác xã bắt tay vào cải tạo ruộng đồng, những thửa ruộng nhỏ được cải tạo thành những thửa ruộng lớn, bờ vùng, bờ thửa được xây dựng theo tiêu chuẩn chung thẳng, rộng (bờ thửa rộng 0,5m, bờ vùng rộng 4m). Mỗi đội sản xuất đều xây dựng một nhà kho, sân kho. Đặc biệt đường giao thông từ năm 1972 được đơn vị bộ đội kết nghĩa⁽¹⁾ đem máy ủi đến giúp mở rộng đường trục từ Tân Thịnh đến trụ sở Ủy ban hành chính xã, từ xóm này sang xóm khác, từ cánh đồng về sân kho các đội đều đạt tiêu chuẩn 6 mét, đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân. Có hệ thống đường giao thông thuận tiện các hợp tác xã đã cấp cho mỗi gia đình một xe cải tiến, từ đó đôi vai của người nông dân phần nào được giải phóng, chuyên phân ra ruộng trong vụ cày cấy, chuyển thóc về kho trong vụ gặt đều bằng xe cải tiến. Xe vận tải của bộ đội đến sát chân đồi vận chuyển tre, nứa, lá về đơn vị được dễ dàng thuận tiện, tạo điều kiện cho xã viên huy động nhân công lúc nông nhàn, khai thác hàng chục vạn tàu lá cọ, hàng trăm ngàn cây tre nứa, mỗi năm, thông qua hợp tác xã mua bán

(1) Đơn vị bộ đội xe tăng đóng quân tại Sóc Sơn.

cung cấp cho đơn vị bộ đội, các cơ quan sơ tán là nguồn thu nhập đáng kể cho mỗi hộ xã viên.

Sau một năm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân bộ mặt nông thôn Lam Vĩ đã thay đổi và cơ bản tạo ra bước chuyển biến quan trọng trong sản xuất nông nghiệp theo phương thức làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa; ý thức làm ăn tập thể theo tinh thần hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ được nâng lên, xã viên hăng say lao động, năng suất chất lượng trong sản xuất nông nghiệp được tăng lên.

Năm 1972 thực hiện Nghị quyết 17 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ⁽²⁾, dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt công tác củng cố hợp tác xã, với chủ trương giữ nguyên 3 hợp tác xã liên thôn gồm 19 đội sản xuất, trong đó có 3 đội chuyên chăn nuôi, một đội chuyên thuỷ lợi, 15 đội sản xuất lúa. Ngoài ra Đảng bộ cũng căn cứ tình hình cụ thể của từng hợp tác xã chỉ đạo mở rộng thêm các nghề như nghề nung vôi, làm gạch... đồng thời chỉ đạo các hợp tác xã từng bước thay đổi phương thức quản lý, điều hành sản xuất theo phương châm tiến lên làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa, mở rộng thêm nhiều nghề nhằm nâng cao đời sống xã viên, đóng góp thêm lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước,

(2) Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - sdd.

với yêu cầu mỗi năm một tăng. Trong phong trào thi đua vừa sản xuất, vừa chiến đấu, xã viên các các hợp tác xã hăng hái tăng gia sản xuất mà điển hình là hợp tác xã Lam Phương. Với quy mô lớn nhất xã về đất đai, nhân lực gồm 9 đội chuyên trong đó có 1 đội chăn nuôi, 1 đội thủy lợi và 7 đội sản xuất lúa, cơ sở hạ tầng được xây dựng khá hoàn chỉnh, có đội ngũ cán bộ vững vàng, năng động, nên phát triển đồng đều trên tất cả các mặt, từ những yếu tố trên, Huyện uỷ đã chỉ đạo Đảng bộ xã chọn hợp tác xã Lam Phương thực hiện một số quy trình kỹ thuật do Trường Đại học nông lâm Bắc Thái cử cán bộ về hướng dẫn. Chi bộ Lam Phương coi đây là thời cơ cho hợp tác xã tiến lên làm ăn lớn toàn diện hơn, nên đã lãnh đạo các ngành các giới và động viên nhân dân tích cực tham gia.

Về tổ chức chăn nuôi lợn tập trung, hợp tác xã đã củng cố khu chuồng trại tại khu vực làng Há. Dành riêng 1hec ta đất, để xã viên đội chăn nuôi chuyên trồng các loại rau màu làm thức ăn cho lợn. Để đảm bảo thường xuyên nuôi từ 150 đến 300 con lợn các loại, năm cao nhất (năm 1974) có 350 con. Từ năm 1973 cán bộ kỹ thuật Trường đại học nông lâm hướng dẫn cách thức phân loại, xây chuồng trại thành từng khu riêng cho lợn nái, lợn thịt, lợn con. Đàn lợn gồm 30 con lợn nái, 120 con lợn thịt, 200 con lợn con. Việc chăm sóc, có cán bộ thú y theo dõi, định kỳ tiêm vắc xin phòng bệnh, giữ gìn vệ sinh chuồng

trại. Đàn lợn đảm bảo được chế độ ăn đúng khẩu phần cho từng loại. Nhờ thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, đàn lợn của hợp tác xã Lam Phương phát triển tốt, hàng năm xuất chuồng bán cho Nhà nước 12 tấn lợn hơi.

Về sản xuất lúa, hai hồ Thâm sa và Cốc Chú được xây dựng kiên cố, cùng với các phai, đập nhỏ đã được củng cố lại đủ nước cho 100% diện tích ruộng của các hợp tác xã cấy được 2 vụ. Từ năm 1972 các hợp tác xã ở xã Lam Vĩ chuyển toàn bộ diện tích sang cấy lúa ngắn ngày có năng suất cao như Mộc Tuyền, Nông nghiệp 8... trong đó chủ lực là Nông nghiệp 8. Với các biện pháp kỹ thuật như sử lý hạt giống bằng lò thục mằm 54⁰c, cây chằng dây thẳng hàng theo hướng đông tây 45 khóm/mét vuông, cây từ 3-5 dảnh/khóm, bón phân theo tỷ lệ đạm 3kg, vôi 3kg/sào, 4-5 tấn phân chuồng/mẫu. Vụ đầu thực hiện quy trình này năng suất giảm, chưa đạt được như mong muốn. Ban quản trị đã cùng các cán bộ kỹ thuật nghiên cứu, tìm hiểu chất đất ở Lam Vĩ tìm được nguyên nhân việc bón nhiều đạm trong thời điểm lúa đứng cây, làm đòng chưa hợp lý dẫn đến năng suất chưa cao, từ đó đã kịp thời điều chỉnh. Nhờ đó các vụ sau (từ 1973-1975) năng suất lúa tăng từ 75 kg/sào lên 85kg/sào.

Đầu năm 1973, hợp tác xã Lam Phương dành 1 ha ruộng để sinh viên Trường Đại học nông lâm làm thí điểm

cây lúa 1 dảnh/ khóm theo quy trình sản xuất mới, kết quả đạt khá cao 6,4 tấn/ha trên ruộng thí điểm. Từ đó hợp tác xã Lam Phượng từng bước thực hiện quy trình này trên toàn bộ diện tích trồng lúa. Sản lượng đã tăng từ 220 tấn lên 300 tấn/2 vụ lúa. Với những kết quả đạt được hợp tác xã Lam Phượng là một trong những điển hình của huyện Định Hoá được cử đại biểu đi dự Đại hội các hợp tác xã tiến tiến trong toàn tỉnh tháng 10 năm 1973.

Từ kết quả thí điểm mà hợp tác xã Lam Phượng đạt được, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo các hợp tác xã Tam Hợp, Văn La cùng thực hiện, áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới vào đồng ruộng, đồng thời mở thêm nghề nung vôi, tạo công ăn việc làm cho xã viên. Hàng năm cung cấp hàng trăm tấn vôi bột cho các hợp tác xã bón ruộng và để xây dựng sân kho, các công trình thuỷ lợi. Ngoài ra còn trồng thêm chè, chăn nuôi trâu, lợn, gia cầm, tận dụng nước ao hồ thả cá... nhằm tăng thêm thu nhập cho xã viên.

Nhờ áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào đồng ruộng nên năng suất lúa ở Lam Vĩ tăng bình quân từ 15-20 kg/sào, sản lượng lương thực năm sau cao hơn năm trước, năm 1972 sản lượng đạt 450 tấn đến năm 1975 đạt 520 tấn. Việc đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước để chi viện cho chiến trường miền Nam đánh Mỹ ngày càng trở nên cấp thiết do đó, năm 1971 xã đóng góp nghĩa vụ cho Nhà

nước 94 tấn, năm 1974- 1975 là trên 120 tấn. Riêng hợp tác xã Lam Phương năm 1974 trong một vụ đã hoàn thành kế hoạch nộp đủ 45 tấn thóc nghĩa vụ còn dư bán đổi lưu 16 tấn cho Nhà nước.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong củng cố hợp tác xã, phát triển kinh tế, Đảng bộ cũng còn bộc lộ một số thiếu sót. Trong khi hợp tác xã Lam Phương vươn lên khá mạnh, phát triển toàn diện thì hai hợp tác xã còn lại phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch một cách chật vật. đặc biệt hợp tác xã Tam Hợp, năng lực điều hành của Ban quản trị hạn chế, việc ứng dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất yếu, nên năng suất thấp, nhiều năm gặp khó khăn về lương thực, xã phải điều hoà thóc từ hợp tác xã Lam Phương sang để cứu đói. Kinh nghiệm chăn nuôi của hợp tác xã Lam Phương chưa được nhân rộng trong toàn xã dẫn đến việc chăn nuôi tập thể của hai hợp tác xã Tam Hợp và Văn La không phát huy được tác dụng phải giải thể. Việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch chung ở các hợp tác xã chưa đồng đều, chưa kịp thời, do đó có hợp tác xã phát triển tốt, hợp tác xã dậm chân tại chỗ cũng chưa được đôn đốc kịp thời, làm cho phong trào hợp tác xã ở Lam Vĩ phát triển còn mang tính "tốt lời" và chưa thật vững chắc.

Cùng với việc động viên nhân dân tích cực tăng gia sản xuất đóng góp sức người, sức của cho các chiến

trường, Đảng bộ còn chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang, nâng cao cảnh giác sẵn sàng chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, khi chiến sự diễn ra trên diện rộng khắp địa bàn tỉnh Bắc Thái. Từ tháng 6/1972 trở đi máy bay phản lực Mỹ nhiều lần xâm phạm bầu trời Định Hoá. Thực hiện nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh uỷ, một yêu cầu lớn đặt ra cho các xã trong toàn huyện là vận động nhân dân bám ruộng, bám vườn tiếp tục sản xuất đồng thời tổ chức phòng tránh tốt để hạn chế thiệt hại nếu máy bay địch bắn phá vào địa bàn. Theo tinh thần đó Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo toàn dân củng cố hầm hào, đề ra chỉ tiêu mỗi gia đình ít nhất phải đào một đến hai hầm chữ A, ngoài đồng ruộng, quanh trụ sở uỷ ban, nơi làm việc của Ban quản trị hợp tác xã, các lớp mẫu giáo, trường học đều sửa lại hầm hố phòng tránh máy bay. Đồng thời tổ chức sắp xếp lại lực lượng tác chiến, thành lập các tổ tiếp đạn, tải thương, trật tự trị an, hướng dẫn người già, trẻ em sơ tán và lực lượng trực chiến bắn máy bay bay thấp, diễn tập hiệp đồng tác chiến. Ban chỉ huy Xã đội trực chiến ngày đêm dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ huy Huyện đội. Cuối năm 1972 chiến sự diễn ra ngày càng ác liệt, cấp trên nhận định, đế quốc Mỹ có thể đánh phá một số mục tiêu trên địa bàn huyện Định Hoá. Uỷ ban hành chính huyện chỉ thị cho các lực lượng trên địa bàn nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu. Đúng như nhận

định của trên ngày 16/10/ 1972 máy bay Mỹ đã ném bom vào kho thóc ở Quán Vuông (Trung Hội) và những ngày tiếp theo một số xã phía nam của huyện bị đánh phá. Sáng 22/10/1972 nhiều tốp máy bay phản lực Mỹ quần đảo trên bầu trời Định Hoá thuộc khu vực Tân Dương, Tân Thịnh, Lam Vĩ rồi bỏ nhào thả bom xuống khu vực trường (cấp I-II ở Tân Minh) xã Tân Thịnh, tiếng bom rung chuyển, khói lửa ngút trời, mười lớp học, khu nhà tập thể giáo viên, cửa hàng hợp tác xã mua bán và 5 nhà dân bị phá huỷ, 19 người bị chết, 8 người bị thương trong đó có nhiều học sinh và thầy cô giáo. Hành động dã man, vô nhân đạo của đế quốc Mỹ càng tăng thêm lòng căm thù cho nhân dân các dân tộc huyện Định Hoá nói chung và nhân xã Lam Vĩ nói riêng. Không hoang mang trước những hành động dã man của địch lực lượng vũ trang Lam Vĩ luôn nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu bảo vệ bầu trời quê hương.

Tháng 12/ 1972 nhằm cứu vãn thất bại trên chiến trường miền Nam và trên bàn đàm phán ở Pa Ri, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở cuộc tập kích chiến lược bằng "pháo đài bay B52" vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố lớn trên miền Bắc trong đó có thành phố Thái nguyên.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ quân dân Bắc Thái đã chiến đấu dũng cảm bắn hạ 2

máy bay B52 góp vào chiến công tiêu diệt 34 máy bay B52 của Mỹ trên bầu trời miền Bắc, làm thất bại hoàn toàn cuộc tập kích 12 ngày đêm, buộc Tổng thống Mỹ Ních Xon phải tuyên bố chấm dứt ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra kể từ 7 giờ sáng ngày 30/12/1972 trở lại bàn đàm phán ở Pa Ri.

Thực hiện khẩu hiệu: "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" xã Lam Vĩ luôn là đơn vị hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân. hàng trăm thanh niên đến độ tuổi nhập ngũ được học tập về tình hình nhiệm vụ cách mạng, quyền lợi và nghĩa vụ của người thanh niên, từ đó động viên được ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ là đem sức lực của mình cùng với nhân dân cả nước đánh đuổi đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Phong trào "ba sẵn sàng" (sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, sẵn sàng nhập ngũ, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu khi tổ quốc cần) sôi nổi rộng khắp các làng bản. Công tác động viên tư tưởng được Đảng uỷ, Chính quyền và các đoàn thể thường xuyên quan tâm. Mỗi lần có đợt thanh niên lên đường nhập ngũ đều tổ chức những buổi tiễn đưa cảm động. Người ra đi hứa quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, người ở lại hứa giữ vững hậu phương, thủy chung son sắt với người ra đi. Ngày giao quân thật sự trở thành ngày hội đối với tuổi trẻ xã Lam Vĩ.

Cùng với công tác động viên thanh niên lên đường đánh giặc cứu nước, Đảng bộ, Chính quyền, các đoàn thể đã làm tốt công tác hậu phương quân đội, các gia đình bộ đội, thanh niên xung phong, gia đình thương binh liệt sĩ được hợp tác xã giúp đỡ điều hoà lương thực, đảm bảo với mức sống chung trong toàn hợp tác xã, được ưu tiên mua các mặt hàng thiết yếu. Mỗi khi có giấy báo tử về địa phương, Đảng uỷ, chính quyền đều tổ chức lễ truy điệu trọng thể, phát động toàn dân học tập gương chiến đấu dũng cảm, hy sinh vì nghĩa lớn của liệt sĩ, đồng thời thường xuyên quan tâm thăm hỏi, giúp đỡ cha mẹ, vợ con liệt sĩ khi ốm đau. Vào những năm cuối của cuộc chiến tranh nhu cầu sức người, sức của cho chiến trường càng lớn, công tác tuyển quân mỗi năm một tăng thì phong trào tòng quân càng rầm rộ, 100% thanh niên đã làm đơn tình nguyện được ra chiến trường giết giặc cứu nước.

Mặc dù phải tập trung sức lực cho nhiệm vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu nhưng sự nghiệp giáo dục luôn được Đảng bộ và nhân dân chăm lo phát triển, số lượng học sinh cả hai cấp luôn được duy trì từ 700- 800 em. Để đảm bảo cho con em mình học tập, các trường học được phân tán thành từng lớp nhỏ trong rừng để tránh sự phát hiện của máy bay địch. Nhiều hầm, hào giao thông được xây dựng trên đường đến trường và ngay bên lớp học để phòng tránh khi máy bay địch bắn phá. Số lượng học sinh

đến lớp mỗi năm một tầng, khối cấp I tăng từ 11 lớp năm học 1967- 1968 lên 13 lớp năm học 1973- 1974. Để các em nhỏ không phải đi học xa, chính quyền xã đã huy động nhân đóng góp tre nứa, lá và công lao động xây dựng thêm lớp học ở các phân hiệu lẻ như Làng Cỏ, Khau Viêng (có đủ lớp học từ lớp 1 đến lớp 4). Khối cấp II từ khi thành lập đến năm 1974 đa thu hút cả số học sinh ở xã Tân Thịnh đến học nên số lượng học sinh đông. Từ năm học 1974-1975 theo chủ trương của ngành giáo dục mỗi xã thành lập một trường cấp II. Số học sinh Tân Thịnh rút về thành lập trường mới, số học sinh là con em của nhân dân các dân tộc trong xã chỉ còn 230 em chia làm 6 lớp (2 lớp 5, 2 lớp 6, 2 lớp 7). Cơ sở vật chất nhà trường còn nghèo, lớp học chủ yếu là gỗ, tre, nứa, lá, nhưng bàn ghế để các em ngồi học đảm bảo tốt hơn. Các thầy cô giáo cả hai cấp luôn khắc phục khó khăn thiếu thốn về cơ sở vật chất, đảm bảo chất lượng trong công tác giảng dạy. Tuy vậy chất lượng học tập chuyên môn chậm, tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm đạt 70%, thi tốt nghiệp cấp II đạt từ 75-80%.

Đối với nhà trẻ, mẫu giáo: Từ năm 1967 các hợp tác xã đã đầu tư xây dựng mỗi đội sản xuất một lớp mẫu giáo, nhà trẻ. Cả xã có 15 nhà trẻ, các cô dạy trẻ mẫu giáo do các hợp tác xã cử và trả công mỗi tháng 30 kg thóc, các lớp học chỉ là nhà lá vách đất nhưng sạch sẽ gọn gàng, các

cô nuôi dạy trẻ có trách nhiệm, nhiệt tình trông nom chu đáo tạo điều kiện cho các bà mẹ yên tâm lao động sản xuất, tham gia phục công tác xã hội ở địa phương.

Về văn hoá: nếp sống mới xã hội chủ nghĩa được duy trì và phát triển, việc cưới xin, ma chay được hội đồng nhân dân xã quy định: tổ chức đơn giản, tiết kiệm chống lãng phí được nhân dân nhiệt tình ủng hộ. Tình đoàn kết cộng đồng, tình làng nghĩa xóm ngày càng được gắn bó.

Phong trào văn nghệ quần chúng được duy trì, mỗi hợp tác xã có một đội văn nghệ. Vào những ngày lễ, ngày tết hoặc những ngày tiễn đưa thanh niên lên đường nhập ngũ, các đội văn nghệ đều tổ chức biểu diễn đã góp phần động viên khí thế thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, hăng hái góp sức người sức của cho tiền tuyến trong những năm chiến tranh ác liệt "tiếng hát át tiếng bom" là sự cổ vũ lớn lao của nhân dân xã Lam Vĩ.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được Đảng bộ quan tâm, từ năm 1970, trạm xá xã được tăng cường thêm một y sĩ, một hộ sinh với mười giường bệnh. Chị em phụ nữ sinh nở và những người mắc bệnh thông thường được điều trị ngay tại trạm xá xã. Ngoài việc chữa bệnh cho nhân dân, trạm xá còn phối hợp với các đoàn thể kiểm tra đôn đốc duy trì phong trào "Ba dứt điểm" (nhà tắm giếng nước và nhà vệ sinh) đến từng gia đình, nhờ đó ý

thức giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh của người dân được nâng lên, các bệnh thông thường giảm đáng kể. Tuy vậy dụng cụ và thuốc chữa bệnh còn thiếu thốn nhiều. Lam Vĩ là địa bàn xa trung tâm huyện nên việc chăm sóc sức khỏe sản phụ và sử lý các bệnh hiểm nghèo còn gặp nhiều khó khăn.

Về công tác xây dựng Đảng, dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được Đảng bộ coi trọng, việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên về mục đích, lý tưởng, quan điểm, đường lối chính sách của Đảng luôn được gắn với nhiệm vụ chính trị của đất nước, của địa phương. Thông qua các phong trào thi đua sản xuất, chấp hành chính sách của Đảng, Nhà nước, các cuộc vận động củng cố hợp tác xã... để kiểm điểm đánh giá ý thức giác ngộ cách mạng của từng đảng viên, Đảng bộ đã mở các đợt học tập, quán triệt nghị quyết của Trung ương, mà trọng điểm là Chỉ thị 192 đưa những đảng viên không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng. Nghị quyết 195 về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp "Đảng viên Hồ Chí Minh" kết hợp với việc thực hiện Chỉ thị 50 của Tỉnh uỷ Bắc Thái và Nghị quyết 09 của Huyện uỷ Định Hoá về "xây dựng địa bàn vững mạnh". Trong học tập từng đảng viên tự kiểm điểm trước chi bộ với tinh thần tự phê bình và phê bình, góp ý chân thành, xử lý nghiêm túc những sai phạm. Nhờ đó đã tạo được sự chuyển biến rõ rệt về tư tưởng và hành động

trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực tế cho thấy hầu hết đảng viên của Đảng bộ có lập trường tư tưởng vững vàng trước mọi diễn biến phức tạp của tình hình, luôn nêu cao tính tiên phong gương mẫu, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tạo được lòng tin đối với quần chúng nhân dân với sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên trong Đảng bộ vẫn còn một số đảng viên thiếu ý thức rèn luyện, lợi dụng chức quyền làm thất thoát quỹ, vốn của hợp tác xã mua bán, nợ đọng của tập thể dây dưa kéo dài không trả. Qua công tác kiểm tra Đảng uỷ đã đưa ra kiểm điểm làm rõ khuyết điểm của từng người và quyết định xử lý kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng 3, xoá tên 1 trường hợp.

Công tác phát triển đảng viên mới được coi trọng, những quần chúng tiêu biểu hăng hái đi đầu trong lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, tham gia lực lượng dân quân phục vụ chiến đấu được các cấp uỷ Đảng quan tâm dìu dắt giúp đỡ. Từ năm 1965 đến 6 tháng đầu năm 1975 Đảng bộ đã kết nạp được 30 đảng viên trong đó có 7 đảng viên nữ chiếm 23%, thanh niên 12 đồng chí chiếm 40% , còn lại là cán bộ quản trị, đội trưởng sản xuất trong các hợp tác xã.

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các cuộc vận động của Đảng, Đảng bộ đã tạo được động lực thúc đẩy việc hoàn

thành nhiệm vụ chính trị của các chi bộ. Thông qua đó Đảng uỷ còn rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác giáo dục tư tưởng, chính trị và công tác lãnh đạo của Đảng. Kết quả nhiều năm liền Đảng bộ xã Lam Vĩ luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong 10 năm (1965-1975) mặc dù số lượng đảng viên có biến động, một số đảng viên của Đảng bộ tham gia quân đội, một số được huyện điều động đi nhận công tác mới nhưng số lượng đảng viên luôn giữ ở mức cao (52 đồng chí năm 1965 đến 66 đồng chí năm 1975). Bình xét hàng năm theo tiêu chuẩn đảng viên "4 tốt" chi bộ "4 tốt". Về Chi bộ, có 2 chi bộ 4 tốt đạt 67%, 1 chi bộ trung bình chiếm 33%. Về đảng viên: đảng viên 4 tốt đạt 56%, trung bình 38%, yếu 6%.

Các đoàn thể quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã có những đóng góp tích cực vào các phong trào thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu như Phong trào thanh niên "ba sẵn sàng", Phụ nữ "ba đảm đang". Trong lao động sản xuất chị em phụ nữ luôn đi đầu trong các phong trào thi đua cấy hết diện tích, cấy đúng kỹ thuật... nhiều chị em đã trở thành kiện tướng trong phong trào làm phân bón ruộng. Những công việc nặng nhọc trước đây chỉ dành cho nam giới (cày, bừa) giờ đây người phụ nữ đã dần thay thế và trở thành lực lượng chủ chốt trong lao

động sản xuất, là trụ cột trong gia đình phụng dưỡng cha mẹ già, nuôi con khỏe dạy con ngoan, là dâu hiền hiếu thảo để chồng, con yên tâm lên đường đánh giặc. Thực hiện khẩu hiệu: "hậu phương thi đua với tiền phương", chị em phụ nữ xã không những tích cực tăng gia lao động sản xuất, làm ra nhiều của cải vật chất để chi viện cho tiền tuyến, mà còn tham gia phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. 30 chị em tham gia đội dân quân bảo vệ an ninh trật tự thôn xóm, tham gia đào hàng trăm hầm hào trú ẩn, giao thông hào phòng tránh máy bay... Được tôi luyện trong phong trào cách mạng ở địa phương nhiều chị em đã trưởng thành, 7 chị được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong những năm từ 1971- 1975 đã có 46% phụ nữ được nhân dân tín nhiệm bầu vào Hội đồng nhân dân xã, 10 chị em được cấp uỷ Đảng tin tưởng giao giữ các chức vụ quan trọng như Ủy viên Ủy ban hành chính xã, thành viên Ban quản trị hợp tác xã, Đội Trưởng sản xuất và Tiểu Đội trưởng dân quân... ở bất kỳ cương vị công tác nào chị em cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Huyện uỷ Định Hoá, Đảng bộ xã Lam Vĩ đã vượt qua nhiều gian nan thử thách, vươn lên lãnh đạo nhân dân thực hiện

thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Làm thay đổi bộ mặt nông thôn ở một vùng núi cao hẻo lánh; kinh tế, văn hoá, xã hội có bước phát triển, an ninh chính trị được giữ vững, Đảng bộ ngày càng trưởng thành đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Phát huy truyền thống cách mạng, 10 năm (1965-1975) vừa sản xuất vừa chiến đấu, xây dựng và bảo vệ quê hương, nhân dân các dân tộc xã Lam Vĩ phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh Mỹ, luôn hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân, 150 con em các dân tộc đã lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ quê hương đất nước, chiến đấu, phục vụ chiến đấu trên khắp các chiến trường B,C,K nhiều đồng chí đã trưởng thành trong chiến đấu, trở thành cán bộ trung cao cấp trong quân đội. Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 34 người con yêu dấu của xã đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và làm nhiệm vụ quốc tế, một số người đã để lại một phần thân thể ở chiến trường trở thành thương binh.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước xã Lam Vĩ đã huy động hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm góp vào thành tích chung của huyện Định Hoá. Ghi nhận

những thành tích trên Đảng, Nhà nước đã tặng cho nhân dân các dân tộc xã Lam Vĩ huân chương chiến công hạng ba, 34 gia đình được tặng bằng Tổ quốc ghi công, 150 gia đình được tặng "Bảng gia đình vẻ vang", nhiều cán bộ chiến sĩ và nhân dân được tặng thưởng huân, huy chương các loại. Đây là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Lam Vĩ trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm bảo vệ quê hương đất nước.

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ LAM VĨ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC 1975 - 1985

Sau chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (1975), sự nghiệp chống Mỹ cứu nước toàn thắng. Cách mạng nước ta chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Vui mừng trước những thắng lợi to lớn của dân tộc, nhân dân Lam Vĩ bắt tay vào xây dựng quê hương. Theo sự chỉ đạo của Đảng bộ, nhiệm vụ hàng đầu lúc này là phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân mà khâu quan trọng nhất là phát triển nông nghiệp toàn diện trên cả ba mục tiêu cây lúa, cây màu và chăn nuôi. Để chủ động về lương thực biện pháp chính đề ra là nâng cấp hệ thống thủy lợi, đảm bảo nước tưới, tăng diện tích cấy hai vụ lúa, áp dụng sâu rộng các biện pháp kỹ thuật, thâm canh nhằm tăng năng suất và sản lượng lúa. Chấp hành nghị quyết của Đảng uỷ ngày 21/5/1975 Hội đồng nhân dân xã họp bầu ra cơ quan điều hành mới (Ủy ban hành chính xã) gồm 7 thành viên do đồng chí Nguyễn Phúc Cát làm Chủ tịch, Ma Văn Tăng làm Phó chủ tịch.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy chính quyền, Hội đồng nhân dân đã phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi, cấy hết diện tích, phát triển chăn nuôi. Kết quả vụ mùa năm 1975 năng suất bình quân giữ được ở mức 35 tạ/ha/2 vụ, đàn trâu tăng thêm 70 con, đàn lợn giữ ở mức mỗi gia đình nuôi từ 1-2 con và đàn lợn hợp tác xã luôn đảm bảo 400 con, đạt chỉ tiêu, kế hoạch trên giao. Bước sang năm 1976, diện tích gieo cấy vụ đông xuân cả 3 hợp tác xã đều bị giảm sút do thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm và sương muối kéo dài, cùng với khô hạn, mạ chết phải gieo đi gieo lại, Đảng ủy đã yêu cầu các chi bộ lãnh đạo các hợp tác xã san sẻ mạ giúp nhau để cấy kịp thời vụ, cấy hết diện tích. Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng diện tích cấy cũng chỉ đạt 70% kế hoạch. Kết quả vụ đông xuân sản lượng thất thu 80 tấn so với năm 1975. Hợp tác xã Văn La, Tam Hợp thu hoạch chỉ đạt 60% so với các năm trước làm cho tình hình thiếu lương thực diễn ra trầm trọng. Đây là tình trạng chung của nhiều hợp tác xã trong toàn huyện. Cán bộ, giáo viên và nhân dân hưởng chế độ tem phiếu mỗi tháng chỉ được mua từ 4-5 kg gạo, còn lại là ngô, khoai, sắn, đời sống rất chật vật. Với các xã thuần nông như Lam Vĩ vào vụ giáp hạt một số hộ neo đơn, ít lao động đã lâm vào tình trạng thiếu lương thực từ 2-4 tháng. Trước tình hình trên chấp hành Chỉ thị số 18 ngày 8/3/1976 của Ủy ban hành chính tỉnh, Đảng ủy đã chỉ đạo các hợp tác xã vận động

nhân dân tích cực trồng thêm ngô, khoai, sắn bù vào lượng thiếu hụt lương thực, đồng thời vận động các hộ độn thêm khoai, sắn vào bữa ăn hàng ngày. Hợp tác xã điều hoà lương thực cho các gia đình chính sách và các gia đình quá thiếu đói, vận động nhân dân tiết kiệm "thắt lưng buộc bụng" tăng phần đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước để giải quyết những khó khăn chung.

Song song với phát triển kinh tế ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, sau khi kết thúc cuộc chiến tranh lâu dài gian khổ, chính quyền và nhân dân xã đã đón trên ba chục con em của quê hương từ các chiến trường trở về, trong đó có nhiều đồng chí là thương binh, bệnh binh sức khoẻ giảm sút nhiều. Việc đầu tiên là tiếp nhận và giải quyết công ăn việc làm, ổn định đời sống cho họ ở các hợp tác xã. Các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội đang tại ngũ được cân đối lương thực, trợ cấp khó khăn. Cấp uỷ chính quyền xã quan tâm làm tốt công tác thi đua khen thưởng đối với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, trong chiến đấu, động viên kịp thời tinh thần phấn đấu của các tầng lớp nhân dân trong tình hình mới.

Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976- 1980) theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV. Đảng,

Nhà nước ta tập trung chỉ đạo sát sao hơn cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp. Theo cơ chế này Nhà nước điều hành hoàn toàn từ sản xuất đến lưu thông phân phối, thông qua hai hình thức sở hữu: Sở hữu toàn dân (quốc doanh) và sở hữu tập thể (hợp tác xã). Kinh tế nông nghiệp cũng theo cơ chế giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện từ diện tích, năng suất đến sản lượng và thu sản phẩm bằng biện pháp hành chính từ Trung ương đến cơ sở. Mặc dù biết rằng nhiều chỉ tiêu trên giao chưa thực sự phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương nhưng Đảng bộ vẫn chỉ đạo Ủy Ban nhân dân xã phân chia và giao cho các hợp tác xã thực hiện và động viên nhân dân khắc phục khó khăn thực hiện bằng được kế hoạch và thu nộp đầy đủ sản phẩm cho cấp trên. Những tác động của cơ chế này làm cho đời sống nhân dân chưa thật sự ổn định, mặc dù họ rất tích cực lao động sản xuất nhưng sản phẩm làm ra chưa đáp ứng được nhu cầu đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân.

Đầu năm 1977 Đảng bộ đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1977-1979 quyết định thực hiện Nghị quyết 61 ngày 5/4/1976 của Chính phủ và Nghị quyết 46 ngày 8/6/1976 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về "tiếp tục thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông, lâm nghiệp từ cơ sở" đây là cuộc vận động lớn trong toàn Đảng nhằm đưa nền sản xuất nông nghiệp từ sản xuất nhỏ

đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vận dụng nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đại hội Đảng bộ ra nghị quyết sáp nhập ba hợp tác xã lại thành một hợp tác xã toàn xã. Đại hội tiến hành bầu Ban chấp hành mới gồm 9 đồng chí do đồng chí Nguyễn Phúc Cát làm Bí thư, đồng chí Ma Văn Tăng uỷ viên thường vụ làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Sau Đại hội, Uỷ ban nhân dân xã đã mở hội nghị cán bộ bàn bạc phương án thực hiện nghị quyết của Đảng và quyết định thành lập hợp tác xã toàn xã do đồng chí Ma Đình Phụng làm chủ nhiệm, đồng chí Phan Thanh Trọng làm Phó Chủ nhiệm, đồng chí Ma Đức Hoàn uỷ viên Ban quản trị phụ trách kế hoạch.

Cuối năm 1978 tình hình biên giới ở cả hai đầu đất nước (phía Tây Nam, phía Bắc) ngày càng căng thẳng. Tháng 2/1979 biên giới phía Bắc bị quân bành trướng Trung Quốc xâm lấn, nền độc lập dân tộc bị đe dọa, 14 thanh niên Lam Vĩ cùng hàng trăm thanh niên huyện Định Hoá lên đường nhập ngũ, tăng cường lực lượng cho mặt trận chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước. Tại hậu phương xã bố trí lại thể trận, chia thành 4 khu vực phòng thủ (gọi là 4 miền); Văn La, Làng Cỏ, Khau Viêng và Làng Quyền mỗi khu thành lập một trung đội dân quân, dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Văn Đoạt Xã đội

trưởng, vũ khí được huyện bổ xung thêm, gấp rút tổ chức huấn luyện theo phương án tác chiến tại chỗ sẵn sàng bảo vệ quê hương. Tại địa bàn trọng điểm của xã, Ủy ban nhân dân xã điều động toàn bộ thanh niên làm nòng cốt khẩn trương đào 2 km giao thông hào tại cao điểm thuộc khu vực Khau Ken và cử một trung đội dân quân ngày đêm canh giữ. Đồng thời phối hợp với xã Tân Thịnh huy động dân công xây dựng phòng tuyến Khe Thí (thuộc địa phận xã Tân Thịnh) án ngữ con đường từ Chợ Mới sang. Cùng với việc huy động lực lượng dân quân xây dựng phòng tuyến, Đảng uỷ chính quyền, các đoàn thể còn phát động phong trào quyên góp tiền, của, lương thực, thực phẩm gửi lên biên giới. Qua hai đợt phát động toàn dân đóng góp nuôi quân, xã thu được 3 tấn thóc, 400 kg lợn hơi, 300 chiếc bánh chưng và hàng trăm đồng tiền mặt gửi lên biên giới cho các chiến sĩ. Bên cạnh những hoạt động ủng hộ chiến sĩ biên giới, xã đã tiếp nhận 13 hộ 50 khẩu đồng bào từ Cao Bằng xuống. Tháng 10/1979 chấp hành nghị quyết của của Huyện uỷ, thực hiện chính sách của Đảng di rời một bộ phận người Việt gốc Hoa từ các địa bàn trung tâm huyện vào các xã. Xã Lam Vĩ tiếp nhận 9 hộ từ thị trấn Chợ Chu vào. Đảng uỷ chính quyền đã nhanh chóng phân bổ các hộ đến các đội sản xuất thuộc khu vực Thâm Pục, Thâm Pè (Làng Quyền), Khau Viêng,

Văn La giao đất và vận động nhân dân sở tại ủng hộ tre, mai, nứa, lá giúp công dựng nhà, phương tiện cày cấy trong các hợp tác xã như xã viên sở tại, nhờ đó đồng bào đã nhanh chóng ổn định cuộc sống và hoà nhập vào cộng đồng ở Lam Vĩ. Với tinh thần đoàn kết giúp đỡ tương thân, tương ái đó đã để lại ấn tượng tốt đẹp của đồng bào đến cư trú, khi chiến tranh biên giới kết thúc 13 hộ đồng bào ở Cao Bằng đã ở lại làm ăn sinh sống tại xã Lam Vĩ.

Chiến tranh biên giới kết thúc Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải đương đầu với những khó khăn, thách thức mới do các thế lực thù địch âm mưu phá hoại, bao vây cấm vận. Thêm vào, đó là tệ quan liêu bao cấp, cùng với những lúng túng trong công tác quản lý đã làm trầm trọng thêm tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội của đất nước. Vấn đề cấp bách đặt ra cho Đảng, Nhà nước ta là tìm hướng tháo gỡ, làm cho sản xuất "bung ra" và giữ cho nền kinh tế khỏi nguy cơ tiếp tục sa sút, đồng thời tạo đà để phát triển. Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ VI (khoá V) ngày 13/1/1981 Ban Bí thư Trung ương đã ra Chỉ thị 100 CT-TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã, trên cơ sở kết hợp hài hoà "ba lợi ích", (lợi ích của Nhà nước, tập thể và của người lao động). Chỉ thị 100 khởi đầu cho sự nghiệp đổi mới tư duy kinh tế của Đảng trong sản xuất nông nghiệp,

tạo ra bước chuyển mới trong công cuộc cải cách một phần mô hình xây dựng hợp tác xã.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện uỷ, Đảng bộ xã đã tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể sát hợp với điều kiện của địa phương, để thực hiện Chỉ thị 100 thống nhất trong toàn xã. Bước vào thực hiện Chỉ thị 100 Đảng bộ xã đã xác định trước tiên cần phải giải quyết ổn thoả vấn đề khoán ruộng cho các hộ. Từ quyết định này cấp uỷ, chính quyền đã hợp, bàn thống nhất phân loại đất thành 3 mức (hạng 3,4,5)⁽¹⁾. Dựa trên diện tích đất hiện có theo từng đội sản xuất, xã khoán cho xã viên, mỗi lao động chính được 3 sào, 2 lao động phụ quy thành một lao động chính để khoán thêm đất, với phương thức khoán là tiện canh, tiện cư đảm bảo cho việc chăm sóc và thu hoạch. Các khâu điều hành sản xuất được đổi mới cho phù hợp với cơ chế khoán, hợp tác xã chỉ đảm bảo thuỷ lợi, cung cấp thuốc trừ sâu. Thống nhất chỉ đạo cơ cấu giống cho từng cánh đồng và đôn đốc thời vụ. Trên mảnh ruộng khoán xã viên chủ động hoàn toàn về thời gian và khả năng đầu tư để tạo ra sản phẩm nhiều nhất, cuối vụ nộp sản cho hợp tác xã theo 3 mức ứng với 3 hạng đất. Đất hạng 3(đất tốt) thuận lợi việc tưới tiêu, nộp sản 50 kg/sào/ vụ, đất hạng 4 (trung

(1) Theo phân hạng đất của trên, Lam Vĩ chỉ có đất từ hạng 3 đến hạng 5.

binh) nộp 40 kg /sào/ vụ, đất hạng 5 (đất xấu) không chủ động được nước tưới tiêu nộp 30 kg/sào/vụ, còn lại xã viên được hưởng thành quả của mình. Cách khoán này làm cho người nông dân phấn khởi, tận dụng thời gian đầu tư thích đáng vào sản xuất. Thực tế cho thấy tình trạng "đi muộn về sớm" làm việc phụ thuộc vào "tiếng keng" đã không còn. Người nông dân chủ động thời gian làm việc trên đồng ruộng và áp dụng các quy trình kỹ thuật vào sản xuất như cấy đúng thời vụ, đảm bảo lượng phân bón, làm cỏ sục bùn... do đó năng suất lúa được nâng lên bình quân đạt 90 kg/sào/2vụ lúa, sản lượng luôn giữ mức 510 tấn đến 550 tấn/năm, so với những năm trước nhích hơn đôi chút. Các loại cây màu như sắn, khoai, đậu, đỗ...được các gia đình tận dụng sức lao động lúc nông nhàn để trồng trọt, tăng thêm thu nhập cho gia đình. Những năm tình hình kinh tế của huyện gặp nhiều khó khăn, Lam vĩ là một trong những xã cung cấp nhiều sắn, đậu cho huyện để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho cán bộ và nhân dân hưởng chế độ tem phiếu.

Về chăn nuôi, thực hiện Nghị quyết 12 của Huyện uỷ, vận dụng Nghị quyết 19 của Trung ương đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính. Xã Lam Vĩ đã áp dụng hình thức khoán cho từng gia đình xã viên, hàng năm bán nghia vụ cho Nhà nước từ 20-25 kg lợn hơi/lao

động chính, phần tăng năng xuất được bán theo giá thoả thuận nên đàn lợn thường xuyên đạt mức 2000 con. Về chăn nuôi đại gia súc hợp tác xã giao khoán trâu về cho xã viên nuôi, một số gia đình không có trâu, hợp tác xã giao cứ hai gia đình nuôi chung 1 con và tự điều tiết với nhau về sức kéo. Trước khi giao trâu cho gia đình xã viên, hợp tác xã đã tiến hành bình giá và quy ra thóc để xã viên trả dần, mỗi năm nộp cho hợp tác xã từ 1 đến 2 tạ thóc, khi nào trả hết số thóc hợp tác xã bình thì được coi là trâu của cá nhân, nhờ thực hiện chủ trương này đàn trâu tăng từ 700 con lên 950 con. Cuối năm 1985 xã tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Qua thực tiễn chỉ đạo của Đảng bộ và thực hiện của hợp tác xã, chi phí quản lý, điều hành của Ban quản trị hợp tác xã giảm đáng kể, thành quả lao động của xã viên làm ra được hưởng 55% cao hơn so với thời kỳ tính công điểm, do đó đời sống nhân dân ổn định hơn, tình trạng thiếu đói nhiều tháng vào lúc giáp hạt giảm hẳn. Quá trình thực hiện Chỉ thị 100 phân tích cực là cơ bản, song những vướng mắc còn nhiều vấn đề cần tháo gỡ, đó là sau 5 năm ruộng đất không tăng thêm, mà dân số toàn xã thì tăng nhanh, việc tách hộ diễn ra thường xuyên khi con cái lớn lập gia đình riêng, quân bình mỗi năm từ 9-12 hộ, nên diện tích ruộng khoán chỉ còn từ 1,5 đến 2 sào một lao

động chính. Ban quản trị hợp tác xã lơ là việc kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo mà "khoán trắng" là chủ yếu, mặc cho xã viên tự lo toan trên mảnh ruộng được khoán. Mặt khác chỉ khoán sản phẩm đối với cây lúa, từ đó xuất hiện tư tưởng xã viên chỉ cần làm đủ mức khoán còn tập trung thời gian và sức lao động của gia đình phát rẫy trồng lúa nương, trồng màu làm cho rừng bị thu hẹp. Việc thu nộp theo mức khoán càng về sau càng không dứt điểm, dây dưa nhiều vụ, bộ máy điều hành của hợp tác xã mất dần hiệu lực. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã trước Hội đồng nhân dân cuối năm 1985, tổng mức huy động lương thực cho Nhà nước tăng lên 20% (từ 70 tấn lên 90 tấn) làm cho thu nhập của xã viên giảm, mức bình quân lương thực đầu người năm 1982 là 23kg/ tháng, đến năm 1985 giảm xuống chỉ còn 18- 16 kg/ tháng. Rõ ràng những yếu kém của cơ chế quản lý kinh tế tập thể, kinh tế Nhà nước đang trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc sống của người nông dân Lam Vĩ nói riêng và trên phạm vi toàn quốc nói chung.

Thông qua thực hiện Chỉ thị 100, mặc dù Đảng và Nhà nước đã cố gắng mở ra hướng phát triển mới, nhưng cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp vẫn chưa có sự chuyển biến căn bản, những quy định của chính sách hợp tác xã còn nhiều bất hợp lý, gây khó khăn cho việc chỉ đạo kinh tế tập thể ở cơ sở. Năm 1985 cùng

với việc thực hiện chính sách "giá- lương- tiền"⁽¹⁾ Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách mới, chủ trương "nói lỏng" những ràng buộc của cơ chế kế hoạch hoá tập trung, mở rộng hoạt động của các quan hệ thị trường. Theo sự chỉ đạo của tỉnh, một số đơn vị kinh tế quốc doanh ở huyện Định Hoá thí điểm chuyển sang tự hạch toán kinh doanh còn nhiều lúng túng, chưa đạt kết quả thì Nhà nước bước vào thực hiện mở cửa thị trường, phá bỏ "ngăn sông cấm chợ" tạo điều kiện cho tư thương ở Chợ Chu, ở Hà Bắc và một số nơi khác, chuyển chở hàng hoá bằng xe đạp lên lỏi vào những làng, bản đến từng nhà trao đổi với nông dân những mặt hàng thiết yếu như dầu, muối, vải, nồi niêu, chum, vại... cả hai hình thức mua, bán đều rất linh hoạt, nông dân mua hàng vừa rẻ, được quyền lựa chọn, lại không phải mất thời gian xếp hàng chờ đợi, có tiền thì trả, không có tiền thì trả bằng thóc, gạo, lợn, gà với tinh thần "thuận mua vừa bán". Người dân bán nông phẩm cũng không phải mang đi xa mà giá lại cao hơn giá quy định của Nhà nước và được trả tiền ngay hoặc lấy hiện vật mình cần. Việc mua bán trao đổi với tư thương làm cho cửa hàng hợp tác xã mua bán dần vắng khách, hàng bị ế ẩm và có nguy cơ phải ngừng hoạt động. Phương thức mua bán trao đổi giữa nông dân

(1) Đổi tiền ngày 14/9/1985.

và tư thương trước mắt có đem lại một số thuận lợi, nhưng cũng chứa đựng nhiều hạn chế, giá cả lên xuống thất thường, do tư thương ép giá, cuối cùng người lao động vẫn phải chịu thiệt thòi.

Sự nghiệp giáo dục được Đảng bộ chính quyền và nhân dân thường xuyên chăm lo. Là một trong những xã có số lượng học sinh đông nhất so với các trường trong huyện, các năm học từ 1976-1985 luôn giữ mức từ 900-1000 em cả 2 cấp (I và II). Năm 1982 theo sự chỉ đạo chung của ngành giáo dục (theo chương trình cải cách của bộ giáo dục) xã Lam vĩ tiến hành sáp nhập trường cấp I và trường cấp II thành một trường lấy tên là trường phổ thông cơ sở Lam Vĩ, hình thành 2 khối: Khối cấp I có 21 giáo viên, 15 lớp (có 5 lớp ở hai phân hiệu lẻ) với 600 học sinh. Khối cấp II có 20 giáo viên, 13 lớp với 500 học sinh, tổng số là 28 lớp với 1100 học sinh. Để củng cố trường, lớp theo sự chỉ đạo của Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã đã huy động nguồn kinh phí từ hợp tác xã, công sức của nhân dân xây dựng mới 13 phòng học cột gỗ xẻ vuông, lợp lá cọ, vách đất, đóng mới 80 bộ bàn ghế, trường lớp đã khang trang hơn trước. Do trường quy về một mối, học sinh đông nên phải tổ chức học hai ca, cấp II học buổi sáng, cấp I học buổi chiều. Các thầy cô giáo làm việc vất vả hơn, trong khi đó lương chậm phát từ 3-4 tháng, lương

thực, thực phẩm các mặt hàng thiết yếu vô cùng thiếu thốn. Đây là thời kỳ khó khăn nhất, bữa ăn của thầy cô giáo 60% độn sắn hoặc hạt mạch, bột mì. Để khắc phục những khó khăn tạm thời đó, Ban giám hiệu nhà trường đã đề nghị với các hợp tác xã cho giáo viên tận dụng các khu ruộng chăm, thụt, hoang hoá để các thầy cô giáo tăng gia thêm cải thiện đời sống, tiếp tục sự nghiệp trồng người. Với trách nhiệm cao cả, tình thương yêu học trò mặc dù đời sống vật chất vô cùng khó khăn nhưng các thầy cô giáo luôn cố gắng thực hiện tốt phong trào thi đua 2 tốt "Dạy tốt" "Học tốt". Nhờ đó chất lượng giáo dục được nâng lên rõ rệt, các năm học từ 1982- 1985 tỷ lệ học sinh lên lớp cấp I là 95%, cấp II là 92 %, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp cấp I là 99%, cấp II là 95%. Với tinh thần ham học, học sinh học hết cấp II ở xã đã ra Chợ Chu học cấp III (tại trường cấp III Định Hoá). Tuy xa nhà, phải trọ học, nhưng các em học sinh của xã đều cố gắng học hết lớp 10, nhiều em đã đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

Xã Lam Vĩ từ 1976 đến năm 1982 còn là địa bàn đứng chân của Trường thanh niên dân tộc huyện Định Hoá. Trường có 8 giáo viên và 60 học sinh là đoàn viên thanh niên từ các xã cử đi học, là nguồn đào tạo cán bộ. Đây là Trường cấp II vừa học vừa làm, ăn ở tập trung, tổ

chức lao động theo quy mô một hợp tác xã do thầy giáo Lương Văn Quang làm Hiệu trưởng. Được Đảng và Chính quyền xã giúp đỡ thầy và trò đã khai hoang phục hoá 23 mẫu 8 sào ruộng và một số diện tích đồi rừng tại khu vực Thâm Pục (thôn Làng Quyển). Qua 6 năm hoạt động, khắc phục khó khăn trong điều kiện tự túc lương thực, thực phẩm trường thanh niên dân tộc huyện Định Hoá đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, cung cấp trên 200 lượt cán bộ cho các xã trong huyện và để lại kinh nghiệm quý trong tổ chức loại hình Trường "vừa học, vừa làm", mang lại hiệu quả thiết thực trong một giai đoạn lịch sử của địa phương.

Các lớp mẫu giáo xây dựng từ trước ở các đội sản xuất, vẫn được duy trì, hợp tác xã trả công cho các cô giáo 21 kg thóc/ tháng.

Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân tiếp tục được quan tâm, trạm xá xã luôn có y sĩ, y tá trực khám chữa các bệnh thông thường cho nhân dân, các sản phụ đến trạm xá sinh nở được chăm sóc chu đáo và an toàn, hàng năm trạm xá còn tổ chức 2 đợt tiêm phòng và chủng đậu cho trên 500 lượt trẻ em. Công tác giữ gìn vệ sinh được triển khai xuống từng xóm, bản. Việc thực hiện ba công trình vệ sinh: giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh được các ban ngành đoàn thể cùng trạm y tế tích cực vận động và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhưng do địa hình rừng,

núi, phong tục tập quán cũ chưa được xoá bỏ nên việc thực hiện "ba dứt điểm" gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã kiên trì vận động nhưng thực hiện chưa đầy đủ, phong trào vệ sinh phòng bệnh ở xã Lam Vĩ chỉ đạt loại C (Trung bình) so với các xã trong toàn huyện⁽¹⁾.

Hoạt động văn hoá thể thao được đẩy mạnh đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của nhân dân. Năm 1982 Hội đồng nhân dân xã đề ra quy ước "nếp sống văn minh, gia đình văn hoá", bản quy ước quy định về hôn nhân trai, gái được tự do tìm hiểu, không bị gia đình ép buộc, thực hiện đúng độ tuổi; trai 20 tuổi, gái 18 tuổi mới được đăng ký kết hôn, theo quy định nhà trai dẫn lễ đến nhà gái là 40 kg các loại (thịt lợn, gạo, rượu). Việc tang nhà nào có người qua đời không được để quá 48 giờ, không tổ chức cúng ma linh đình. Các quy ước trên được nhân dân hưởng ứng và thực hiện đầy đủ, ai làm trái với quy ước trên bị chính quyền nhắc nhở và nhân dân không đồng tình ủng hộ.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ sôi nổi, các đội văn nghệ thường xuyên luyện tập, vào các ngày lễ lớn của dân tộc, thường tổ chức các đêm biểu diễn với các tiết mục tự biên, tự diễn cùng những bài ca cách mạng, tạo được không khí vui tươi phấn khởi, thu hút nhiều người đến

(1) Lịch sử Đảng bộ huyện Định Hoà sdd.

thường thức. Các đội bóng đá thường hoạt động theo "mùa vụ" tổ chức giao hữu giữa các thôn và xã bạn. Lễ hội Lồng Tồng thường tổ chức vào ngày mùng 3 tháng giêng được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia cổ vũ, tạo nên một không khí vui tươi lành mạnh trong các ngày hội, từ đó nhân dân càng thêm phấn khởi, hăng say lao động sản xuất, xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp.

Quán triệt Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương khoá V và Chỉ thị số 43 của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Đảng uỷ xã một mặt tuyên truyền làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân nhận rõ âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của bọn phản động và các phần tử bất mãn, với những thủ đoạn thâm độc hòng phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, cản trở sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Phát động toàn dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc đồng thời củng cố lực lượng công an từ xã đến các xóm bản, thay đổi nội dung phương thức hoạt động kết hợp giữa tuần tra canh gác, bám sát, theo dõi, điều tra các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc đường lối của Đảng, ngăn chặn và xử lý nghiêm nạn trộm cắp vặt, bảo vệ sự bình yên của nhân dân. Tổng kết 5 năm phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc 1981- 1985 Công an xã Lam Vĩ được xếp loại khá.

Lực lượng dân quân luôn đảm bảo quân số, biên chế chặt chẽ, hàng năm dân quân được huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật theo phương án tác chiến đã được phê duyệt. Thời gian dân quân tham gia huấn luyện được hợp tác xã chi công điểm và được các đoàn thể đóng góp thêm lương thực, thực phẩm, động viên thăm hỏi để các chiến sĩ hăng hái luyện tập, nhiều năm bắn đạn thật đều đạt khá giỏi. Năm 1982 triển khai công tác huấn luyện quân sự kết hợp nhiệm vụ xây dựng kinh tế, 50 dân quân xã Lam Vĩ trong đội hình của huyện Định Hoá do đồng chí Lý Văn Chanh chỉ huy tham gia xây dựng hệ thống thuỷ lợi Hồ Núi Cốc tại thị trấn Ba Hàng huyện Phổ Yên. Trong huấn luyện quân sự cũng như trong lao động đơn vị dân quân xã luôn là đơn vị đạt được thành tích tốt được Bộ Chỉ huy quân sự Tỉnh biểu dương khen thưởng.

Ngày 23 tháng 11 năm 1982, Đảng bộ tiến hành Đại hội lần thứ X nhiệm kỳ 1982 - 1985 trên cơ sở các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và sự chỉ đạo của Huyện uỷ. Đại hội đã đánh giá những thành tích đạt được trong thời gian qua, chỉ rõ khuyết điểm chủ yếu trong nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng kinh tế, văn hoá, xã hội. Đại hội khẳng định những thành tích cơ bản đạt được trong nhiệm kỳ qua là lãnh đạo nhân dân thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư trên phạm vi toàn xã nhanh, gọn, củng cố thêm một

bước hợp tác xã, giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, làm cho nhân dân phấn khởi tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tích cực tăng gia sản xuất làm ra nhiều của cải, từng bước nâng cao đời sống của người dân. Đại hội thảo luận, thống nhất cao phương hướng tiếp tục khắc phục những thiếu sót, trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ nhân mạnh trong thời điểm khó khăn thử thách này đảng viên cần kiên định lập trường tư tưởng, có nhận thức đúng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nhạy bén, gương mẫu chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, giữ vững vai trò lãnh đạo trong mọi lúc, mọi nơi, làm cho Đảng bộ xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Về tổ chức, Đại hội quyết định căn cứ vào số lượng đảng viên, lấy đơn vị đội sản xuất gắn với xóm, bản để thành lập chi bộ, những nơi ít đảng viên có thể liên xóm thành lập một chi bộ. Đại hội tiến hành bầu Ban chấp hành mới gồm 7 đồng chí do đồng chí Ma Đức Luân làm Bí thư, Đồng chí Hoàng Văn Như làm Phó Bí thư- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Thực hiện nghị quyết Đại hội, từ 3 chi bộ, nay tổ chức thành 11 chi bộ là Khau Viêng, Nà Tiếm, Nà Toán

và các chi bộ ghép là Nà Làng - Nà Chè, Đồng Keng-Thâm Kết, Cốc Ngận- Đồng Kên, Nà Lòng- Làng Hông, Làng Cỏ- Làng Giản, Bản Tông- Bản Cái, Làng Há- Làng Quyền và chi bộ nhà trường. Mỗi chi bộ có từ 6 đến 9 đảng viên, tính đến đầu năm 1985 tổng số đảng viên có 86 đồng chí. Đối với công tác tư tưởng theo hướng dẫn của Thường vụ Huyện uỷ, Đảng uỷ đã tổ chức 4 đợt sinh hoạt chính trị nhằm giáo dục cho Đảng viên nắm vững hơn nữa quan điểm, đường lối của Đảng, nắm bắt được con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong xu thế mới của thời đại. Thường xuyên bám sát 4 tiêu chuẩn gồm phẩm chất, năng lực, phong cách và bản lĩnh mà rèn luyện đội ngũ đảng viên. Cuối năm từng đảng viên tự kiểm điểm theo 4 tiêu chuẩn trước chi bộ. Kết quả phân loại năm 1985 toàn Đảng bộ có 9 chi bộ 4 tốt chiếm 82%, 2 chi bộ trung bình chiếm 18 %. Về đảng viên có 75 % đảng viên đạt 4 tốt, 15 % trung bình, 10 % còn yếu cần phấn đấu. Khuyết điểm chủ yếu là sinh hoạt chi bộ chưa đều, đảng viên chưa thật gương mẫu đi đầu trong các phong trào ở địa phương.

Từ năm 1975- 1985 số lượng đảng viên tăng mỗi năm từ 7 đến 10 %, chủ yếu là tăng cơ học do đảng viên từ quân đội phục viên, xuất ngũ và một số cán bộ nghỉ hưu về địa phương tăng thêm sức lãnh đạo cho Đảng bộ. Một số đảng

viên ở quân đội về đã nhanh chóng được Đảng bộ giao các nhiệm vụ quan trọng như làm đội trưởng sản xuất, trưởng thôn, bản, phụ trách các đoàn thể, trung đội trưởng dân quân, Công an... nhiều đồng chí nhiệt tình trách nhiệm chỉ một thời gian ngắn được chi bộ bầu làm Bí thư, tham gia Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân. Đội ngũ cán bộ chủ chốt ở xã Lam Vĩ trưởng thành từ phong trào hợp tác xã và các phong trào cách mạng ở địa phương, thông qua quá trình hoạt động đã tích lũy được kinh nghiệm lãnh đạo, điều hành khá vững vàng, có đảng viên được Đảng bộ và nhân dân tín nhiệm bầu làm Bí thư đảng uỷ, Chủ tịch xã nhiều năm liền; tiêu biểu như đồng chí Ma Đình Phương giữ chức Bí thư Đảng bộ liên tục nhiều khoá liền. Từ 1977-1982 trong hai nhiệm kỳ liên tiếp được bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ huyện Định Hoá.

Trong công tác phát triển đảng viên mới còn bộc lộ một số thiếu sót, trong 10 năm Đảng bộ mới kết nạp được 30 đảng viên là quá chậm. Có nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ quan dễ nhận ra là các chi bộ chưa thật chủ động bồi dưỡng tạo nguồn, giao nhiệm vụ thử thách, tiến tới kết nạp những quần chúng tích cực vào Đảng. Đặc biệt là lớp trẻ và đội ngũ tri thức (giáo viên) chưa được quan tâm đúng mức. Tình trạng này không chỉ xảy ra ở xã Lam Vĩ mà là tình trạng chung của các xã trong toàn huyện.

Các đoàn thể quần chúng được củng cố, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh, Phụ nữ, Hội nông dân tập thể đã tích cực vận động hội viên, nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phát huy truyền thống cần cù lao động, cùng cố khối đoàn kết toàn dân, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng quê hương ngày một giàu mạnh. Trong xây dựng chính quyền các đoàn thể đã vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ tích cực tham gia bầu cử Quốc hội, bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp (Tỉnh, huyện, xã) trong đó có 95% cử tri tham gia bầu cử, thể hiện được quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân. Trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, xã Lam Vĩ đã lựa chọn được 27 đại biểu có đủ uy tín, năng lực thay mặt nhân dân đứng ra gánh vác nhiệm vụ quan trọng mà Đảng giao cho.

CHƯƠNG IV

ĐẢNG BỘ LAM VĨ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI 1986 - 2000

A/ Xã Lam Vĩ trong những năm đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới 1986- 1991.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (họp tháng 12/1986) với quan điểm "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật" Đại hội phân tích những hạn chế, cản trở sự phát triển kinh tế, xã hội của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, từ đó đã khởi xướng sự nghiệp đổi mới toàn diện và triệt để, từng bước chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là bước đột phá về tư duy kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan của sự phát triển xã hội, đáp ứng lòng mong mỏi của toàn dân nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, được nhân dân đồng tình ủng hộ và hăng hái thực hiện.

Tiếp thu đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ Định Hoá, Đảng bộ đã xây dựng chương trình kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1986-1991 theo hướng giải phóng sức lao động, phát triển kinh tế nông nghiệp tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá đưa ra thị trường, nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Khi bước vào thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ phải đối mặt với những nẩy sinh mới do thực tiễn đặt ra; đó là kinh tế tập thể ở Lam Vĩ đang vận hành theo phương thức quản lý kế hoạch hoá tập trung bao cấp với nền sản xuất nhỏ, tự cung, tự cấp, 100% dân số sống bằng nghề nông, cơ cấu cây trồng chỉ có cây lúa là chủ lực, chăn nuôi chỉ có trâu, lợn và gia cầm. Kỹ thuật canh tác lạc hậu, cơ sở hạ tầng thấp kém, hệ thống thuỷ lợi chỉ đảm bảo cho 70% diện tích cây được hai vụ, ruộng đất phân tán, dân cư thưa thớt, là xã vùng sâu, vùng xa, xa trục đường giao thông chính, xa trung tâm kinh tế của huyện, đường liên thôn, liên xóm xuống cấp nghiêm trọng đi lại gặp nhiều khó khăn, nên hầu như những chuyển động của cơ chế thị trường ảnh hưởng đến xã rất yếu ớt. Trong khi đó đội ngũ cán bộ đảng viên tuy nhiệt tình trách nhiệm nhưng còn mang nặng tư tưởng của thời bao cấp, chưa được trang bị về lý luận của tư duy mới, nên quá trình thực hiện nhiệm vụ còn thụ động, rập khuôn máy móc. Một bộ phận đảng viên, nhất là đảng viên cao tuổi

chưa thực sự tin vào đường lối đổi mới sẽ thành hiện thực trong cuộc sống. Có thể nói giai đoạn đầu từ 1986-1991 sự chuyển đổi từ nền kinh tế sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá theo định hướng của Đảng ở xã Lam Vĩ diễn ra rất chậm.

Ngày 5/4/1988 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10/NQ-TW Về "đổi mới quản lý nông nghiệp", thay đổi căn bản phương thức quản lý cũ trong đó lấy hộ gia đình làm đơn vị kinh tế tự chủ. Người nông dân được giao đất, chủ động hoàn toàn trong sản xuất, có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, đóng góp các loại quỹ cho hợp tác xã, tự do bán các sản phẩm của mình làm ra. Đây là chính sách mới của Đảng ta nhằm giải phóng cho người nông dân khỏi sự ràng buộc của cơ chế kế hoạch hoá, tập trung quan liêu bao cấp, tạo ra động lực mạnh mẽ cho người nông dân phấn khởi tập trung vốn và đầu tư cho sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, vận dụng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị vào điều kiện cụ thể ở địa phương. Đảng bộ chủ trương giao đất cho hộ xã viên. Căn cứ vào diện tích hiện có, Đảng bộ chỉ đạo các hợp tác xã giao cho mỗi lao động chính 2 sào, trên cơ sở đất được giao khoán từ khi thực hiện Chỉ thị 100, điều chỉnh về mức giao mới. Đối với bộ máy quản lý hợp tác xã, Đảng

ủy chỉ đạo giảm bớt số thành viên trong Ban quản trị, chuyển việc điều hành sang làm dịch vụ cung ứng hai khâu là thủy lợi và phòng trừ sâu hại lúa. Các loại quỹ của hợp tác xã cũng giảm từ 8 loại xuống còn 3 loại là quản lý phí, thủy lợi phí và bảo vệ thực vật. Sau khi được giao đất, xã viên đã hoàn toàn chủ động, mạnh dạn bỏ vốn đầu tư vào sản xuất, chăn nuôi, tận dụng thời gian làm việc, sử dụng hợp lý sức lao động của từng thành viên trong gia đình, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng đại trà giống lúa ngắn ngày có năng suất cao, ít sâu bệnh như CR 203 thay cho giống lúa địa phương năng suất thấp. Kết hợp trồng lúa, trồng màu và chăn nuôi tạo được quy trình sản xuất khép kín trong kinh tế hộ. Phong trào hợp tác hoá ổn định và có bước phát triển theo chiều hướng mới. Sau 2 năm thực hiện Nghị quyết 10 và các chính sách về nông nghiệp, xã Lam Vĩ đã có những biến đổi căn bản trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Trong sản xuất nông nghiệp ngoài cây lúa người dân còn tận dụng ruộng một vụ, phát thêm bờ bãi trồng hàng chục héc ta ngô, khoai, sản mỗi năm thu trên 100 tấn dùng vào chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đàn trâu phát triển mạnh, tính đến năm 1991 đã có 1000 con, đàn lợn và gia cầm cũng tăng hơn trước. Nông dân đã có lương thực đủ ăn, có sản phẩm bán ra thị trường, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, tình trạng thiếu đói trong lúc giáp hạt không còn.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện khoán 10 đã nảy sinh nhiều khó khăn mới, tranh chấp đất đai trong nội bộ nông dân xuất hiện ngày càng lan rộng. Tại xã khi thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, ruộng đất khoán cho xã viên là đất nguyên canh theo từng đội sản xuất, tiện canh tiện cư thuận tiện cho việc chăm sóc và thu hoạch. Phương thức thu sản phẩm được tính theo hạng đất nên tương đối công bằng trong phân phối sản phẩm, nhưng cũng có một số hộ gia đình khi được giao đất tự chủ canh tác đã không tự giác nộp sản cho hợp tác xã mà Ban quản trị hợp tác xã chưa có biện pháp xử lý, người nộp, người không nộp từ đó làm cho xã viên thiếu tin tưởng vào Ban quản trị. Hơn nữa theo nguyện vọng chung của các xã viên trong toàn huyện muốn được canh tác trên mảnh đất của mình trước đây hiến vào hợp tác xã, tư tưởng này cũng lan nhanh đến xã Lam Vĩ, một bộ phận nông dân trong đó có một số ít cán bộ đảng viên từ cơ quan Nhà nước về xã đòi "đất ông cha" làm cho tình hình càng thêm phức tạp. Theo trào lưu chung những người có ruộng tìm mọi cách đòi ruộng làm cho những người đóng cổ phần bằng tiền (đồng bào Thái Bình lên khai hoang) không có ruộng cày, cấy ảnh hưởng đến đời sống. Trước tình hình đó một số xã viên bị mất ruộng ở đội Thâm Kết, đội Nà Tác kéo lên trụ sở Ủy ban chất vấn chính quyền,

Việc tranh chấp đất đai không xảy ra tràn lan nhưng khá gay gắt diễn ra tại khu vực Văn La nơi đã trở thành điểm nóng có tính điển hình ở huyện Định Hoá. Trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp, năm 1991 Huyện uỷ đã ra nghị quyết lãnh đạo giải quyết tranh chấp đất đai trên nguyên tắc công bằng, hợp lý, mọi xã viên đều có ruộng, bình đẳng, dân chủ, đúng luật và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời cử nhiều đoàn cán bộ xuống xã, giúp cơ sở tháo gỡ khó khăn. Chấp hành nghị quyết của Huyện uỷ, trong 2 ngày 15,16 tháng 5 năm 1991 Đảng bộ đã họp bàn chuyên đề về giải quyết đất đai và đi đến thống nhất chỉ đạo cử cán bộ, đảng viên xuống từng thôn, bản nắm bắt tình hình thắc mắc của nông dân, tuyên truyền giúp xã viên hiểu đúng luật đất đai, đồng thời đề ra phương án mới về giao đất trong toàn xã. Theo phương án này hợp tác xã vẫn giữ nguyên định mức 2 sào một lao động chính, nhưng đồng ý cho xã viên được chọn đất trên ruộng dư ra giao cho người không có đất sử dụng. Ban chỉ đạo của huyện phối hợp với chính quyền xã kiên quyết xử lý một số đảng viên, đưa ra truy tố trước pháp luật những người cố tình vi phạm luật đất đai. Mặt khác cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể xã tiếp tục xuống từng xóm, bản vận động nhân dân giúp đỡ lẫn nhau, khơi dậy tình làng

nghĩa xóm, những biện pháp của Đảng bộ phần nào đã phát huy được tác dụng, số hộ có ruộng vụ đầu cho những hộ không có ruộng mượn cày cấy, vụ sau họ tự điều chỉnh với nhau bằng cách trả một khoản tiền công khai phá cho người có ruộng, từ đó tình hình tranh chấp đất đai giảm dần đến cuối năm 1991 thì giảm hẳn. Riêng khu vực Nà Tác việc tranh chấp đất đai giữa người có ruộng và đồng bào khai hoang dai dẳng kéo dài nhiều năm⁽¹⁾.

Khi hộ xã viên trở thành đơn vị kinh tế tự chủ thì Ban quản trị lúng túng không chuyên đổi kịp phương thức điều hành, tổ chức hoạt động của các hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, Ban quản trị hợp tác xã không nắm được diện tích cụ thể của các hộ có đất xâm canh ở địa bàn khác, không nắm vững được sản lượng thu hoạch của từng hộ dẫn đến thu thuế không đạt kế hoạch. Xã viên nợ thuế dây dưa kéo dài, các loại quỹ hợp tác xã không thu được, các thành viên Ban quản trị hợp tác xã bỏ nhiệm vụ vì không có phụ cấp trách nhiệm. Tài sản của hợp tác xã như tủ đựng tài liệu, bàn ghế, bát đĩa, xoong nồi thất thoát không tìm được địa chỉ. Nghiêm trọng hơn đất công như nhà kho, sân kho, đất chuồng trại, đất nhà trẻ bị lấn chiếm. Ruộng hợp tác xã cải tạo thành ao, hồ trữ nước phục vụ cho sản xuất nay bị người dân đòi lại phá đi trồng lúa, hệ

(1) Năm 2004 được sự hỗ trợ của Tỉnh, Huyện mới giải quyết xong.

thống thuỷ lợi bị thu hẹp đáng kể, bờ vùng, bờ thửa thẳng hàng, thẳng lối biến mất, đường từ cánh đồng về sân kho, về các xóm, bản bị vạc nhỏ đi. Chỉ trong thời gian ngắn do ý thức xây dựng của người dân bị giảm sút đã xoá đi thành quả mà nhiều năm qua xã viên đã dày công xây dựng. Tính đến năm 1991 hợp tác xã mua bán, hợp tác xã nông nghiệp trên thực tế đã tan rã và ngừng hoạt động. Nguyên nhân yếu kém diễn ra trong thời kỳ suy thoái của hợp tác xã nông nghiệp ở xã Lam Vĩ một phần do tác động khách quan từ cơ chế mới, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là do sự chỉ đạo và quá trình tổ chức thực hiện của Đảng bộ còn nhiều lúng túng, thể hiện ở công tác tư tưởng, công tác tổ chức chưa chặt chẽ, công tác quản lý giáo dục đảng viên bị buông lỏng dẫn đến sức chiến đấu của các chi bộ, Đảng bộ bị giảm sút. Khi tranh chấp đất đai xảy ra chính quyền xã chưa đề xuất được biện pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện của địa phương, chỉ thụ động thực hiện một cách máy móc theo sự chỉ đạo của cấp trên. Tuy nhiên khi nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp chuyển hẳn sang sản xuất hàng hoá thì cách vận hành của hợp tác xã theo kiểu cũ không còn phù hợp và tự mất đi là tất yếu khách quan. Trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, hình thức kinh tế hợp tác xã ở Lam Vĩ nói riêng, toàn huyện nói chung tồn tại hơn 30 năm, trải qua nhiều thăng trầm trong các giai đoạn lịch sử đã từng bước vươn

lên làm tròn nhiệm vụ, huy động sức người sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B/ Đảng bộ Lam Vĩ tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện trên địa bàn xã 1991- 2000.

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc chủ trương của Trung ương Đảng về phát triển kinh tế hộ gia đình. Người lao động trực tiếp gắn liền với đất đai, tư liệu sản xuất. Thu nhập của người lao động gắn với kết quả lao động là động lực kích thích người dân chăm chỉ lao động làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Lợi thế của tổ chức kinh tế hộ gia đình là gọn nhẹ, không có những quy định mang tính hành chính, vì vậy quản lý điều hành linh hoạt, tiết kiệm nhân lực, thời gian và vật tư dẫn đến hiệu quả kinh tế cao hơn so với kiểu điều hành kinh tế hợp tác xã. Tuy nhiên chuyển sang kinh tế hộ thì quy mô đất đai bị xé lẻ, cách làm ăn manh mún, cơ cấu cây trồng vật nuôi không cân đối, sự gắn kết mang tính xã hội rời rạc. Do đó sản phẩm nông nghiệp chỉ đủ cung cấp cho gia đình chưa trở thành hàng hoá. Từ phân tích tình hình trên, Đảng bộ đã đề ra chương trình phát triển kinh tế xã hội 1992- 1995 theo hướng sắp xếp lại tổ chức, phát triển mạnh kinh tế hộ đồng thời cải tiến phương thức điều hành đưa sản xuất

nông nghiệp vào quỹ đạo chung, thống nhất trong toàn xã mà trọng tâm là chỉ đạo về cơ cấu trồng lúa, trồng màu, chăn nuôi và nghề rừng, bước đầu tạo đà cho sản xuất hàng hoá phát triển.

Về tổ chức, sắp xếp chuyển đổi hệ thống đội trường sản xuất sang thành trường các thôn, bản, đưa Trường thôn về vị trí đôn đốc công việc hành chính, giữ gìn an ninh trật tự, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mà trực tiếp là thực hiện nghị quyết của Đảng bộ, của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, điều hành những công việc thuộc nội bộ của nhân dân từ các thôn bản, giúp đỡ nhau trong việc tang, cưới, làm nhà.

Triển khai thực hiện chương trình của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân đã công bố bỏ chức danh đội trường sản xuất, hướng dẫn chỉ đạo từng thôn, bản bầu trưởng, Phó thôn bản. Trong sản xuất nông nghiệp không còn hợp tác xã thì xu hướng hợp tác từng phần do hộ gia đình tự tổ chức như đắp phai, làm thủy lợi nhỏ đưa nước từ các nguồn suối về ruộng, làm tăng thêm diện tích gieo cấy lên 235 mẫu (sấp xỉ trên 80 ha) nâng tổng diện tích canh tác gieo cấy cả năm (hai vụ) lên 305 ha. Một số giống mới như Nông nghiệp 8, CL23 đã được chỉ đạo cấy đồng loạt trên toàn bộ diện tích của xã, cùng với việc thực hiện tốt

các biện pháp kỹ thuật nên năng xuất bình quân những năm 1992-1995 đang dần được khôi phục. Nhờ kiện toàn hệ thống chính trị, Trưởng các thôn bản nắm vững diện tích gieo cấy và kết quả thu hoạch của từng hộ nên việc nộp thuế cho Nhà nước cũng nhanh gọn đảm bảo 120 tấn mỗi năm.

Về chăn nuôi vẫn giữ ở mức mỗi gia đình nuôi từ 1 đến 2 con trâu, 2-3 con lợn. toàn xã có 1100 con trâu, 2000 con lợn và nhiều gia cầm. Một số gia đình đã bắt đầu thí điểm nuôi bò, nuôi dê nhằm tăng thêm thu nhập bước đầu tạo ra nguồn thực phẩm để lưu thông trên thị trường.

Năm 1992 theo chủ trương của Ủy Ban nhân dân huyện cho phép các xã mở chợ, Ủy ban nhân dân xã đã sử dụng 3 mẫu ruộng một vụ (có đền bù phân hoa màu trên đất cho dân) làm mặt bằng mở chợ, thời gian đầu họp chợ rất sơ sài, chỉ có vài lều lợp bằng lá cọ, người dân trong vùng mang hàng hoá nông sản đến trao đổi, mỗi tháng họp 6 phiên (5 ngày họp 1 phiên). Ban đầu các mặt hàng còn rất ít, dần dần thương nhân từ Chợ Chu và các xã phía nam vào buôn bán trao đổi ngày một tăng. Chợ được mở ra làm xuất hiện thêm thành phần kinh tế mới là thương nghiệp dịch vụ đặt nền móng cho sự phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, sản phẩm làm ra

người nông dân đem trao đổi ngay trên quê hương mình không phải ra Chợ Chu xa hàng chục cây số như trước nữa. Chợ Lam Vĩ cùng hệ thống chợ trên toàn huyện đã góp phần điều tiết hàng hoá kể cả lương thực, thực phẩm. Làm cho tình hình khan hiếm các mặt hàng thiết yếu của thời bao cấp đã chấm dứt, tình trạng đói kém vào lúc giáp hạt cũng giảm hẳn.

Sau 3 năm nỗ lực phấn đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tình hình kinh tế, xã hội chuyển dịch đúng hướng, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần hình thành và đạt được một số kết quả đáng khích lệ, nông nghiệp phát triển trên tất cả các mặt trồng trọt và chăn nuôi, kinh tế có sự tăng trưởng, tình hình nông thôn trở lại thế ổn định. Qua đó Cấp uỷ chính quyền và các đoàn thể đã rút ra được một số kinh nghiệm đưa kinh tế hộ đi vào quỹ đạo phát triển chung. Có thể coi đây là sự mở đầu cho xã tiếp tục vươn lên giành thắng lợi trong những năm tiếp theo.

Năm 1995 thực hiện dự án đầu tư xây dựng ATK Thủ đô kháng chiến năm xưa. Huyện Định Hoá được Đảng, Nhà nước đầu tư khá mạnh vào xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nên bước nhảy vọt cho nền kinh tế của huyện Định Hoá. Cùng với dự án xây dựng ATK, Lam vĩ là một trong những xã vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn của huyện được Trung ương, Tỉnh quan tâm đầu tư theo hai

nguồn: Nguồn vốn 135 cho các xã đặc biệt khó khăn mỗi năm 400 triệu đồng, nguồn vốn theo dự án xây dựng Lam Vĩ thành Trung tâm kinh tế xã hội của cụm xã phía bắc, trọng tâm là đầu tư vào xây dựng Điện- Đường -Trường-Trạm làm đòn bẩy cho Kinh tế của xã vươn lên thoát nghèo.

Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI ngày 24/1/1996 khẳng định việc Nhà nước đầu tư nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho xã là một thời cơ lớn, từ đó Đảng bộ hạ quyết tâm tích cực tạo mọi điều kiện thuận lợi để đưa các dự án của Trung ương vào đúng tiến độ, đồng thời tích cực phát huy nội lực tiếp tục thực hiện có hiệu quả quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá. Trong sản xuất nông nghiệp đưa giống lúa cao sản thâm canh trên toàn bộ diện tích ruộng, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, nâng năng suất lúa từ 35 tạ/ha lên 38 tạ/ ha. Tăng tỷ trọng thương nghiệp, dịch vụ, bước đầu xây dựng các cơ sở Thủ công nghiệp, vận tải hình thành một cách hoàn chỉnh cơ cấu kinh tế Nông-Lâm- Thương nghiệp- dịch vụ- Thủ công nghiệp. Sau khi thông qua phương hướng, Đại hội tiến hành bầu Ban chấp hành mới gồm 11 đồng chí do đồng chí Lương Văn Quang làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Phúc Độ làm Phó bí

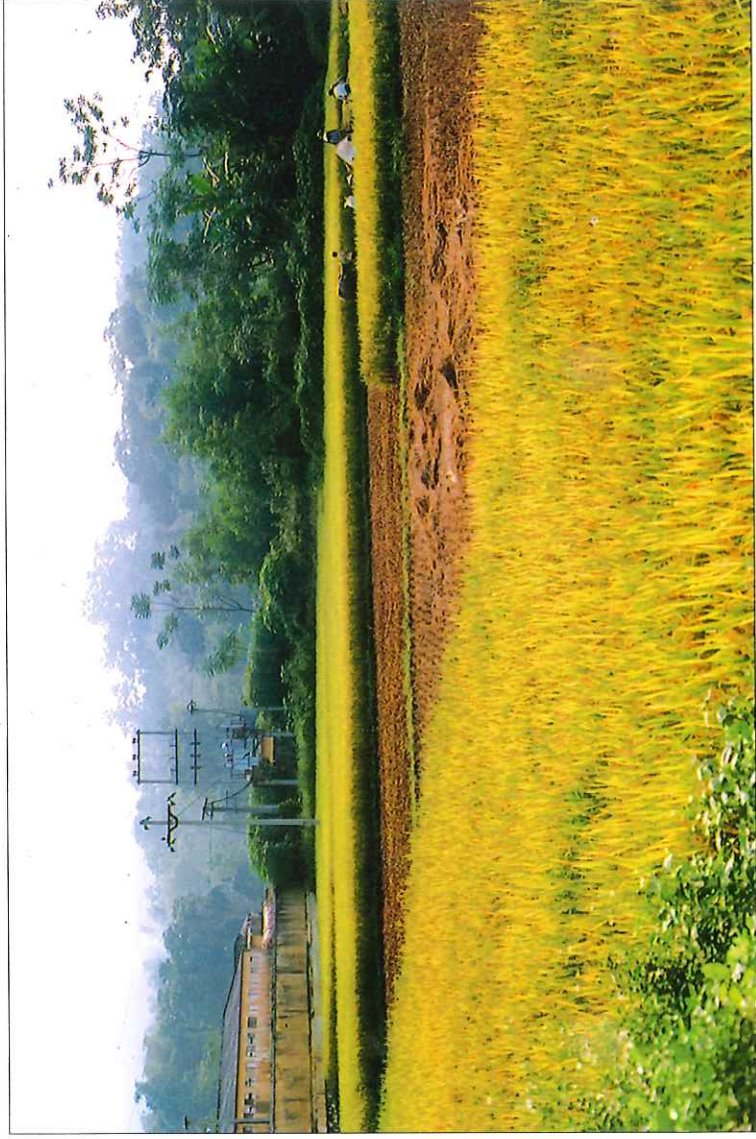
thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và đồng chí Nguyễn Văn Hiện Ủy viên thường vụ thường trực Đảng ủy. Để đạt được mục tiêu phương hướng nhiệm vụ do Đại hội đề ra, Ủy ban nhân dân đã tích cực điều hành, tổ chức thực hiện đồng thời tất cả các chương trình theo kế hoạch đã đề ra.

Về thực hiện đề án của trên, điện lưới quốc gia đã đến huyện từ năm 1992 nhưng đến đầu năm 1995 Nhà nước mới phê duyệt thiết kế đường dây tải điện vào xã Lam Vĩ, đến năm 1997 thì hoàn thành đường điện cao thế vào trung tâm xã. Năm 1998 xây xong trạm biến áp 250 KVA tại khu trung tâm xã, kèm theo dự án này Nhà nước đầu tư đường điện đến từng gia đình trên bán kính 4 km² xung quanh trạm điện trung tâm xã, hộ gia đình chỉ phải lo bóng đèn, các thiết bị và đường dây vào nhà. Tổng số đợt đầu có 409 hộ được hưởng theo chính sách này.

Về đường giao thông, theo kế hoạch trục đường Chợ Chu - Lam Vĩ- Linh Thông được tiến hành theo hai giai đoạn: Giai đoạn I từ năm 1998 đến năm 2000 rải nhựa đoạn Chợ Chu - Lam Vĩ, giai đoạn II từ 2000- 2005 rải nhựa nốt đoạn đường còn lại nhưng do gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn nên đến năm 2000 Nhà nước mới khảo sát thiết kế xong và bắt đầu thi công giai đoạn I.

Về chợ Nhà nước đã đầu tư trên 2 tỷ đồng để xây dựng kiên cố Trung tâm thương mại Lam Vĩ, đến năm 2000 đã hoàn thành 3 quán chợ, còn một số hạng mục khác như nền chợ, tường bao, công trình vệ sinh đang tích cực thi công dự kiến hoàn thành vào năm 2001.

Song song với xây dựng cơ sở hạ tầng Đảng bộ tập trung chỉ đạo vào mặt trận sản xuất nông - Lâm nghiệp coi đây là yếu tố nội lực quan trọng. Đối với sản xuất nông nghiệp Đảng bộ đã chỉ đạo hướng nông dân thay đổi giống lúa dài ngày, năng suất thấp bằng giống lúa Khang dân, Nông nghiệp 8, Tạp giao, Kim cương Trung quốc... là giống lúa nhiều năm được kiểm nghiệm, phù hợp với chất đất và khí hậu ở vùng núi, thời gian sinh trưởng ngắn, chịu được hạn, ít sâu bệnh hơn các giống lúa khác, năng suất cao. Cùng với thay giống lúa mới, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Hội nông dân còn phối hợp với phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện mời các kỹ thuật viên xuống từng thôn, bản mở các lớp tập huấn kỹ thuật canh tác, phương pháp phòng trừ sâu bệnh như phương pháp bảo vệ thực vật bằng IPM, dùng các chế phẩm sinh học, cây mạ non, điều tiết nước, dùng phân NPK phù hợp với từng thời kỳ sinh trưởng của cây lúa. Nhờ áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào đồng ruộng nên năng suất lúa đã vượt lên, nếu như năm 1996 đạt 36 đến



Sản xuất nông nghiệp ngành sản xuất chính trong cơ cấu kinh tế xã Lam Vỹ



38 tạ/ ha thì các năm tiếp theo đến năm 2000 đã tăng lên từ 10- 15%, riêng vụ xuân năm 2000 đạt 40 tạ/ha. Thực hiện cuộc vận động tăng diện tích cây màu với 2 loại cây chính là cây sắn và cây ngô được nông dân tích cực hưởng ứng. Đáng chú ý giống ngô lai Bai-ô-xít được đưa vào trồng đại trà ở vùng đất chỉ cấy được một vụ đã tăng lên trên 20 ha. Từ năm 1998 đến năm 2000 mỗi năm thu được trên 550 tấn hoa màu các loại (sắn, ngô, khoai lang...) nâng sản lượng lương thực hàng năm cả màu quy thóc đạt 2009 tấn.

Trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng ngoài cây chè có 30 ha, xã còn nhận được sự quan tâm của huyện với chương trình hỗ trợ vốn cải tạo vườn tạp để trồng cây ăn quả từ nguồn vốn 120, huyện hỗ trợ cho mỗi gia đình 500.000 đồng (trả bằng cây giống 200.000 đồng còn lại 300 ngàn đồng đầu tư vào chăm sóc), từ chính sách này đã khuyến khích nông dân tích cực thực hiện trên diện tích 50 ha trồng cây ăn quả, người nông dân đã phát triển hàng vạn cây mơ lai, mận tam hoa và hồng thạch thất.

Về Lâm nghiệp theo chủ trương của trên, xã đã giao 2150 héc ta rừng cho 357 hộ quản lý, khai thác (đạt 90%) bảo vệ rừng đầu nguồn, quản lý rừng tái sinh và trồng cây theo dự án 661, phủ xanh đất trống đồi núi trọc 38 ha, khoanh nuôi rừng tái sinh được 89 ha, sau 3 năm thực

hiện độ che phủ rừng toàn xã đạt 80%. Đến năm 2000 hầu hết diện tích rừng đã có chủ, từ đó người nông dân đã có thu nhập từ rừng ngày càng tăng nên ý thức bảo vệ rừng cũng được chú trọng.

Song song với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, Đảng bộ quan tâm chỉ đạo chuyển mạnh việc chăn nuôi sang sản xuất hàng hoá với nguồn lương thực và các loại rau màu khá dồi dào lại được kích thích bởi yếu tố thị trường, 100% hộ đã tích cực chăn nuôi gia súc, gia cầm để tăng thu nhập. Tính đến năm 2000 đàn trâu của xã đã có 1215 con, bò 117 con, lợn 2391 con, gia cầm bao gồm gà, vịt, ngan ngỗng có 18.656 con. Số lượng thịt cung cấp đủ cho nhu cầu tại chỗ của nhân dân và bán ra các chợ khác trong toàn huyện. Theo đánh giá của Ủy ban nhân dân xã, giá trị chăn nuôi đã vươn lên chiếm tỷ trọng 30% trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp của xã. Thu nhập từ chăn nuôi đã làm cho kinh tế gia đình được nâng lên có điều kiện để cung cấp cho con cái ăn học, mua sắm vật dụng đắt tiền trong gia đình như xe máy, ti vi, giường tủ ...

Đến năm 2000 nhờ các dự án của Nhà nước đầu tư nên cơ cấu kinh tế của xã bắt đầu phát triển vượt qua tình trạng tự túc, tự cấp, có sản phẩm nông nghiệp trao đổi trên thị trường, thương nghiệp dịch vụ phát triển, chợ ngày

càng sâu uất, một số hộ nông dân có thu nhập khá, hoặc một số hộ không có ruộng đã chuyển sang hoạt động buôn bán các mặt hàng thiết yếu như mắm, muối, xăng dầu và các loại thực phẩm tươi sống. Các cửa hàng nhỏ chẳng những ở quanh chợ mà ở các xóm bản và các nơi hẻo lánh như Nà Tắc cũng có cửa hàng tạp hoá phục vụ đời sống thường ngày của nhân dân.

Trong giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã không tránh khỏi những khó khăn, thách thức của quy luật thị trường. Trước tiên về cây ăn quả trong chỉ đạo thực hiện chưa lường hết được những khó khăn sau này, trong tư tưởng chỉ đạo của các cấp và nông dân đều chạy theo phong trào, hàng vạn cây mơ được đầu tư chăm sóc, khi được thu hoạch thì không có đầu ra. Năm đầu bán được 1.500 đồng/1kg, mấy năm sau chỉ còn 500 đồng/1kg, thậm chí 200 đồng/kg, nông dân chán nản đã chặt phá để trồng các loại cây khác. Từ hậu quả của dự án trồng mơ mấy năm sau theo chỉ đạo của phòng nông nghiệp huyện, cấp uỷ chính quyền xã lại vận động nông dân trồng một số cây như hồng không hạt, vải, nhãn... nhân dân đã dè dặt không giám trồng tiếp dẫn đến kế hoạch trồng cây ăn quả không đạt chỉ tiêu. Năm 2000 kế hoạch trồng cây ăn quả là 20 ha nhưng chỉ đạt được 2,5 ha.

Về chăn nuôi gia súc, gia cầm chủ yếu vẫn là chăn thả tự nhiên, các sản phẩm đưa ra thị trường chủ yếu là lợn và gia cầm. Trâu vẫn chỉ dùng để cày kéo là chính, một số loại gia súc là đặc sản để tiêu thụ như dê, bò lại phát triển chậm.

Bắt đầu từ năm 1998 Nhà nước thu thuế bằng tiền nhân dân không phải gánh thóc đem nộp vào kho như trước. Các nguồn thu theo luật được triển khai, các nguồn thu cho ngân sách tuy không nhiều nhưng từ năm 1998 trở đi xã đã thu được gần 150 triệu đồng, năm 1999 thu được trên 244 triệu đồng.

Mục tiêu cho giáo dục đào tạo trong những năm cuối thế kỷ XX và những năm tiếp theo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá. Căn cứ vào mục tiêu trên Trung ương Đảng đã ra nghị quyết lần thứ hai (khoá VIII) chuyên đề về giáo dục đào tạo nhằm cụ thể hoá những mục tiêu trên. Triển khai nghị quyết của Trung ương và Chỉ thị 03 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên (khoá XV), Đảng bộ chủ trương chọn địa điểm xây dựng xong trường lớp trước khi sắp xếp lại tổ chức các cấp học. Địa điểm Trường tiểu học đặt tại khu vực Lèo Hấu (Nà Toán). Địa điểm Trường Trung học cơ sở đặt ở khu Khẩu Phá (Nà

Toán). Chấp hành nghị quyết của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân đã huy động nhân dân đóng góp tre, nứa, lá và công lao động xây dựng 14 phòng học, 1 phòng làm việc của Ban giám hiệu cho trường tiểu học và 10 phòng học cho Trung học cơ sở. Sau khi chuẩn bị xong trường lớp năm học 1997- 1998 dưới sự chỉ đạo chuyên môn của phòng giáo dục huyện, Lam Vĩ đã tách Trường phổ thông cơ sở (cấp I, II) thành hai trường: Tiểu học và Trung học cơ sở. Tập trung một số nhóm trẻ của các thôn về khu trung tâm xã thành lập Trường mẫu giáo. Trường trung học cơ sở, tiếp thu toàn bộ cơ sở vật chất của trường phổ thông cơ sở cũ với diện tích mặt bằng là 6987m². Trường Tiểu học chuyển về địa điểm mới với diện tích 14167m².

Về tổ chức, Trường trung học cơ sở có 16 giáo viên với 11 lớp, 389 học sinh gồm (3 lớp 6; 3 lớp 7; 2 lớp 8; 1 lớp 9) do đồng chí Hà Văn Cam làm Hiệu trưởng. Trường tiểu học có 27 giáo viên, 717 học sinh với 28 lớp (có 16 lớp ở khu trung tâm, 12 lớp ở 3 phân trường là Văn La, Khau Viêng, Tam Hợp). Do đồng chí Phạm Thị Tươi làm Hiệu trưởng. Riêng trường mẫu giáo có 11 lớp ở khu trung tâm, 3 nhóm trẻ còn lại ở ba khu vực: Văn La, Khau Viêng, Tam Hợp với số lượng 140 cháu do đồng chí Hứa Thị Tòng làm Hiệu trưởng. Tính đến năm học 1997- 1998 ba cấp học ở xã được hình thành riêng biệt, mỗi trường

đều có Ban giám hiệu, chi đoàn, công đoàn riêng. Về chi bộ có hai chi bộ là chi bộ Trường Trung học cơ sở và một chi bộ ghép Tiểu học và mẫu giáo. Đối với trường mẫu giáo đến năm học 1999- 2000 mới bắt đầu phân chia trẻ học theo độ tuổi. Đội ngũ giáo viên duy chỉ có cô Hiệu trưởng là cán bộ biên chế Nhà nước còn lại đều do dân lập, dân nuôi mỗi tháng được trả 20kg thóc. Năm 1999 khi có chủ trương thu học phí bằng tiền, nhà trường đã thu theo độ tuổi: nhóm trẻ 5 tuổi thu 25.000 đồng/tháng/ cháu, nhóm trẻ 3 tuổi thu 20.000 đồng/tháng/cháu, nhóm trẻ 2 tuổi trở xuống 15.000 đồng/ tháng/ cháu. Từ đó giáo viên được trả công từ 250.000 đến 300.000 đồng/tháng, với chế độ đãi ngộ theo phương thức này, đời sống giáo viên mẫu giáo quá chật vật. Về chuyên môn giáo viên hàng năm đều được sở, Phòng giáo dục tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nên chất lượng giảng dạy được nâng lên, số lượng giáo viên dạy giỏi tăng dần theo từng năm học, năm 1976-1977 chưa có giáo viên dạy giỏi thì đến năm học 1998- 1999 đã có giáo viên giỏi cấp huyện với tổng số là 15 đồng chí cả hai trường, giáo viên giỏi cấp trường cũng tăng khá. Từ đó tỷ lệ học sinh lên lớp, đỗ tốt nghiệp tiểu học đạt 99-100%, Trung học cơ sở đạt 98- 99% . Tuy nhiên những hạn chế của giáo dục đào tạo xã Lam vĩ còn bộc lộ rõ nhất là xã

hội hoá giáo dục chuyển biến chậm, việc đóng góp vốn đối ứng theo phương thức "Nhà nước và nhân dân cùng làm" chưa được cha mẹ học sinh hưởng ứng nhiệt tình do đó nhiều năm thu tiền xây dựng không đạt kế hoạch, làm cho việc đầu tư xây dựng trường lớp, mua sắm thiết bị học tập còn gặp khó khăn. Nguyên nhân của những hạn chế trên là do người dân còn quá nghèo, nhưng về chủ quan trong tư tưởng của cán bộ và nhân dân phần nào còn trông chờ ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước do đó phần nào giảm hiệu quả của yếu tố nội lực.

Công tác phòng bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân thường xuyên được quan tâm. Trạm xá được mở rộng với 10 giường bệnh, nhà hộ sinh, có đội ngũ y, bác sĩ, y tá thay nhau thường trực chữa những bệnh thông thường và chị em đến sinh nở được chăm sóc tại trạm xã không phải đưa lên tuyến huyện. Hàng năm trạm xá đã phối hợp với Ban giám hiệu nhà trường khám bệnh định kỳ cho hàng nghìn học sinh, tiêm chủng mở rộng 6 loại vắc xin cho 700 lượt trẻ em. Chỉ tính trong năm 2000 trạm y tế xã đã tổ chức khám bệnh cho 1.698 lượt người, trong đó khám bảo hiểm 170 người, khám thai, kiểm tra các bệnh cho phụ nữ 480 lượt chị em. Từ năm 1999 được công nhận là xã đã thanh toán xong bệnh phong và bệnh lao theo quy định của bộ y tế.

Vấn đề dân số trước năm 1995 tuy đã có biện pháp hạn chế nhưng chưa được chỉ đạo quyết liệt, nên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn cao là một trong những nguyên nhân sinh ra nghèo đói. Năm 1996 theo sự chỉ đạo của cấp trên hệ thống cộng tác viên dân số được thành lập gồm một cán bộ chuyên trách và 19 cộng tác viên phụ trách 19 thôn bản. Đây là một nhiệm vụ hết sức mới mẻ và khó khăn đối với một xã vùng sâu, vùng xa như Lam vĩ, nhưng dưới sự chỉ đạo của Đảng uỷ, Uỷ ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đã phối hợp với hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Trạm xá và các đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động xây dựng nếp sống văn hoá và tâm lý sinh ít con (từ 1 đến 2 con) để có điều kiện nuôi dạy con tốt, đảm bảo hạnh phúc gia đình. Vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại. Sau ba năm tích cực vận động số người sinh con thứ ba giảm đáng kể nếu như năm 1997 có 7 người sinh con thứ 3 thì các năm 1999- 2000 cả xã chỉ còn 3 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm chỉ còn 1,7%/năm. Công tác kế hoạch hoá gia đình đã góp phần làm cho nhịp độ phát triển dân số được cân đối, ổn định.

Thực hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn" "đền ơn đáp nghĩa" các ngành chức năng luôn đảm bảo các chế độ chính sách ưu đãi của Nhà nước đến các đối tượng thương binh, gia đình liệt sĩ, cán bộ tiền khởi nghĩa và cán bộ hưu

trí nhanh chóng kịp thời và chu đáo. Hàng năm vào những ngày lễ lớn, dịp tết cổ truyền của dân tộc Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các Ban ngành đoàn thể đã tổ chức thăm hỏi động viên, gặp mặt tặng quà gia đình chính sách. Năm 1998 nhân dân đã đóng góp hàng trăm công lao động, Uỷ ban nhân dân chi hàng triệu đồng xây dựng, tu sửa đài liệt sĩ, lưu danh các liệt sĩ là con em của quê hương đã hy sinh thân mình vì độc lập tự do của Tổ quốc.

Cùng với sự phát triển kinh tế , đời sống văn hoá của nhân dân các dân tộc trong xã có bước phát triển mới. Tiêu biểu là phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" do Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam phát động được cụ thể hoá bằng 8 mục tiêu xây dựng làng bản văn hoá, 5 mục tiêu xây dựng gia đình văn hoá. Tổ chức thực hiện các mục tiêu trên, 100% thôn bản đã xây dựng quy ước nếp sống văn hoá, các gia đình đã tự nguyện đăng ký gia đình văn hoá, tôn trọng các quy định trong ma chay, cưới xin, giữ gìn vệ sinh, trật tự trị an nơi công cộng. Quá trình thực hiện nếp sống văn hoá trong từng thôn bản, trong từng gia đình đã có những chuyển biến bước đầu. Kết quả đến năm 2000 qua bình xét: về tập thể có 6 thôn đạt 6 mục tiêu, 5 thôn đạt 5 mục tiêu, các thôn còn lại mới đạt 4 và 3 mục tiêu. Có thể nói phong

trào thực hiện nếp sống văn hoá đã được triển khai trên diện rộng nhưng chưa có chiều sâu, chưa vững chắc. 3 năm thực hiện chưa có thôn nào đạt 8 mục tiêu, được công nhận làng văn hoá cấp huyện. Việc bình xét để công nhận gia đình văn hoá thực hiện chưa đầy đủ.

Công tác quân sự địa phương được Đảng bộ coi trọng, thực hiện pháp lệnh dân quân tự vệ, lực lượng dân quân được tổ chức lại, biên chế thành một trung đội nòng cốt gồm 3 tiểu đội cơ động và một tiểu đội trinh sát với số lượng 80 người là những thanh niên khoẻ mạnh có điều kiện hoạt động được bổ sung đầy đủ vũ khí trang bị, sẵn sàng cơ động đối phó với mọi tình huống xảy ra. Lực lượng rộng rãi mỗi thôn bản xây dựng một tiểu đội 12 chiến sĩ. Lực lượng dự bị động viên có 7 sĩ quan và 110 chiến sĩ. Công tác huấn luyện hàng năm thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đủ quân số, nội dung và thời gian huấn luyện, từ năm 1996-2000 gần 400 lượt cán bộ chiến sĩ dân quân đã được huấn luyện thuần thục các động tác kỹ thuật, chiến thuật theo phương án A2 (phương án tác chiến trị an) trong hệ thống phòng thủ của thể trận chiến tranh nhân dân do Ban chỉ huy quân sự xã xây dựng và được Chỉ huy quân sự huyện phê duyệt. Năm 1999 dân quân xã Lam Vĩ tham gia diễn tập PT99 đã huy động hàng

trăm công lao động sửa chữa nâng cấp 5 km đường giao thông liên xóm, thông qua diễn tập ý thức quốc phòng của nhân dân được nâng cao. Ngoài nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, Ban chỉ huy quân sự còn điều động dân quân phối hợp cùng với công an tuần tra canh gác giữ gìn an ninh trật tự, ngăn chặn các tệ nạn xã hội, giữ yên xóm làng.

Lực lượng công an thường xuyên được củng cố, tăng cường tuần tra canh gác phát hiện và xử lý các vụ việc làm mất trật tự an ninh trên địa bàn. Mặt trái của cơ chế thị trường đã xâm nhập vào cả vùng núi, vùng sâu, vùng xa, ở Lam Vĩ một số thanh niên hư hỏng đã mắc vào tệ nạn xã hội nghiện hút ma túy, cờ, bạc ăn tiền dẫn đến trộm cắp vật gia tăng làm cho tình hình an ninh trật tự xã hội diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó lực lượng công an dưới sự chỉ đạo của Đảng uỷ thực hiện nghiêm túc chỉ thị 135 của Trung ương Đảng về đấu tranh phòng chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, mạng lưới an ninh nhân dân được thiết lập ở từng thôn bản, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc được phát động, các nghị quyết liên tịch giữa công an với các đoàn thể quần chúng như Cựu chiến binh, Thanh niên, Phụ nữ, và Nông dân đã được ký kết nhằm phối hợp các lực lượng, huy động tài lực của nhân dân, mở các đợt truy quét, bắt các đối tượng đi cai nghiện. Lực lượng công an được nhân dân ủng hộ

đã phát hiện xử lý mỗi năm từ 8 đến 12 vụ, riêng năm 2000 bắt và xử lý 16 vụ. Nhờ đó tình hình trộm cắp, say rượu, gây gổ đánh nhau giảm dần, an ninh trật tự ổn định. Thông qua nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, lực lượng công an đã tiến bộ, trưởng thành, vững vàng làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tuy vậy, hoạt động bảo vệ trị an còn gặp không ít khó khăn, trở ngại, các tệ nạn xã hội mặc dù đã bị kiềm chế, đẩy lùi nhưng hiện tượng đánh bạc, trộm cắp, nghiện hút vẫn hoạt động ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Số người nghiện đi cai về tái nghiện với tỷ lệ khá cao, đó là những tác động xấu, mầm mống gây mất ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là mối quan tâm lo lắng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong xã.

Đối với công tác xây dựng Đảng, trong những năm đầu của Thập niên 90 tình hình thế giới diễn biến hết sức phức tạp, nhất là từ khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, các nước Đông Âu khủng hoảng và lần lượt sụp đổ. Tình hình trong nước gặp nhiều khó khăn do Đế quốc Mỹ bao vây cấm vận và những yếu kém của cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp chưa được khắc phục làm cho nền kinh tế nước ta càng khó khăn hơn.

Về tư tưởng: những khó khăn gay gắt trực tiếp tác động tại địa phương làm cho không ít cán bộ đảng viên và

nhân dân bản khoăn lo lắng, thậm chí hoang mang giao động. Đặc biệt là phân vân, hẫng hụt khi hợp tác xã bị tan rã, kinh tế tập thể không còn giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế nữa, trong khi đó Nhà nước lại cho phép tư nhân, cá thể được tự do kinh doanh, tự chủ trong cơ chế thị trường. Về đối ngoại "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền lãnh thổ, bình đẳng cùng có lợi" một số đảng viên chưa thông cho rằng Đảng ta "bắt tay" với kẻ thù, đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Từ nhận thức trên một số đảng viên tự ý bỏ sinh hoạt, kỷ luật lỏng lẻo, trong sinh hoạt tự phê bình và phê bình giảm sút. Đặc biệt một số đảng viên không chấp hành nghị quyết của Đảng bộ, không cùng Đảng bộ tháo gỡ những khó khăn, còn theo đuôi quần chúng đi đòi "đắt ông cha" làm giảm uy tín của Đảng đối với quần chúng.

Về Tổ chức, từ năm 1988-1992 Đảng bộ duy trì tổ chức Chi bộ theo các hợp tác xã. Mỗi đội sản xuất thành một tổ đảng, khi lên hợp tác xã toàn xã thì mỗi đội sản xuất xây dựng thành một chi bộ. Khi hợp tác xã không còn, các hoạt động kinh tế, xã hội không gắn với tổ chức kinh tế tập thể dẫn tới các chi bộ lúng túng trong đề xuất nội dung lãnh đạo, do vậy các cuộc sinh hoạt chi bộ thưa dần, không đúng quy định, thường từ 3 đến 6 tháng mới

sinh hoạt một lần. Nội dung sinh hoạt nghèo nàn, do đó suốt những năm 1991-1992 Đảng bộ xã hoạt động yếu. Đảng uỷ chỉ hoạt động mang tính sự vụ, hành chính, quan hệ giữa Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, các đoàn thể thiếu gắn kết chặt chẽ.

Tháng 6/1992, Nghị quyết Trung ương III (khoá VII) về "đổi mới chính đôn Đảng" ra đời nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ngang tầm với nhiệm vụ mới. Trọng tâm của Nghị quyết Trung ương III là sắp xếp lại tổ chức, đổi mới công tác cán bộ, đưa chi bộ về địa bàn thôn, bản, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng phải được thấu suốt trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Đối với tổ chức cơ sở Đảng nói chung, Đảng bộ Lam Vĩ nói riêng, Nghị quyết Trung ương III (khoá VII) đã tháo gỡ những khó khăn về nhận thức, chỉ đường dẫn lối cho Đảng bộ vượt qua những lúng túng ban đầu. Quá trình đổi mới chính đôn Đảng là quá trình đấu tranh về tư tưởng nhằm đạt đến nhận thức mới về xây dựng Đảng.

Đầu năm 1993 huyện Định Hoá triển khai đến cơ sở các bước thực hiện Nghị quyết Trung ương III. Đảng bộ xã mở đợt sinh hoạt chính trị quán triệt những nội dung cơ bản của Nghị quyết đến các chi bộ, đồng thời xây dựng chương trình hành động cho Đảng bộ thực hiện bao gồm những điểm chính sau:



Trung tâm chính trị xã Lam Vỹ
(Trụ sở UBND và trạm tiếp sóng truyền hình xã)



- Về tư tưởng, đối chiếu với nội dung nghị quyết chỉ ra những sai sót, hạn chế của Đảng bộ, chi bộ, đảng viên trong thời gian qua, giải đáp những thắc mắc, băn khoăn về những chủ trương mới của Đảng ta, uốn nắn những nhận thức lệch lạc về vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, yêu cầu mỗi đảng viên đều phải tự học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ, để thật xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo mọi mặt đời sống xã hội ở địa phương.

- Về tổ chức, toàn Đảng bộ chia thành 16 Chi bộ, lãnh đạo 19 thôn bản và Nhà trường, đó là các chi bộ Làng Hồng, Nà Loong, Làng Quyền- Thâm Pục, Làng Há, Nà Toán, Nà Làng, Khau Viêng- Nà Tắc, Bản Tòng, Làng Giản, Làng Cỏ, Nà Đin- Nà Tiếm- Bản Cáu, Cốc Ngạn, Đồng Kền, Đồng Keng, chi bộ Trường tiểu học- Mầm non và chi bộ trung học cơ sở.

- củng cố hệ thống chính trị, sắp xếp lại đội ngũ, đổi mới phương thức và nội dung lãnh đạo cho phù hợp với tình hình mới, tiến hành kiểm tra rà soát đưa ra khỏi Đảng 17 đảng viên tự ý bỏ sinh hoạt, không đóng đảng phí, không hoạt động.

Sau hơn một năm thực hiện nghị quyết Trung ương III (khoá VII), Đảng bộ đã cố gắng, phấn đấu thực hiện các mục tiêu đã đề ra và có những chuyển biến

rõ rệt. Việc đưa chi bộ về lãnh đạo thôn bản là chủ trương phù hợp với điều kiện cụ thể ở nông thôn, nhất là nông thôn miền núi. Thực tế ở xã Lam Vĩ cho thấy Chi bộ thôn bản đã gắn bó mật thiết với đời sống của nhân dân, nắm bắt được những tâm tư nguyện vọng của nhân dân, từ đó đề xuất được nội dung lãnh đạo phù hợp với điều kiện cụ thể của từng thôn bản. Trong công tác quản lý đảng viên cũng có những tiến bộ mới, Chi bộ sinh hoạt đều, trong sinh hoạt nhận thức của đảng viên về kinh tế thị trường ngày càng sáng tỏ, đó là đảng viên cần nhanh chóng thích ứng với cơ chế thị trường, gương mẫu đi đầu về tinh thần tiếp thu cái mới, đi đầu trong lao động sản xuất tự vươn lên làm giàu chính đáng, bản thân và gia đình phải phấn đấu vượt qua đói nghèo mới đủ khả năng lãnh đạo quần chúng, đó là những điểm mới về phẩm chất, năng lực của người đảng viên.

Kết quả bình xét năm 1993 tổng số 107 đảng viên: đủ tư cách mức I là 41 đồng chí đạt 38,3%, đảng viên mức II là 63 đồng chí đạt 61,7% . Năm 1994 tổng số 114 đảng viên: đạt mức I là 50 đồng chí đạt 43,8%, mức IV vẫn còn 2,6%. Năm 1995 đảng viên đạt mức I: là 70 đồng chí bằng 61,4 %. Từ năm 1993- 1996 Đảng bộ chỉ đạt loại khá⁽¹⁾. Từ năm 1997 đến 6 tháng đầu năm 1999 Đảng bộ đã vươn lên đạt trong sạch vững mạnh.

(1) Theo báo cáo thống kê của Ban tổ chức Huyện uỷ Định Hoá.

Đôi với Đảng uỷ, bước đầu đã xây dựng được quy chế làm việc, quy định các mối quan hệ giữa Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, các đoàn thể và các chi bộ. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Chất lượng các nghị quyết của Đảng uỷ có tiến bộ đã đề cập được những vấn đề cần giải quyết do cuộc sống đặt ra sát hợp với nguyện vọng của nhân dân. Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân được củng cố theo quyết định 46-CP của Chính phủ và quyết định 161/QĐ-UB của Uỷ ban nhân dân tỉnh, chức năng nhiệm vụ của các thành viên được phân định rõ ràng hơn, bộ máy điều hành được sắp xếp lại bước đầu thông suốt từ xã đến các thôn bản. Tuy vậy quá trình thực hiện nhiệm vụ còn lúng túng và sai sót làm cho hoạt động của chính quyền kém hiệu lực, biểu hiện ở công tác quản lý ngân sách chưa chặt chẽ, việc quản lý đất đai, giải quyết tranh chấp đất ở vùng có hộ xâm canh còn để lại nhiều dư luận không tốt trong nhân dân.

Nguyên nhân chủ quan của những hạn chế là khâu cán bộ. Đội ngũ cán bộ xã (cũng như các xã khác trong huyện) trưởng thành từ thời bao cấp, trình độ có hạn ít được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chưa nắm vững quy định mới trong công tác điều hành nên khả năng chuyên các nghị quyết của Đảng thành chương trình cụ thể vận dụng vào cuộc sống còn nhiều khó khăn. Nhiều

chủ trương của Đảng uỷ xã đề ra tổ chức thực hiện chậm hoặc bỏ sót không thực hiện.

Nhằm nâng cao trình độ năng lực công tác của cán bộ đảng viên. Đảng uỷ đã cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ chuyên môn tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện. Thực hiện cuộc vận động xây dựng tổ chức chính đồn Đảng theo nghị quyết trung ương 6 lần 2 khoá VIII từ tháng 8/1999 đến năm 2000 Đảng bộ đã nghiêm túc thực hiện và hoàn thành bước 2 của cuộc vận động, từng đảng viên, cán bộ tự kiểm điểm, tự phê bình và phê bình lấy việc học tập đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm chuẩn mực. Qua thực hiện cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng. Đảng bộ đã nhận ra những khuyết điểm làm hạn chế hiệu quả công tác, từ đó từng bước đề xuất biện pháp khắc phục. Trong quá trình xây dựng Đảng bộ việc củng cố chi bộ trong sạch vững mạnh, đảng viên đủ tư cách được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo mà trọng tâm là nâng cao chất lượng sinh hoạt, đảm bảo ba tính chất lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu, qua thực tiễn chi bộ đã phát huy được vai trò là hạt nhân lãnh đạo triển khai thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến từng thôn bản, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Về tổ chức, tăng thêm ba chi bộ do mở rộng địa bàn dân cư theo quyết định 364 của chính

phủ, đến đầu năm 2000 có 19 Chi bộ lãnh đạo 20 thôn bản (có 4 chi bộ ghép). Chất lượng đảng viên tiến bộ rõ rệt: Năm 1997 đảng viên đủ tư cách mức I đạt 57,2% , thì năm 1999 đảng viên mức I đạt 70%, mức II 30%, không còn mức III mức IV. Chi bộ có 66% trong sạch vững mạnh, 34% khá. Từ năm 1997 đến năm 2000 đã vươn lên cả 19 chi bộ đều trong sạch vững mạnh. Và Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh 3 năm liền.

Về công tác phát triển đảng viên mới từ năm 1990 đến 1995 phát triển chậm do nhiều diễn biến phức tạp khi kinh tế tập thể không còn nữa, nhiều chi bộ lúng túng. Nhưng từ năm 1996 đến năm 2000 Đảng bộ đã tích cực uốn nắn những sai lệch và chú trọng công tác phát triển đảng viên mới, trong 5 năm đã kết nạp được thêm 81 đảng viên, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ lên 181 đồng chí, trong đó đảng viên chính thức 148, dự bị 33 đồng chí, đảng viên miễn sinh hoạt 16 đồng chí, đảng viên nữ 39 đồng chí. Tuổi đời từ 41 trở lên 109 đồng chí bằng 61%, từ 40 tuổi trở xuống có 72 đồng chí bằng 39%. Phân tích số liệu trên có thể thấy, đảng viên trẻ và đảng viên nữ còn ít, phần nào hạn chế sức vươn lên của Đảng bộ.

Nguyên nhân đạt được kết quả trên là do Đảng bộ đã có chuyển biến về nhận thức, thực hiện đúng phương châm của Đảng trong giai đoạn này là lấy " phát triển kinh

tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt", nghị quyết của Đảng bộ từng bước cụ thể hoá các chủ trương của cấp uỷ cấp trên, vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương nên bám sát thực tiễn hơn, kết quả mang lại cao hơn. Trong quá trình hoạt động đảng bộ luôn tôn trọng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Ban thường vụ coi trọng khâu đoàn kết trên nguyên tắc tập trung dân chủ làm cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng và hành động của toàn Đảng bộ.

Hoạt động của Hội đoàn thể từ năm 1993 đến năm 1995 chưa đều hầu hết chỉ đạt ở mức trung bình. Hội cựu chiến binh còn được đánh giá xếp loại hoạt động yếu. Trước tình hình đó, Đảng uỷ đã chỉ đạo các đoàn thể tích cực đổi mới phương thức vận động quần chúng đi vào xây dựng các chương trình cụ thể mang lại lợi ích thiết thực cho hội viên. Từ đầu năm 1996 đã xây dựng hệ thống chi hội đến từng thôn, bản, các tổ chức hội đã làm nòng cốt và trực tiếp triển khai thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" với những nội dung cụ thể về xây dựng gia đình, làng bản văn hoá, góp sức xây dựng Đảng bộ, xây dựng chính quyền vững mạnh, ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Phong trào được sự chỉ đạo của Huyện hội, các ngành đã dần dần đi vào nền nếp. Hội Nông dân vận động hội viên và nhân dân

tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, tiếp thu khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất. Hội Phụ nữ thực hiện 5 chương trình do Trung ương hội chỉ đạo. Ban chấp hành hội đứng ra tín chấp vay vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chị em đầu tư phát triển kinh tế gia đình, giúp nhau xoá đói giảm nghèo từ đó đời sống được cải thiện. Thông qua các hoạt động theo phương châm vì sự phát triển của cộng đồng, vì quyền lợi của hội viên từ năm 1996 đến năm 2000 nhiều gia đình hội viên vượt lên có thu nhập khá, hội viên nghèo giảm đáng kể. Hàng năm tổng kết các hội đoàn thể xã Lam Vĩ đều được huyện hội tặng giấy khen. Hội phụ nữ được Tỉnh hội tặng bằng khen.

Quá trình xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh là quá trình phấn đấu bền bỉ và liên tục, khắc phục những khó khăn yếu kém, bằng nỗ lực chủ quan của mình, đưa Đảng bộ từng bước vươn lên đạt được những thành tích đáng tự hào, có thể khẳng định trong 5 năm từ 1996- 2000 là những năm Đảng bộ xã Lam Vĩ chuẩn bị tích tụ các điều kiện khách quan, chủ quan để giành những thành quả mới có tính đột phá vào những năm tiếp theo.

CHƯƠNG V

NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI Ở LAM VĨ GIAI ĐOẠN 2000- 2005

Trong 2 ngày 14 và 15/9/2000, Đảng bộ tổ chức Đại hội lần thứ XVII nhiệm kỳ 2000 - 2005 đã hạ quyết tâm đưa sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội vươn lên với tốc độ tăng trưởng nhanh hơn, đồng thời xác định nông nghiệp nông thôn vẫn là mặt trận quan trọng nhất để xoá đói giảm nghèo, nâng dần đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân là mục tiêu phấn đấu thường xuyên, quyết liệt của Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân xã Lam Vĩ. Chỉ tiêu đặt ra cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế là:

- Chuyển 100% diện tích ruộng (226 ha) cây được 2 lúa ổn định và xen canh thêm một vụ màu đưa năng suất từ 38 tạ/ha lên 42 tạ/ha/năm.

- Đưa tỷ trọng thương nghiệp dịch vụ, thủ công nghiệp chiếm 20% trong cơ cấu kinh tế của xã.

- Thu nhập bình quân đầu người từ 260.000 đồng/tháng lên 380.000 đồng/tháng.

- Xoá hộ đói, hạ tỷ lệ hộ nghèo từ 15 % xuống còn 3%.

Với tinh thần thống nhất tư tưởng, quyết tâm đổi mới Đảng bộ đã tiến hành bầu 9 đồng chí vào Ban chấp hành mới do đồng chí Nguyễn Văn Hiện Làm Bí thư, đồng chí Triệu Văn Tường Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Lôi Đình Nhân uỷ viên thường vụ, thường trực Đảng. Trên cơ sở quyết tâm của Đảng bộ. Ủy ban nhân dân đã xây dựng kế hoạch thực hiện cho toàn khoá, bằng những biện pháp cụ thể, thiết thực

Về xây dựng cơ sở hạ tầng được coi là khâu then chốt để chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Từ năm 2000 nhiều công trình lớn theo các dự án của Nhà nước về xây dựng ở Lam Vĩ Trung tâm cụm xã phía Bắc huyện đang từng bước đẩy nhanh tiến độ thi công, một số công trình trọng điểm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Đường trục chính từ Chợ Chu- Lam Vĩ- Linh Thông đến năm 2002 đã rải nhựa có 6 km chạy qua địa bàn xã. Các tuyến đường liên xóm trong hai năm 2001- 2002 đã được mở rộng, các tuyến đường từ trung tâm đi Đồng Keng -Thâm Kết dài 4km và Làng quyền - Nà Tác- Cà Đơ dài 7 km được sở giao thông, Ban định canh định cư tỉnh đầu tư 60% kinh phí, xã huy động thêm nguồn vốn 135 và sức dân bằng đóng góp công lao động và một số vật liệu

có sẵn ở địa phương như đá, cát, sỏi với tổng số vốn lên tới 500 triệu đồng. Đặc biệt sở giao thông vận tải Thái Nguyên đơn vị đỡ đầu xã Lam Vĩ đã đầu tư 575 triệu đồng xây dựng cầu treo Đồng Keng. Cây cầu tình nghĩa này hoàn thành đã chấm dứt tình trạng khu vực Đồng Keng, Thâm Kết bị cô lập với trung tâm vào mùa mưa lũ. Đến năm 2003 nhìn chung hệ thống giao thông nông thôn ở Lam Vĩ được mở rộng, sửa chữa nâng cấp đi lại thuận tiện hơn trước.

Về Điện, từ năm 1998 điện lưới quốc gia đã đến trung tâm xã, các địa bàn còn lại phải tạm dùng vì thiếu vốn đưa đường điện cao thế về khu vực Tam Hợp - Khau Viêng. Nắm được nguyện vọng tha thiết của nhân dân vấn đề đưa điện về thôn bản là một yêu cầu bức thiết. Ủy ban nhân dân xã đã lập tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân huyện và Sở điện lực cho phép sử dụng vốn 135 để tập trung đưa lưới điện đến các khu vực còn lại thuộc địa bàn xã. Được Thường vụ Huyện uỷ nhất trí, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trên 850 triệu đồng từ nguồn vốn 135 trong hai năm (2001- 2002) và công sức của nhân dân, đường cao thế Tam Hợp - Khau Viêng dài 3,8 km, cùng 3 trạm biến áp tại Khau Viêng, Văn La, Tam Hợp đã lắp đặt xong. Có đường dây tải điện và các trạm hạ thế, xã đã huy động hơn 1000 công lao động kéo đường dây trực về

các xóm. Tính đến đầu năm 2003, 19/20 xóm, trên 90% số hộ đã có điện dùng. Còn lại khu vực Cà Đơ đường điện vẫn chưa đến được. Nguyên nhân do dân cư sống rải rác trên các sườn đồi cách xa nhau, làm cho việc xây dựng đường điện đến đây gặp khó khăn, phức tạp về kỹ thuật và giá thành quá cao. Nhân dân chưa đủ sức để đóng góp vốn đối ứng, đây là sự trăn trở của lãnh đạo xã đang tiếp tục tìm cách tháo gỡ khó khăn.

Về Chợ được xây dựng khang trang, cuối năm 2002 đã được nghiệm thu, đưa vào sử dụng.

Về thuỷ lợi, Đảng bộ coi đây là biện pháp quan trọng nhằm chuyển dịch nhanh và bền vững cơ cấu cây trồng làm cho năng suất, sản lượng tăng lên nên đã tích cực vận động nhân dân đóng góp 20% vốn đối ứng để nhanh chóng thu hút các nguồn vốn 135 tập trung, nguồn vốn định canh định cư vùng kinh tế mới của Trung ương. Liên tục từ năm 2001- 2005 xây dựng và kiên cố hoá hai công trình lớn đó là: kênh Nà Viên với số vốn 165 triệu (trong đó vốn Nhà nước 134 triệu, dân đóng góp 31 triệu) và cứng hoá 1.142 mét kênh mương đảm bảo nước tưới cho các cánh đồng thuộc các thôn Nà Toán, Làng Há và Làng Quyền. Kênh Văn La dài 1030 mét dẫn nước về các cánh đồng thuộc các thôn Làng Cỏ, Nà Tiêm, Bản Tổng, tổng số vốn cho công trình này là 337 triệu đồng có 43 triệu

đổi ứng của dân. Nâng diện tích cây được hai vụ từ hai công trình này là 200 ha. Đặc biệt xã được Chi Cục định canh định cư và Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp vốn trên 7 tỷ đồng xây đập Nà Tác, chặn các nguồn suối đổ về trữ nước tạo thành hồ rộng tới 300ha. Theo thiết kế lượng nước dự trữ trên 800.000m³. Năm 2005 đã hoàn thành các hạng mục công trình cơ bản. Tại đây còn có thác Khau Đác 9 tầng đổ nước xuống mặt hồ tạo nên cảnh sắc "sơn thủy hữu tình" giữa rừng Lam Vĩ. Hồ Nà Tác (hồ Khuổi Luông) hoàn thành chẳng những giải quyết được nỗi lo về nước tưới cho 100 ha ruộng tại khu vực Nà Tác, Khau Viêng và Nà Làng mà còn tạo ra khả năng cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường và khai thác du lịch trong tương lai. Tính đến năm 2005 hệ thống thủy lợi ở đã chủ động cho gần 200 ha đất cấy lúa một vụ cải tạo thành hai vụ đưa tổng diện tích trồng lúa của xã lên 440 ha, tăng 29 ha so với kế hoạch đề ra. Cùng với nhiều biện pháp tổng hợp, chỉ đạo sát lịch thời vụ, thống nhất cơ cấu giống cho từng vùng, mở nhiều lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật thâm canh lúa, từng bước trang bị kiến thức kỹ thuật sản xuất làm chuyển biến tư duy kinh tế, thay đổi cách làm ăn của người nông dân. Phần lớn gia đình đã tích cực đầu tư trang bị các công cụ lao động mới để giải phóng sức lao động và áp dụng nhiều biện pháp canh tác tiên tiến, lựa chọn những phương án sản xuất phù hợp mang



Hồ Nà Tắc - Công trình thủy lợi lớn



lại hiệu quả kinh tế cao hơn, từ đó năng suất sản lượng mỗi năm một tăng. Nếu như năm 2000 năng suất lúa chỉ đạt cao nhất là 35 tạ/ha/ năm, sản lượng đạt 1500 tấn thì đến năm 2003 đạt 40 tạ/ha/năm, sản lượng đạt 1700 tấn. Năm 2005 đạt 45 tạ/ha với 1990 tấn thóc, mỗi năm tăng từ 12 đến 15%.

Cùng với cây lúa cây màu cũng được chú trọng, nghị quyết của Đảng uỷ yêu cầu nhân dân đưa cây ngô xuống ruộng xen vào hai vụ lúa làm cho hệ số quay vòng trên một đơn vị diện tích đạt từ 2 đến 2,5 lần. Vụ đông năm 2005 cả xã đã trồng được 116,2 ha ngô, thu được 371,8 tấn ngoài ra thu hoạch sắn, khoai lang mỗi năm cũng đạt 400 tấn. Có thể nói dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng có bước tiến bộ rõ rệt, diện tích cây màu tăng nâng sản lượng lương thực (thóc và màu quy thóc) lên 2.486 tấn/ năm, bình quân lương thực đã tăng từ 400kg/người/ năm (năm 2001) lên 602 kg/người/ năm (năm 2005).

Theo chỉ đạo của huyện và xác định của Đảng bộ cây chè cũng là cây mũi nhọn để xoá đói giảm nghèo, là sản phẩm hàng hoá đưa ra thị trường nên đã xây dựng kế hoạch mỗi năm trồng mới từ 10-15 ha, cải tạo 5 ha để đến năm 2005 tổng diện tích chè của xã đạt trên 100ha, nhưng do tư tưởng của nhân dân còn coi nhẹ chưa thật tích cực

thực hiện nên việc trồng chè và sản xuất chè chưa thành phong trào chung của nhân dân. Mặt khác do tuyên truyền vận động, kiểm tra đôn đốc của cán bộ chưa sâu sát nên nhiều năm chỉ tiêu trồng chè do xã đề ra chỉ đạt từ 30-50% kế hoạch. Đến năm 2005 cả xã chỉ có 35 ha chè cũ, 25ha chè trồng mới, tổng cộng là 70ha. Hơn nữa kỹ thuật chăm sóc thu hái, sao tẩm chưa được cải tiến nên chất lượng chè chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, do đó thế mạnh của cây chè chưa được phát huy và thu nhập của người dân từ sản phẩm chè vẫn đứng ở hàng thứ yếu.

Đối với chăn nuôi, được huyện khuyến khích tạo điều kiện cho vay vốn với lãi suất ưu đãi hỗ trợ ban đầu cho những hộ chăn nuôi bò thịt (vật nuôi đất tiền). Khuyến nông huyện tổ chức tập huấn kỹ thuật nên đàn gia súc, gia cầm tăng cả về số lượng, chủng loại và chất lượng với 1.750 con trâu, 318 con bò, 2700 con lợn và 32000 con gia cầm. Đặc biệt đàn dê đặc sản đã có tới 450 con. So với năm 2000 giá trị chăn nuôi tăng hơn 40%.

Khi đường xá mở rộng thông thương đến các xóm, bản, một bộ phận nhân dân có điều kiện tập trung xây dựng nhà cửa ra hai bên đường lớn, quanh chợ thành hàng, thành lối, tạo thành một khu phố nhỏ, các cửa hàng buôn bán nhỏ xuất hiện theo yêu cầu phát triển mới của kinh tế hàng hoá. Ngoài các cửa hàng cung ứng vật tư

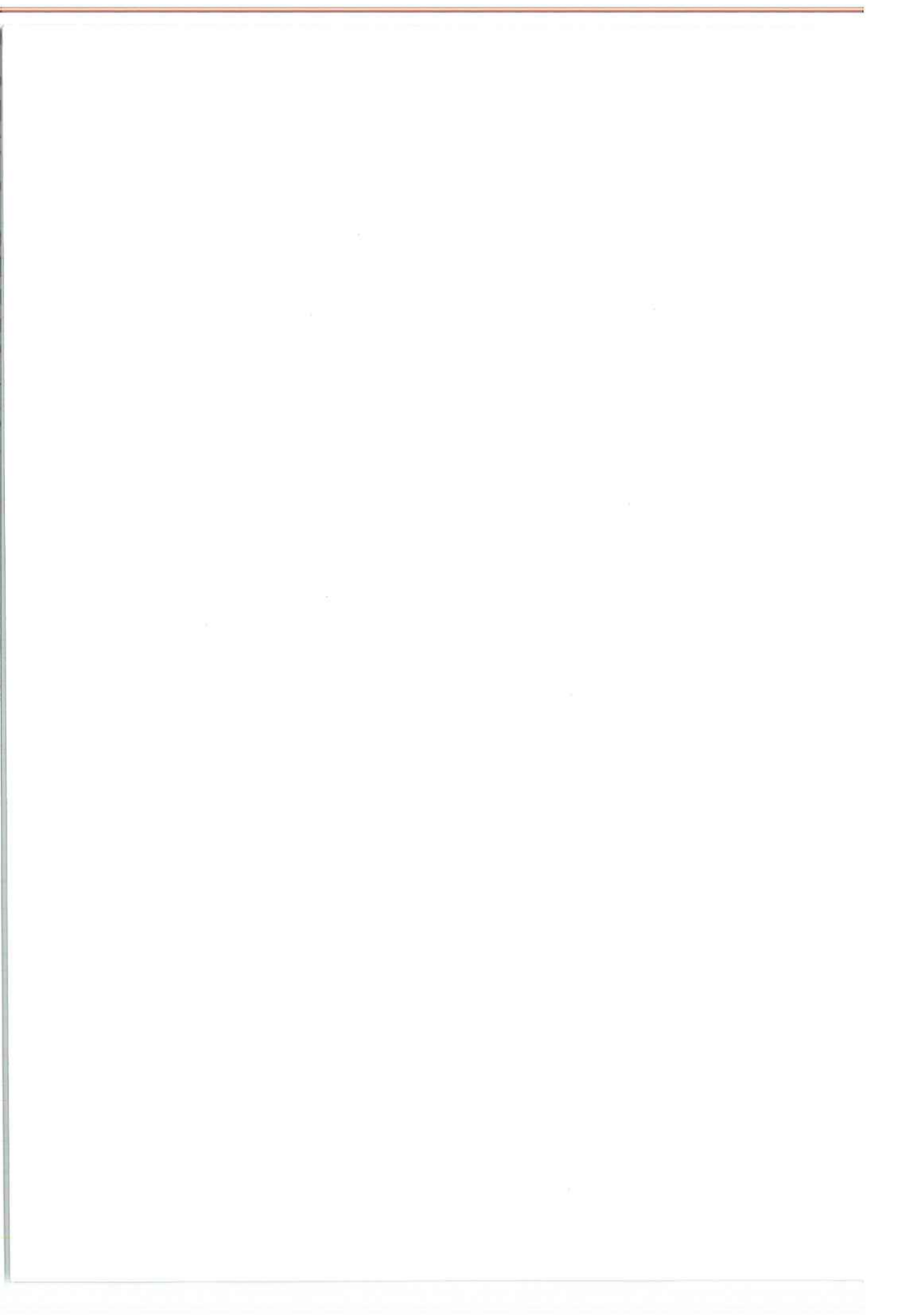
nông nghiệp, vật liệu xây dựng còn có các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, giải khát, sửa chữa điện tử, kinh doanh đồ điện, các cơ sở vi tính văn phòng, phô tô cop pi phục vụ tại chỗ nhu cầu của các tầng lớp nhân dân. Hàng ngày xe ca đến tận nơi đón, trả khách xuôi, ngược, cuộc sống sôi động làm cho nơi đây ngày càng đông vui tấp nập. Năm bắt được nhu cầu cần thiết của đời sống nhân dân ngày một tăng nhanh. Ban quản lý điện dân dụng từ năm 1998 được thành lập do xã quản lý điều hành đến năm 2003 được chính quyền cho phép chuyển đổi thành hợp tác xã dịch vụ tổng hợp vừa làm nhiệm vụ quản lý, bán điện cho dân vừa mở thêm một số ngành kinh doanh vật liệu điện và huy động vốn của các xã viên tổ chức sản xuất một số công cụ sản xuất nông nghiệp như: cày, bừa sắt, máy tuốt lúa giã đơn, máy thái sắn... Năm 2004 hợp tác xã tiếp tục huy động vốn mạnh dạn mua máy đóng gạch sử dụng công nghệ tiên tiến liên hoàn công suất 1000 viên/ ngày cung cấp gạch xi măng-cát cho nhân dân xây dựng nhà cửa, các công trình công cộng trên địa bàn xã và các xã lân cận. Năm 2005 vốn điều lệ của hợp tác xã đã đạt 250 triệu đồng đảm bảo công ăn việc làm cho 30 người với mức lương ổn định từ 600.000- 800.000 đồng/ tháng. Do bố trí sắp xếp công việc hợp lý, hợp tác xã làm ăn có lãi. Trả lợi tức cổ phần cho xã viên đồng thời đảm bảo 25% mức bảo hiểm cho xã viên, mỗi năm nộp ngân sách 13 triệu đồng.

Thương nghiệp, dịch vụ Thủ công nghiệp giai đoạn 2000- 2005 vươn lên đạt giá trị 300 đến 500 triệu đồng mỗi năm, đạt tỷ trọng 20% trong cơ cấu kinh tế của xã. Phân đấu thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2000- 2005) đề ra, tính đến cuối nhiệm kỳ 2005 kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã hình thành rõ nét, các chỉ tiêu kinh tế đều hoàn thành, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 25% năm 2000 xuống còn 7,03% năm 2005 (theo chuẩn cũ) là một cố gắng lớn.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện và sự hỗ trợ trực tiếp của Phòng Giáo dục, công tác giáo dục- đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được kết quả khá toàn diện. Đội ngũ giáo viên được điều chỉnh đủ số lượng và chất lượng được nâng lên. 100% giáo viên của cả ba trường đủ chuẩn theo từng cấp học. Tiếp tục thực hiện nghị quyết Trung ương II (khoá VIII) về nâng cao chất lượng giáo dục. Hàng năm giáo viên được dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do sở, Phòng giáo dục tổ chức nhằm nâng cao trình độ giáo viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy trong thời kỳ đổi mới. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, tổ chức thao giảng, đánh giá chất lượng, tham gia thi giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Năm 2000 Trường tiểu học có 12 giáo



Trung tâm thương mại Lam Vỹ



viên giỏi cấp huyện, 13 giáo viên giỏi cấp trường, đến năm 2005 có 14 giáo viên giỏi cấp huyện, 2 giáo viên giỏi cấp tỉnh. Trường trung học cơ sở năm 2000 có 4 giáo viên giỏi cấp huyện, đến năm 2005 có 16 giáo viên giỏi cấp huyện, 2 giáo viên giỏi cấp tỉnh và 20 giáo viên giỏi cấp trường.

Tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh lên lớp cao. Trong các năm học từ 2000- 2005 số lượng học sinh tốt nghiệp, lên lớp: Tiểu học đạt 100%, Trung học cơ sở là 98%, số học sinh giỏi trong 5 năm cả hai cấp (tiểu học và Trung học cơ sở) là 311 em giỏi cấp trường, 73 em giỏi cấp huyện, 23 em giỏi cấp tỉnh.

Cùng với việc nâng cao chất lượng học tập, thông qua công tác đoàn đội nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, cùng các chương trình giáo dục đạo đức cụ thể hoá bằng các phong trào "tiếp bước cha anh" "nối vòng tay lớn" "đền ơn đáp nghĩa" thông qua các phong trào này giúp các em tham gia vào các hoạt động như đến thăm hỏi, giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sĩ, tham gia trồng cây xanh ở sân trường, tổng vệ sinh hoặc các buổi cắm trại đầy hào hứng vào những ngày lễ tết. Những hoạt động trên đã góp phần hoàn thiện nhân cách cho học sinh, lành mạnh hoá cuộc sống, tạo không khí vui tươi trong nhà trường và xã hội.

Về xây dựng trường lớp từ năm học 2000-2005 được Nhà nước, các doanh nghiệp, các công ty của nhà nước quan tâm đầu tư lớn. Để thu hút nguồn vốn trên Đảng bộ đã chỉ đạo huy động công lao động và một phần góp vốn đối ứng của nhân dân để xây dựng trường học ngày một khang trang. Trường Tiểu học năm 2000 xây dựng 4 phòng học cấp 4 ở hai phân trường Văn La và Khau Viêng. Tiếp theo các năm học sau được Tổng công ty dệt may thành phố Hồ Chí Minh đầu tư xây dựng 8 phòng học kiên cố (2001), 4 phòng cấp 4 tại khu trung tâm. Để hoàn thiện khuôn viên, mặt bằng xã đã sử dụng vốn 135 bê tông hoá sân trường, xây tường rào bao quanh, tiếp tục kiên cố hoá 6 phòng học ở 3 phân trường lẻ Tam Hợp, Văn La, Khau Viêng và xây dựng thêm một lớp tại khu vực Cà Đơ. Năm 2002 nhà trường được công nhận là trường chuẩn cấp quốc gia.

Trường Trung học cơ sở được Tổng công ty dầu khí Việt Xô Pê-Trô tài trợ với số vốn 100.000 USD để xây dựng 10 phòng học cao tầng, 1 nhà đa năng, một nhà hiệu bộ, nhà tập thể giáo viên, các công trình phụ và 400m tường bao. Tính đến năm học 2004 - 2005 Trường trung học cơ sở đã đổi mới hoàn toàn, đảm bảo về cơ sở vật chất theo quy định của một trường chuẩn quốc gia. Hiện nay nhà trường tiếp tục hoàn thiện một số văn bản, hồ sơ đề nghị công nhận trường chuẩn cấp quốc gia.



Trường Trung học cơ sở xã Lam Vỹ



Trường mầm non đến năm học 2003-2004 được xây dựng lại 5 phòng học cấp 4 tại khu trung tâm theo nguồn vốn 135. Trường quản lý 3 phân trường lẻ: Văn La, Khau Viêng, Tam Hợp mỗi khu vực một lớp. Đến năm 2005 cơ sở trường lớp của cả 3 cấp học ở Lam Vĩ được xây dựng khang trang tạo điều kiện để sự nghiệp giáo dục bước vào thời kỳ mới - thời kỳ nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Quán triệt phương châm vừa kiến thiết trường sở vừa tổ chức dạy tốt học tốt, các trường đã tích cực phấn đấu trở thành trường tiên tiến cấp huyện, cấp tỉnh. Với tinh thần hiếu học và sự cố gắng của giáo viên và nhân dân Lam Vĩ đã hoàn thành chương trình phổ cập tiểu học năm 2001, phổ cập trong học cơ sở năm 2005 theo độ tuổi.

Về văn hoá, thông tin, thể dục thể thao có nhiều hoạt động thiết thực, bám sát nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ, tích cực tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng pháp luật của Nhà nước và từng bước đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của nhân dân, cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư được triển khai rộng rãi đến các thôn, bản, gia đình, trường học, đến cuối năm 2005 toàn xã có 9 thôn bản đạt 6 mục tiêu, còn lại là đạt từ 4-5 mục tiêu, 65% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá. Năm 2001 Nhà nước đầu tư xây dựng ở

xã một trạm tiếp sóng truyền hình cho khu vực vùng sâu, vùng xa phía bắc huyện và một hệ thống truyền thanh FM với 4 cụm loa tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp nhận nhanh thông tin được phát trên sóng truyền thanh, truyền hình, nắm bắt được tình hình trong nước và thế giới, mở mang thêm sự hiểu biết về xã hội.

Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao phát triển ngày càng sâu rộng, mang tính quần chúng rộng rãi, các xóm bản đều có đội văn nghệ, đội bóng đá, bóng chuyền. Hoạt động Văn nghệ đã trở thành tiêu chí phấn đấu của các trường nên phong trào rất sôi nổi. Vào các ngày lễ tết xã thường tổ chức các buổi thi đấu giao hữu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, đẩy gậy, kéo co, tung còn... đây thật sự là những hoạt động bổ ích vừa có tác dụng rèn luyện thể lực, vừa là dịp giao lưu văn hoá giữa các dân tộc. Cùng với những hoạt động thể thao xã cũng tổ chức những đêm biểu diễn văn nghệ với các tiết mục mang đậm bản sắc dân tộc như hát then, hát lượn, ca khúc cách mạng. Từ những hoạt động trên tạo điều kiện cho xã tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao và chọn được vận động viên có thành tích cao tham gia cuộc diễu hành biểu dương lực lượng trong Đại hội thể dục thể thao toàn huyện năm 2005; tham gia lễ hội lồng tồng ATK truyền thống của huyện tổ chức vào ngày 10 tháng giêng hàng năm với nhiều tiết mục đạt đạt giải cao trong toàn huyện.

Lam Vĩ còn là đơn vị có các vận động viên trong đội tuyển điền kinh của huyện đi thi cấp tỉnh đạt giải và một vận động viên đạt giải điền kinh quốc tế.

Được sự Lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ xã đã lồng ghép nội dung hai cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" và phong trào "xây dựng làng bản văn hoá, gia đình văn hoá" thành cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Qua 5 năm thực hiện cuộc vận động các chi bộ đã lãnh đạo các xóm bản, tổ chức nhân dân, dân chủ bàn bạc, cụ thể hoá những mục tiêu về gia đình văn hoá, làng bản văn hoá theo điều kiện của địa bàn. với một xã vùng sâu, vùng xa, địa hình phức tạp, dân cư không tập trung, Ban chỉ đạo xã phối hợp với các đoàn thể đã vượt qua khó khăn đưa phong trào vào nền nếp. Kết quả, qua 5 năm đã có 19/19 xóm xây dựng được các quy ước về xây dựng nếp sống văn hoá, 80% số hộ dân đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, 19/19 xóm xây dựng được nhà văn hoá trong đó có 3 xóm xây dựng được nhà văn hoá kiên cố, đó là nhà văn hoá thôn Làng Quyền được Cục quân khí - Tổng cục kỹ thuật đầu tư hơn 600 triệu đồng xây dựng khang trang, còn 2 thôn Làng Há, Nà Chè xây dựng theo cơ chế huyện đầu tư 5 triệu đồng, xã hỗ trợ 2 triệu đồng còn lại nhân dân đóng góp công sức, vật liệu và tiền. xây dựng với

tổng số tiền từ 25 đến 31 triệu đồng, số còn lại là nhà cột gỗ, lợp lá. Nhà văn hoá đã trở thành nơi hội họp, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của địa phương, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật canh tác và giao lưu văn hoá, văn nghệ của thôn bản.

Công tác y tế được quan tâm, thể hiện trong việc củng cố, xây dựng cơ sở vật chất của trạm xá xã. Phòng y tế huyện trực tiếp chỉ đạo về chuyên môn, đội ngũ cán bộ được biên chế khá đầy đủ gồm 1 bác sĩ, 4 y sĩ thường trực tại trạm xá xã và 19 y tá thôn bản. Năng lực khám chữa bệnh của đội ngũ y bác sĩ ngày càng được nâng cao, công tác phòng trừ dịch bệnh chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, các hoạt động chăm sóc sức khoẻ cộng đồng theo các chương trình tiêm chủng mở rộng các loại vắc xin phòng chống sốt rét, phòng bệnh sởi, uống vi ta min A cho trẻ em, khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho người nghèo được triển khai thường xuyên, không để bệnh dịch nguy hiểm phát sinh trên địa bàn xã, từ đó tạo được lòng tin của nhân dân đối với trạm y tế. Cuối năm 2005 Nhà nước phê duyệt dự án xây dựng trạm xá xã Lam vĩ theo chuẩn Quốc gia, dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2007.

Các hoạt động công tác dân số- gia đình -trẻ em, công tác truyền thông quản lý dân số, dịch vụ kế hoạch

hoá gia đình, chăm sóc bảo vệ quyền trẻ em được quan tâm chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc được triển khai sâu rộng trong toàn xã, Lực lượng công an hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền và sự hỗ của công an huyện, cùng với sự đồng tình ủng hộ của nhân dân trong đấu tranh chống tiêu cực xã hội đã thực sự là nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Lực lượng công an đã làm tốt công tác nắm tình hình trên địa bàn, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, các thôn bản, kịp thời tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền giải quyết những phát sinh có liên quan đến an ninh trật tự như trộm, cắp, gây gỗ đánh nhau, tai nạn giao thông, tranh chấp rừng. Đối với số người nghiện ma tuý xã đã kiên quyết đưa một số đi cai nghiện tại Trại 05-06 của tỉnh, còn lại tổ chức cai nghiện tại cộng đồng. Do được quản, lý giám sát chặt chẽ nên số người sử dụng chất ma tuý không phát sinh thêm, do đó 5 năm qua (2000-2005) xã Lam Vĩ luôn được huyện đánh giá là xã hoàn thành nhiệm vụ an ninh đạt loại khá, nhiều cán bộ chiến sĩ công an được nhận giấy khen, bằng khen của huyện, Tỉnh.

Công tác quân sự địa phương, thường xuyên được kiện toàn tổ chức, bổ xung cán bộ chủ chốt mỗi khi thay đổi chức danh sau bầu cử Hội đồng nhân dân. Hàng năm

kết nạp từ 15-20 chiến sĩ trẻ, khoẻ vào lực lượng nòng cốt. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng đều hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. 100% cán bộ xã, thôn, bản theo phân cấp đã được bồi dưỡng các chuyên đề về kiến thức quốc phòng, về quan điểm chiến tranh nhân dân tại trường quân sự tỉnh (đối với Chủ tịch, Bí thư, xã đội trưởng) và tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện (đối với cán bộ đoàn thể, khối uỷ ban, Bí thư chi bộ, Trưởng thôn bản), xã đã mở được một lớp bồi dưỡng về kiến thức quốc phòng cho 126 đảng viên và các đối tượng còn lại. Căn cứ vào nội dung tiếp thu được trở về cơ sở đội ngũ cán bộ chủ chốt đã rà soát, điều chỉnh lại phương án tác chiến, bố trí thế trận trên địa bàn xã cho phù hợp với điều kiện của xã và tiến hành huấn luyện hiệp đồng tác chiến giữa các lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, lực lượng công an. Thông qua các cuộc diễn tập ZT 02, ZT 04 do huyện chỉ đạo, Đảng uỷ, uỷ ban nhân dân, các đoàn thể nắm vững được động tác vận hành của cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các đoàn thể làm tham mưu, thực hành thứ tự các bước chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu và xử lý tình huống trong công tác chống bạo loạn lật đổ, các đợt diễn tập đã huy động được hàng nghìn công lao động công ích, lao động xã hội, sửa chữa nâng cấp hàng chục kilômét đường liên xóm, đào đắp, sửa chữa hàng chục kilômét

kênh mương nội đồng, giá trị thành tiền đạt trên 100 triệu đồng. Công tác tuyển quân hàng năm đều hoàn thành chỉ tiêu cả về số lượng và chất lượng, những người con quê hương Lam Vĩ trong các đơn vị quân đội đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cùng với việc phát triển kinh tế, công tác quân sự thường xuyên được củng cố góp phần quan trọng vào việc ổn định và phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Về công tác xây dựng Đảng, thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII (2000- 2005) Đảng bộ tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp uỷ, đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với việc xây dựng chính đồn Đảng theo nghị quyết Trung ương 6 lần II (khoá VIII). Để vươn lên xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX. Đảng bộ luôn xác định lấy kết quả phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững ổn định về chính trị, An ninh quốc phòng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân làm thước đo năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng viên và các cấp bộ Đảng. Từ đó Đảng bộ, tích cực đổi mới phương thức hoạt động của cả hệ thống chính trị trong đó tập trung vào khâu chủ yếu là bổ xung hoàn chỉnh quy chế hoạt động, phân định rõ mối quan hệ giữa Hội đồng nhân

dân, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể tạo ra sự thống nhất chỉ đạo từ xã đến các thôn bản. Từ mục tiêu trên Đảng bộ nhận thức rõ công tác bồi dưỡng cán bộ phải đặt lên hàng đầu, do đó đã chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực chuyên môn về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, phương pháp vận động quần chúng cho cán bộ đảng viên. Từ năm 2000- 2005 Đảng ủy đã cử 3 đồng chí đi học Trung cấp lý luận tại trường Đảng tỉnh, 8 đồng chí học tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, 9 đồng chí hoàn thành chương trình sơ cấp lý luận chính trị (trong đó có 8 đồng chí là Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, bản) các thành viên Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các đoàn thể đã thay nhau vừa công tác vừa tham gia học tập hoàn thành chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Đối với đảng viên 45 đồng chí đã hoàn thành chương trình lý luận phổ thông và 95% đảng viên đã được học tập các nghị quyết của Trung ương Đảng, nghị quyết của tỉnh, của huyện và của cấp mình. Qua học tập trình độ nhận thức cán bộ, đảng viên được nâng lên, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo nhân dân thực hiện hoàn thành các mục tiêu kinh tế, xã hội của Đảng bộ.

Để tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Đảng bộ thường xuyên quan tâm, chỉ đạo các chi bộ xây dựng quy chế hoạt động trên cơ sở quán triệt các

chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, từng bước cải tiến nội dung sinh hoạt đảm bảo 3 tính chất lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu. Trong sinh hoạt chi bộ dân chủ thảo luận, đề xuất những biện pháp lãnh đạo, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị cụ thể trên địa bàn, bàn bạc giải quyết những vướng mắc trong nhận thức tư tưởng, những khó khăn trong cuộc sống của đảng viên, thực hiện tự phê bình và phê bình gắn với công tác kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao. Qua sinh hoạt các chi bộ đã đánh giá đúng ưu, khuyết điểm từ đó đề ra hướng phấn đấu, khắc phục những sai sót trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đối với đảng viên được phân công nhiệm vụ thích hợp, xác định rõ trách nhiệm và gương mẫu chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời tích cực phát triển kinh tế gia đình, có lối sống lành mạnh, quan hệ tốt với quần chúng, vận động quần chúng cùng thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng mà trước tiên là nghị quyết của Đảng bộ, trên cơ sở đó nhận xét đánh giá tư cách đảng viên. Qua bình xét năm 2000-2003 số đảng viên đủ tư cách mức I là 73,68%, mức II 25/32%. Năm 2004, trở đi được bình xét theo tiêu chí mới; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 69,4 %, hoàn thành nhiệm vụ 30,6%, không có đảng viên yếu. Về chi bộ tổng số có 19

chi bộ trong đó có 17 chi bộ thôn bản và 2 chi bộ trường học. Những năm 2000, 2002 đạt trong sạch vững mạnh 58%, khá 42 %. Năm 2005 vượt lên trong sạch vững mạnh 94,7%, khá 5,3 % không có chi bộ yếu kém. Đảng bộ xã 5 năm liền (2000-2005) đạt trong sạch vững mạnh.

Công tác phát triển Đảng viên mới đã đi vào nền nếp, các chi bộ đều chú ý bồi dưỡng những nhân tố tích cực để kết nạp vào Đảng., mỗi năm kết nạp từ 7-10 đảng viên, trong nhiệm kỳ (2000-2005) Đảng bộ đã kết nạp được 45 đảng viên mới, đảm bảo đúng nguyên tắc của Đảng, trong đó chủ yếu tập trung vào lớp trẻ giữ các cương vị công tác ở các thôn, bản, các đoàn thể. Đặc biệt số lượng giáo viên, đại biểu cho tầng lớp tri thức được chú ý hơn so với những năm trước. Phát triển Đảng đi đôi với củng cố, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, thông qua công tác kiểm tra để kịp thời ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực trong Đảng, kiên quyết xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng. Từ năm 2000 đến 2005, Đảng bộ đã đưa 2 đảng viên ra khỏi đảng, trong đó khai trừ 1, xóa tên 1.

Đối với công tác xây dựng chính quyền Đảng uỷ đã ra nghị quyết lãnh đạo về công tác tổ chức cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2004-2009. Thông qua mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, quần chúng, Đảng bộ

chỉ đạo giới thiệu những đảng viên, quần chúng nhiệt tình, có năng lực, có điều kiện công tác để nhân dân lựa chọn bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Do làm tốt công tác vận động quần chúng 99% cử tri đi bầu cử. Kết quả bầu được 26 đại biểu, trong đó đảng viên 80%, quần chúng 20%, nữ 26,9%, cán bộ thôn bản 20%. Ngày 22/5/2004, kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2004- 2009 đã bầu các chức danh trong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong đó đồng chí Ma Đình Thượng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Triệu Văn Tường giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bộ máy chính quyền được sắp xếp theo hướng tinh giản và bắt đầu thực hiện chế độ công chức xã theo quyết định mới của Chính phủ, nên đội ngũ cán bộ chuyên môn bị xáo trộn, một số đồng chí phải kiêm nhiệm nhiều việc nên ảnh hưởng đến chất lượng công việc.

Trên cơ sở danh sách Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2005- 2010 do Đại hội Đảng bộ bầu ra ngày 6/9/2005. Ngày 26/9/2005 Đảng ủy họp thảo luận và ra nghị quyết sắp xếp lại đội ngũ cán bộ chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cho phù hợp với nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Đảng ủy đã giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn Hiện ứng cử chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân, giới thiệu đồng chí Ma Đình Thượng ứng cử chức Chủ tịch Ủy ban

nhân dân. Theo sự chỉ đạo của Đảng uỷ ngày 24/10/ 2005 Hội đồng nhân dân họp phiên bất thường để kiện toàn lại tổ chức theo đúng trình tự bầu cử các chức danh chủ chốt, Hội đồng nhân dân đã nhất trí đề đồng chí Ma Đình Thượng thôi giữ chức chủ tịch Hội đồng nhân dân và bầu đồng chí Nguyễn Văn Hiên Bí thư đảng uỷ giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng ý đề đồng chí Triệu Văn Tường thôi giữ chức Chủ tịch Uỷ ban nhân dân và bầu đồng chí Ma Đình Thượng giữ chức Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã.

Các đoàn thể dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của hội cấp trên và những định hướng lãnh đạo của Đảng bộ đã tập trung kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức tập hợp quần chúng, bằng những hoạt động cụ thể mang lại lợi ích thiết thực cho hội viên, tính đến năm 2005 Hội phụ nữ có 389 hội viên, Hội nông dân có 440 hội viên, Hội Cựu chiến binh có 187 hội viên. Nổi bật trong giai đoạn 2000-2005, các đoàn thể cùng với mặt trận tổ quốc đã phối hợp chặt chẽ, tích cực tuyên truyền vận động hội viên và nhân dân tham gia nhiều phong trào do Mặt trận Tổ quốc phát động đã đi vào lòng dân và được nhân dân ủng hộ. Phong trào giúp nhau làm kinh tế, xoá đói giảm nghèo, ngoài các nguồn cho vay vốn của các hội, của Ngân hàng chính sách, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, các

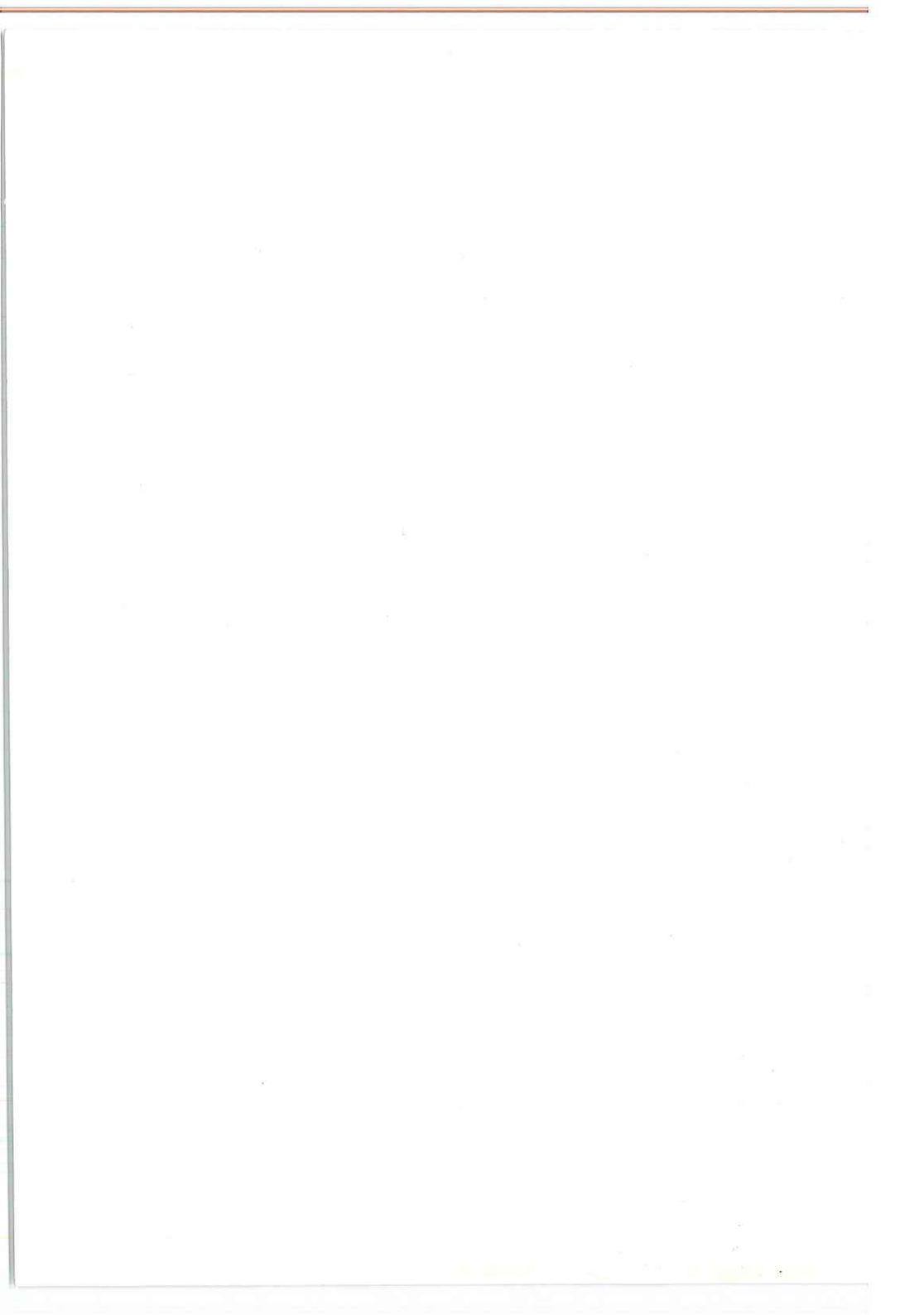


ĐẢNG BỘ XÃ LAM VỸ

ĐẠI HỘI LẦN THỨ XVIII

NHIỆM KỲ 2005 - 2010

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LAM VỸ KHOA XVIII NHIỆM KỲ 2005 - 2010



hội còn vận động hội viên giúp nhau hàng ngàn ngày công, hàng chục triệu đồng để phát triển kinh tế gia đình. Đáng chú ý là phong trào xoá nhà dột nát cho người nghèo, từ 2002- 2005 các đoàn thể và nhân dân đã giúp 50 gia đình xoá được nhà dột nát theo phương thức Nhà nước hỗ trợ 4 triệu đồng còn lại là do nhân dân thôn, xóm đóng góp và anh em trong dòng họ giúp đỡ. Sau 5 năm thực hiện nghị quyết của Đảng bộ nhiều gia đình hội viên đã vươn lên thoát nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%.

PHẦN KẾT LUẬN

Đảng bộ Lam Vĩ có bề dày lịch sử đấu tranh cách mạng, ra đời ngày 22/ 2/1947 được tôi luyện và trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng quê hương. Đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Trải qua thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương gần 60 năm qua Đảng bộ đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức không ngừng vươn lên về mọi mặt. Năm 1947 từ một chi bộ dự bị chỉ có 6 đảng viên đến nay đã trở thành Đảng bộ cơ sở vững mạnh với 226 đảng viên sinh hoạt trong 17 chi bộ xóm bản và 2 chi bộ nhà trường.

Nhận thức sâu sắc về vai trò lãnh đạo của mình trong từng giai đoạn cách mạng. Trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, cơ sở Đảng của Lam Vĩ còn ít đảng viên nhưng đã lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân, kiên quyết đấu tranh trấn áp bọn phản động nổi lên trên địa bàn xã, đập tan âm mưu chống phá cách mạng của chúng. Đồng thời giúp các đơn

vị đóng quân trên địa bàn, động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, cùng với nhân dân toàn huyện đóng góp nhiều sức người, sức của cho cuộc kháng chiến, làm tốt công tác phòng gian bảo mật, giúp đỡ, che chở, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Được tôi luyện trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, chi bộ không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Trong khó khăn đã vươn lên thành một Đảng bộ vững vàng, lãnh đạo nhân dân bám đất, bám làng tích cực xây dựng lực lượng vừa sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ vừa tích cực lao động sản xuất xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, đóng góp nhiều sức người sức của hoàn thành tốt nhiệm vụ chi viện cho các chiến trường đánh Mỹ.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ đã thực sự là hạt nhân lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, từng bước đưa nền kinh tế- xã hội của xã phát triển đi lên, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, đường làng, ngõ xóm được mở rộng, điện lưới quốc gia đã đến

hầu hết các xóm, bản trong toàn xã, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn của xã.

Có được những kết quả trên là do Đảng bộ Lam Vĩ luôn thấu suốt quan điểm của Đảng về công tác vận động quần chúng, động viên lòng nhiệt tình hăng hái của toàn dân, nhờ đó tạo được khí thế cách mạng sôi nổi, từng bước đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, làm cho đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên.

60 năm qua Đảng bộ luôn nêu cao truyền thống đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, đặt lợi ích của Đảng, của dân lên trên hết, thống nhất cao quan điểm tư tưởng, đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức của Đảng, quyết tâm lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế xã hội của địa phương.

Lịch sử Đảng bộ ghi nhận những đóng góp to lớn của các đồng chí đảng viên tiên bối, các cán bộ lãnh đạo xã qua các thời kỳ. Đặc biệt trân trọng, biết ơn sự hy sinh anh dũng của đồng bào, đồng chí đã ngã xuống vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, sự hy sinh ấy càng tô thắm thêm truyền thống yêu nước yêu quê hương của nhân dân các dân tộc xã Lam Vĩ.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ LAM VĨ (1947 - 2005)

Những thành quả mà Đảng bộ và nhân dân xã Lam Vĩ đạt được trong 60 năm qua đã để lại cho thế hệ hôm nay và mai sau những bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, nhất là trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Sự lớn mạnh của Đảng bộ đã trở thành yếu tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương.

T	Tên đảng viên	Biên	Cấp bậc
1	1921917 - 111917	Trần Văn Cửu	Mã Văn Cửu
2	1210417 - 301418	Mã Văn Báo	Mã Văn Báo
3	411418 - 810418	Nguyễn Phúc Tông	Trần Văn Tô
4	910418 - 910419	Lý Phúc Quyền	Hạc Văn / a
5	1010419 - 1210423	Hạc Văn An	Lý Phúc Quyền
6	141024 - 21024	Dương Văn Tô	Lý Phúc Quyền
7	31024 - 121025	Dương Văn Tô	Dương Văn Tô
8	111026 - 111027	Phạm Văn Trường	Dương Văn Tô
9	121027 - 11029	Mông Quốc Phú	Dương Văn Tô
10	21029 - 21029	Không tính biên	Không / an không

PHẦN PHỤ LỤC

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ,
CHỦ TỊCH ỦY BAN KHÁNG CHIẾN
HÀNH CHÍNH VÀ ỦY BAN HÀNH CHÍNH
XÃ LAM VĨ TỪ 1947 - 2005**

T T	Từ tháng năm đến tháng năm	Bí thư	Chủ tịch
1	22/2/1947 - 11/1947	Triệu Văn Chu	Ma Văn Tơ
2	12/1947 - 3/1948	Ma Văn Bảo	Ma Văn Tơ
3	4/1948 - 8/1948	Nguyễn Phúc Tông	Ma Văn Tơ
4	9/1948 - 9/1949	Lý Phúc Quyền	Hạc Văn An
5	10/1949 - 12/1953	Hạc Văn An	Lý Phúc Quyền
6	1/1954 - 2/1954	Dương Hữu Tô	Lý Phúc Quyền
7	3/1954 - 12/1955	Dương Hữu Tô	Dương Hữu Tô
8	1/1956 - 11/1957	Hoàng Văn Bường	Dương Hữu Tô
9	12/1957- 1/1959	Mông Quốc Phú	Dương Hữu Tô
10	2/1959 - 3/1965	Mông Đình Báu	Hoàng Văn Bường

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ GIAI ĐOẠN TỪ 1965 - 2005

I - Đại hội lần thứ nhất ngày 13/3/1965 (QĐ số 42 ngày 31/3/1965)

1. Mông Đình Báu - Bí thư⁽¹⁾
2. Ma Viết Đài - Phó Bí thư
3. Trần Văn Đào - UV Chủ tịch Ủy Ban hành chính
4. Mông Đình Sơn - UV phụ trách tuyên giáo
5. Lý Văn Chanh - UV phụ trách Trưởng công an
6. Nguyễn Đình Hàm - UV phụ trách kiểm tra Đảng
7. Triệu Văn Lô - UV phụ trách xã đội Trưởng
8. Ma Đình Phụng - UV Bí thư Đoàn thanh niên
9. Trần Văn Lượng - UV phụ trách Mặt trận

II - Đại hội lần thứ hai tháng 2/1968

1. Ma Đình Phụng Bí thư
2. Trần Văn Đào - Phó Bí thư - Chủ tịch UBHC

(1) Cuối tháng 11/1965 đ/c Mông đình Báu đi tái ngũ, đ/c Ma Viết Đài quyền Bí thư - Tháng 2/1966 đồng chí Đài được điều đi phụ trách dân công tại Đèo So, đ/c Trần Văn Đào kiêm Bí thư.

3. Phan Thanh Trọng - UV xã đội trưởng
4. Lý Văn Chanh - UV phụ trách Trưởng công an
5. Ma Đức Luân - UV phụ trách văn hoá xã
6. Mông Đình Sơn - UV phụ trách Hợp tác xã
7. Nguyễn Phúc Cát - UV phụ trách Hợp tác xã

III - Đại hội lần thứ 3 - ngày 8/9/1970

1. Ma Đình Phượng Bí Thư
2. Trần Văn Đào - Phó Bí thư - Chủ tịch UBHC
3. Mông Đình Sơn - UV Phụ trách tuyên giáo
4. Dương Thị Sôi - UV Phụ trách thanh niên
5. Lý Văn Chanh - UV phụ trách Trưởng công an
6. Ma Đức Luân - UV phụ trách HTX Lam Phượng
7. Phan Thanh Trọng - UV phụ trách HTX Văn La

IV - Đại hội lần thứ 4 ngày 16/6/1972 (QĐ số 41 ngày 23/6/1972)

1. Ma Đình Phượng - Bí Thư
2. Trần Văn Đào - Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy Ban hành chính (UBHC)
3. Ma Đức Luân - UV TV Phó Chủ tịch
4. Lý Văn Chanh - UV trưởng công an

5. Mông Đình Sơn - UV Bí thư chi bộ hợp tác xã Lam Phượng
6. Triệu Văn Lô - UV phụ trách hợp tác xã Tam Hợp
7. Ma Văn Tăng Bí thư đoàn xã

V - Đại hội lần thứ 5 ngày 29/10/1973 (QĐ số 43 ngày 15/11/1973)

1. Ma Đình Phượng - Bí Thư
2. Trần Văn Đào - Phó Bí thư - Chủ tịch UBHC
3. Ma Đức Luân - UVTV Phó Chủ tịch UBHC
4. Lý Văn Chanh - UV phụ trách Trưởng Công an
5. Triệu Văn Lô - UV Chủ nhiệm HTX Tam Hợp
6. Ma Văn Tăng - UV phụ trách đoàn thanh niên
7. Nguyễn Đình Hàm - UV xã đội trưởng
8. Đàm Văn Thạch - UV Bí thư chi bộ Văn La

VI - Đại hội lần thứ 6 ngày 30/6/1975 (QĐ số 79 ngày 16/10/1975)

1. Ma Đình Phượng - Bí Thư
2. Nguyễn Phúc Cát - Phó Bí thư - Chủ tịch UBHC
3. Ma Văn Tăng - UVTV - Phó Chủ tịch UBHC
4. Lý Văn Chanh - UV Trưởng công an
5. Ma Thị Loan - UV Văn phòng Đảng uỷ

6. Mông Đình Sơn - UV Bí thư chi bộ - Lam Phượng
7. Trần Đình Hiệp - UV xã đội trưởng
8. Đàm Văn Thạch - UV Bí thư chi bộ Văn La
9. Triệu Văn Lô - UV Bí thư chi bộ Tam Hợp

VII - Đại hội lần thứ 7 ngày 25/1/1977 (QĐ số 07 ngày 27/1/1977)

1. Ma Đình Phượng - Bí Thư
2. Nguyễn Phúc Cát - Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
3. Ma Văn Tăng - UVTU - Phó chủ tịch UBND
4. Nguyễn Thị Đậm - UV Thường trực Đảng ủy
5. Trần Văn Đoạt - UV Thường trực UBND
6. Lý Văn Chanh - UV Trưởng công an
7. Trần Văn Đào - UV Bí thư chi bộ Văn La
8. Mông Đình Sơn - UV Bí thư chi bộ - Lam Phượng
9. Hoàng Văn Như - UV Bí thư chi bộ Tam Hợp

VIII - Đại hội lần thứ 8 ngày 30/2/1978 (QĐ số 19 ngày 12/3/1978)

1. Nguyễn Phúc Cát - Phó Bí thư
2. Ma Văn Tăng - UVTU Chủ tịch Ủy ban nhân dân
3. Hoàng Văn Như Phó bí thư- Thường trực Đảng

4. Lý Văn Chanh - UV trưởng công an
5. Nguyễn Thị Đậm - UV văn phòng UBND
6. Mông Đình Sơn - UV thư chi bộ - Lam Phượng
7. Trần Văn Đào - UV Bí thư chi bộ Văn La
8. Trần Văn Đoạt - UV xã đội Trưởng
9. Ma Đình Phượng Chủ nhiệm hợp tác xã toàn xã

IX - Đại hội lần thứ 9 ngày 14/12/1979 (QĐ số 21 ngày 8/1/1980)

1. Ma Đình Phượng - Bí Thư
2. Hoàng Văn Như - Phó Bí thư - Chủ nhiệm UBKT
3. Ma Văn Tăng - UVTV Chủ tịch uỷ Ban nhân dân
4. Nguyễn Thị Đậm - UV Thường trực Đảng
5. Lý Văn Chanh - UV Phó chủ tịch - Trưởng công an
6. Trần Văn Đoạt - UV thường trực UBND
7. Lương Văn Tuyên - UV xã đội trưởng
8. Ma Đức Luân - UV Trưởng Ban kiểm soát HTX
9. Đỗ Văn Thiếp - UV phụ trách Đoàn thanh niên

X - Đại hội lần thứ 10 tháng năm 1982 (QĐ số 140 ngày 23/11/1982)

1. Ma Đức Luân - Bí thư

2. Hoàng Văn Như - Phó Bí thư - Chủ tịch UBND
3. Nguyễn Thị Đậm - UV TT Đảng uỷ - TT UBND
4. Trần Văn Đoạt - UV Phó Chủ tịch UBND
5. Lương Văn Tuyên - UV xã đội trưởng
6. Nguyễn Đình Hàm - UV Chủ tịch mặt trận
7. Trịnh Thị Tôn - UV Chủ tịch Phụ nữ
8. Hứa Đình Cân - UV phụ trách Văn hoá
9. Ma Văn Tăng - UV Chủ nhiệm hợp tác xã

XI - Đại hội lần thứ 11 ngày 14-15/6/1985

1. Mông Đình Báu - Bí thư
2. Hoàng Văn Như - Phó Bí thư - Chủ tịch UBND
3. Hoàng Nam Tiến - UV Thường trực Đảng uỷ
4. Trần Văn Đoạt - UV- Phó chủ tịch UBND
5. Lương Văn Tuyên - UV xã đội trưởng
6. Nguyễn Đình Hàm - UV Chủ tịch MTTQ
7. Ma Văn Cường - UV Thường trực UBND
8. Trịnh Thị Tôn - UV Chủ tịch Phụ nữ
9. Ma Đình Phụng - UV TV Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp toàn xã

XII - Đại hội lần thứ 12 ngày 12-13-14/9/1986

1. Mông Đình Báu Bí Thư
2. Hoàng Văn Như - Phó Bí thư - Chủ tịch UBND
3. Trần Văn Đoạt - UV TV Phó Chủ tịch UBND
4. Hoàng Nam Tiến -UV Thường trực Đảng uỷ
5. Trịnh Thị Tôn - UV Chủ tịch Phụ nữ
6. Ma Văn Cường - UV Thường trực UBND
7. Nguyễn Phúc Giáp - UV Bí thư chi bộ thôn Làng Quyền
8. Phạm Ngọc Rồng - UV Kế toán hợp tác xã toàn xã
9. Lường Văn Tuyên - UV xã đội trưởng
10. Ma Đức Hoàn - UV Cán bộ thuế
11. Ma Đình Thượng - UV

XIII - Đại hội lần thứ 13 ngày 24-25/2/1989

1. Lường Văn Tuyên - Bí thư⁽¹⁾
2. Ma Đức Hoàn - Phó Bí thư Chủ tịch UBND
3. Nguyễn Văn Hiện - UV Thường trực
4. Đỗ Văn Thiệp UVTV Phó chủ tịch UBND

(1) Tháng 11/1989, đ/c Tuyên nghỉ chế độ, đ/c Hoàn Chủ tịch kiêm Bí Thư.

5. Ma Văn Cường - UV thư ký HĐND
6. Lôi Đình Nhân - UV
7. Nguyễn Phúc Độ - UV Kế toán ngân sách
8. Phan Thanh Ly - UV Xã đội trưởng
9. Hà Văn Cam - UV Hiệu trưởng trường cấp II
10. Hoàng Văn Tần - UV Chủ tịch Hội Nông dân
11. Trịnh Thị Tôn - UV phụ trách Phụ nữ

XIV - Đại hội lần thứ 14 ngày 22/10/1991

1. Ma Đức Hoàn - Bí thư
2. Ma Văn Cường - Phó bí thư - Chủ tịch UBND⁽²⁾
3. Lương Văn Quang - UVTV, Thường trực Đảng
4. Nguyễn Văn Hiện - UV phó Chủ tịch - Trưởng Công an
5. Lôi Đình Nhân - UV Xã đội trưởng
6. Hoàng Văn Phòng - UV Bí thư Thanh niên
7. Hứa Đức Minh - UV Văn phòng ủy ban
8. Triệu Văn Tường - UV Chủ tịch Hội Nông dân
9. Nguyễn Phúc Giáp - UV Nông lâm giao thông, thủy lợi

(2) Tháng 6/ 1992, do trình độ có hạn đ/c Cường xin rút chức Chủ tịch UBND— xuống làm Phó Chủ tịch UBND, đ/c Ma Đức Hoàn kiêm chức Chủ tịch.

XV - Đại hội lần thứ 15 ngày 29-30/5/1994

1. Lương Văn Quang- Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND
2. Ma Đức Hoàn- Phó Bí thư - Chủ tịch UBND
3. Nguyễn Văn Hiện - UVTV Thường trực Đảng
4. Đỗ Văn Thiếp - UV Phó chủ tịch UBND
5. Ma Văn Cường - UV Thư ký HĐND
6. Lôi Đình Nhân - UV Xã đội trưởng
7. Triệu Văn Tường - UV Chủ tịch Nông dân
8. Hoàng Văn Phòng - UV Bí thư Đoàn xã
9. Gia Thị Tươi - UV Giáo viên trường PTCS

XVI - Đại Hội lần thứ 16 ngày 24/1/1996

1. Lương Văn Quang- Bí thư
2. Nguyễn Phúc Độ - Phó bí thư - Chủ tịch UBND
3. Nguyễn Văn Hiện - UVTV Thường trực Đảng uỷ
4. Triệu Văn Tường - UV Phó Chủ tịch, Trưởng Công an
5. Lôi Đình Nhân - UV Chủ tịch Hội đồng nhân dân
6. Ma Văn Cường - UV Phó chủ tịch HĐND

7. Nguyễn Phúc Giáp - UV địa chính
8. Đồ Văn Thiệp - UV
9. Nguyễn Thị Yến - UV Chủ tịch Hội Phụ nữ
10. Hoàng Đình Hàm - UV Chủ tịch Hội Nông dân
11. Phạm Thị Tươi - UV Giáo viên trường tiểu học
12. Hứa Đức Minh - UV kế toán ngân sách xã
13. Mông Đình Khoa UV Bí thư chi bộ thôn Khau Viêng

XVII - Đại hội lần thứ 17 ngày 14-15/9 /2000 (QĐ 1095 QĐ/HU ngày 28/9/2000)

1. Nguyễn Văn Hiện - Bí thư
2. Triệu Văn Tường - Phó Bí thư - Chủ tịch UBND
3. Lôi Đình Nhân - UV TV Thường trực
4. Ma Đình Thượng - UV Phó Chủ tịch - Trưởng Công an
5. Ma Văn Cường - UV Phó Chủ tịch HĐND
6. Ma Văn Quý - UV Xã đội trưởng
7. Phạm Thị Tươi - UV Hiệu trưởng trường tiểu học
8. Nguyễn Thị Yến - UV Chủ tịch Hội Phụ nữ
9. Đồ Văn Thiệp - UV Hội Cựu chiến binh

XVIII - Đại hội lần thứ 18 ngày 5-6/9/2005 (QĐ số 652 ngày 17/10/2005)

1. Nguyễn Văn Hiện Bí thư⁽¹⁾
2. Ma Đình Thượng - Phó Bí thư Chủ tịch HĐND
3. Lôi Đình Nhân - UVTV Thường trực Đảng
4. Ma Văn Quý UV- Phó Chủ tịch HĐND
5. Mông Đình Cường - UV Phó Chủ tịch UBND
6. Lý Văn Kim UV- Trưởng Công an
7. Hoàng Văn Tiên- UV Xã đội trưởng
8. Đỗ Văn Thiếp - UV Bí thư chi bộ
9. Lưu Thị Sâm - UV chuyên trách dân số - Văn phòng Đảng uỷ
10. Lương Minh Nhập - UV Chủ tịch Chũ thập đỏ
11. Trần Văn Hảo - UV Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc
12. Hoàng Đình Hiệp - UV Phó bí thư đoàn xã
13. Mạc Thị Tuyết - UV

(1) Tháng 10/2005 đ/c Triệu Văn Tường thôi giữ chức Chủ tịch UBND, đ/c Ma Đình Thượng thay chức Chủ tịch UBND, đ/c Nguyễn Văn Hiện kiêm chức Chủ tịch HĐND.

DANH SÁCH CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA

1. Hạc Văn An

2. Hứa Đức Danh

DANH SÁCH LIỆT SĨ

A - Chống Pháp:

1- Hoàng Văn Tinh

2- Hạc Văn Lai

3- Dương Hữu Vũ

4- Phạm Ngọc Hồ

5- Nguyễn Văn Kê

6- Mông Đình Tư

B - Chống Mỹ:

- 1- Ma Viết Hào
- 2- Ma Đình Liêm
- 3- Hứa Đức Nhất
- 4- Ma Viết Viên
- 5- Ma Viết An
- 6- Nguyễn Phúc Quy
- 7- Ma Văn Tuỳ
- 8- Ma Đức Kỳ
- 9- Lường Văn Căn
- 10- Lường Văn Lạ
- 11- Nguyễn Phúc Tập
- 12- Nguyễn Phúc Sử
- 13- Nguyễn Đình Bích
- 14- Nguyễn Đình Hoan
- 15- Nguyễn Đình Học
- 16- Hứa Đình Đạo
- 17- Mông Đình Hiên
- 18- Nguyễn Đình Đàm

19- Ma Văn Viên (Văn La)

20- Trần Văn Nước

21- Ma Văn Tạ

22- Ma Văn Phúc

23 - Lâm Đình Lập

24- Hạc Văn Thi

25- Nguyễn Phúc Quang

26- Bùi Công Quý

27- Mông Đình Lương

28- Phan Thanh Thông

29- Hứa Đình Minh

30- Hứa Đức Viên

31- Hạc Ngọc Chuyên

32- Ma Quang Khai

33- Nguyễn Đình Nghĩa

34- Nguyễn Sĩ Huệ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tên làng xã Việt Nam thế kỷ XIX- của Viện Hán Nôm
2. Đồng khánh dư địa chí của Viện viễn đông Bắc Cổ
3. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I, II
4. Lịch sử Đảng bộ huyện Định Hoá 1930- 2000
5. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hồ Chí Minh với việc xây dựng ATK Định Hoá
6. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc từ lần thứ IV- IX
7. Các nghị quyết của ban chấp hành Trung ương từ 1995-2005
8. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV, XVI
9. Văn Kiện Đại hội đảng bộ huyện Định Hoá lần thứ XVIII, XIX, XX
10. Văn kiện Đại hội Đảng bộ xã Lam Vĩ XVI, XVII
11. Báo cáo xây dựng Đảng bộ xã Lam Vĩ từ 2000- 2005
12. Báo cáo Uỷ ban nhân dân xã 2000- 2005
13. Tư liệu lưu trữ tại kho lưu trữ văn phòng huyện uỷ
14. Ghi chép của các đồng chí cán bộ qua các thời kỳ và cung cấp của các nhân chứng

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu

6

PHẦN MỞ ĐẦU

LAM VĨ ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH

8

CHƯƠNG I

LAM VĨ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

1946 -1954

A. Xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân. 42

B. Chi bộ xã Phụng Tú ra đời, lãnh đạo nhân dân xây dựng lực lượng tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ Thủ đô kháng chiến. 50

CHƯƠNG II

CHI BỘ LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG THAM GIA CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC 1955 - 1975

- A. Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội 1955- 1965. 77
- B. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu, dồn sức người, sức của chi viện cho chiến trường đánh Mỹ 1965-1975. 103

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ LAM VĨ LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC 1975- 1985 126

CHƯƠNG IV

ĐẢNG BỘ LAM VĨ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI 1986 - 2000

- A. Xã Lam Vĩ trong những năm đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới 1986 - 1991 148
- B. Đảng bộ xã Lam Vĩ tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện trên địa bàn xã 1991 - 2000 156

CHƯƠNG V

NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI Ở LAM VĨ	184
GIAI ĐOẠN 2000- 2005	

PHẦN KẾT LUẬN	208
----------------------	-----

PHỤ LỤC

- Danh sách các đồng chí Bí thư chi bộ, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính và Ủy ban hành chính xã Lam Vĩ từ 1947 - 1965	212
--	-----

- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ giai đoạn từ 1965 - 2005	213
--	-----

- Danh sách cán bộ tiên khởi nghĩa	224
------------------------------------	-----

- Danh sách liệt sỹ	224
---------------------	-----

TÀI LIỆU THAM KHẢO	227
---------------------------	-----

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ LAM VĨ
1947 - 2005**

**Chịu trách nhiệm xuất bản
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LAM VĨ**

**Biên tập và Sửa bản in
LÝ THỊ SẮN
LÊ NHÂM**

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ LAM VĨ
1947 - 2007

Chịu trách nhiệm xuất bản
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LAM VĨ

Biên tập và soạn bản in

LÝ THỊ SÂN

LE NHAM

In 500 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Nhà in Báo Thái Nguyên.
Giấy phép xuất bản số 57/GP-SVHTT do Sở VH TT tỉnh Thái Nguyên cấp
ngày 16 tháng 10 năm 2007. In xong nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2007.